

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TIỂU BAN VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII

**BÁO CÁO
10 NĂM THỰC HIỆN
CƯƠNG LĨNH 2011**



NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

**BÁO CÁO
10 NĂM THỰC HIỆN
CƯƠNG LĨNH 2011**

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TIỂU BAN VĂN KIỆN ĐẠI HỘI XIII**

**BÁO CÁO
10 NĂM THỰC HIỆN
CƯƠNG LĨNH 2011**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT
Hà Nội - 2020**

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Đại hội VII của Đảng (năm 1991) đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Cương lĩnh 1991 có giá trị định hướng và chỉ đạo to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của đất nước ta. Sau 20 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, tình hình thế giới và trong nước đã có nhiều biến đổi to lớn và sâu sắc. Nhiều vấn đề mới nảy sinh từng bước được Đảng ta nhận thức và giải quyết có hiệu quả; nhiều vấn đề liên quan đến Cương lĩnh đã có nhận thức mới, sâu sắc hơn; quan niệm về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta ngày càng rõ hơn; đồng thời cũng thấy rõ thêm những vấn đề mới đặt ra cần được giải đáp. Vì vậy, Đại hội XI của Đảng (năm 2011) đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).

Trong 30 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011, đất nước ta đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử: các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng ngày càng được hiện thực hóa; việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp đạt kết quả quan trọng; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân

có bước tiến rõ; quyền dân chủ được Hiến pháp khẳng định và thực hiện tốt hơn; việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân đạt những thành tựu quan trọng; quan hệ đối ngoại được mở rộng và ngày càng đi vào chiều sâu; tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng cường, giữ vững chủ quyền biên giới, lãnh thổ, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; công tác xây dựng Đảng được triển khai đồng bộ, toàn diện; việc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, lãng phí được chỉ đạo quyết liệt, đạt nhiều kết quả thiết thực... Nhưng bên cạnh đó, vẫn còn những mặt hạn chế cả trong nhận thức lẫn trong hoạt động thực tiễn dẫn đến một số mục tiêu đề ra trong Cương lĩnh 2011 chưa thực hiện được và những vấn đề mới đặt ra cần tiếp tục nghiên cứu. Chính vì vậy, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã chỉ đạo xây dựng “Báo cáo 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011” nhằm tổng kết về lý luận và thực tiễn sự lãnh đạo của Đảng sau 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011.

Báo cáo 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011 là kết quả nghiên cứu công phu, nghiêm túc, có nội dung phong phú, tập trung làm rõ các vấn đề cơ bản về quan điểm, đường lối, chiến lược của cách mạng nước ta.

Thực hiện ý kiến của Thường trực Ban Bí thư về việc xuất bản *Báo cáo 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật xin trân trọng giới thiệu toàn văn bản Báo cáo này tới cán bộ, đảng viên.

Tháng 3 năm 2020

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020

**BÁO CÁO
10 NĂM THỰC HIỆN CƯƠNG LĨNH 2011**

I- BỐI CẢNH THỰC HIỆN CƯƠNG LĨNH 2011

1. Bối cảnh quốc tế 2011-2020

Sau khủng hoảng (năm 2008), kinh tế thế giới phục hồi, nhưng chậm và không ổn định. Các nước lớn thực hiện nhiều điều chỉnh chiến lược toàn diện, đẩy mạnh cải cách trên nhiều lĩnh vực, trong đó tập trung vào việc điều chỉnh cơ cấu để thiết lập lại nền tảng cho sự phát triển bền vững. Tương quan sức mạnh của các nền kinh tế và cục diện phát triển toàn cầu thay đổi với sự trỗi dậy của các nước mới nổi và sự suy yếu tương đối của các nước phát triển. Các cường quốc mới nổi, nhất là Trung Quốc, và các nước Nga, Ấn Độ, ngày càng có ảnh hưởng đến các vấn đề toàn cầu.

Hoà bình, hợp tác phát triển vẫn là xu thế lớn của thế giới. Tuy nhiên, xung đột vũ trang, xung đột văn hoá, sắc tộc, tôn giáo, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố, tranh chấp lãnh thổ, biển, đảo, tài nguyên tiếp tục diễn ra phức tạp.

Các thể chế toàn cầu suy giảm vai trò, xuất hiện những liên kết mới, những cơ chế đa phương mới đan xen với các thể chế hiện hành. Một số định chế toàn cầu và khu vực như UN, WTO, EU, ASEAN, APEC... đang đứng trước yêu cầu phải đổi mới để đáp ứng tốt hơn những đòi hỏi, xu thế phát triển và tương quan lực lượng mới trên thế giới. Việc các nước, nhất là các nước phát triển, giảm cam kết đối với một số cơ chế đa phương đã tạo ra những thách thức mới cho các tổ chức quốc tế và khu vực.

Xu hướng toàn cầu hoá và mở cửa nền kinh tế vẫn tiếp tục, song đứng trước những thách thức mới, chủ nghĩa bảo hộ trỗi dậy trở thành rào cản lớn đối với thương mại, đầu tư quốc tế. Xu hướng toàn cầu hoá đi vào chiều sâu, với việc ký kết những Hiệp định Thương mại tự do (FTA) thế hệ mới, sự liên thông ngày càng cao của các thị trường tài chính toàn cầu.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đang diễn ra mạnh mẽ; tri thức và nguồn nhân lực chất lượng cao tiếp tục đóng vai trò ngày càng quan trọng hơn trong sự phát triển. Đổi mới sáng tạo trở thành động lực phát triển mới đang tạo ra những đột phá trong nhiều lĩnh vực.

Quá trình quốc tế hoá sản xuất và phân công lao động diễn ra ngày càng sâu rộng. Việc tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu đã trở thành yêu cầu khách quan đối với các nền kinh tế. Nhờ thu hút dòng vốn đầu tư nước ngoài và đổi mới công nghệ, các nước đang phát triển có cơ hội tiếp cận và gia nhập các mạng sản xuất toàn cầu.

Các nước đang phát triển, nhất là những nước vừa và nhỏ vẫn phải đổi mới với nhiều khó khăn và thách thức, nhất là các vấn đề toàn cầu như biến đổi khí hậu, ô nhiễm môi trường, thiên tai, dịch bệnh, cạn kiệt tài nguyên, bất bình đẳng giàu nghèo, già hoá dân số,... Ngoài ra, những biến đổi của cục diện thế giới với sự gia tăng cạnh tranh giữa các nước lớn, nhất là cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc ngày càng gay gắt, phức

tập. Khu vực châu Á - Thái Bình Dương phát triển năng động, nhưng vẫn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định. Đặc biệt, Biển Đông trở thành điểm nóng của bàn cờ chính trị quốc tế do tranh chấp chủ quyền và sự cạnh tranh ảnh hưởng giữa các cường quốc.

2. Bối cảnh trong nước 2011-2020

Toàn Đảng, toàn dân tập trung thực hiện Nghị quyết Đại hội XI, XII của Đảng, đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh quốc gia, thực hiện ba đột phá chiến lược và đã đạt được những kết quả quan trọng. Cải cách hành chính được đẩy mạnh, môi trường kinh doanh từng bước cải thiện, kết cấu hạ tầng được nâng cấp, chất lượng nguồn nhân lực từng bước được nâng cao.

Những năm đầu, do tác động của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế toàn cầu, tăng trưởng kinh tế rơi xuống mức thấp nhất. Những năm gần đây, kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, tỷ lệ lạm phát giảm mạnh; nợ công và bội chi ngân sách giảm; cán cân thương mại bắt đầu có thặng dư.

Nói chung, nền kinh tế đang có những bước chuyển biến tích cực. Văn hoá, xã hội tiếp tục phát triển và đạt được những kết quả quan trọng, nhưng vẫn tồn tại nhiều bất cập, gây bức xúc trong nhân dân.

Hiến pháp 2013 thể chế hoá Cương lĩnh 2011, tạo cơ sở pháp lý cho việc tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, đổi mới, kiện toàn hệ thống chính trị, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân. Công cuộc xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đấu tranh chống suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ, chống tham nhũng, lãng phí... được đẩy mạnh và quyết liệt hơn, đạt được những kết quả quan trọng, nổi bật.

Hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế được đẩy mạnh. Việt Nam đã tổ chức nhiều sự kiện quốc tế lớn, ký kết những hiệp định thương mại tự do quan trọng¹;

1. Các hiệp định: Hiệp định Thương mại tự do với Chile năm 2014, với Hàn Quốc năm 2015; Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh kinh tế Á - Âu (VN-EAEU FTA) năm 2016; Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) năm 2019; và Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA) đã ký kết vào ngày 30/6/2019.

các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới mở ra nhiều cơ hội hợp tác kinh tế cho Việt Nam trong thời gian tới. Trước những diễn biến phức tạp của tình hình thế giới, khu vực, nhất là tình hình Biển Đông, quốc phòng, an ninh tiếp tục được tăng cường, giữ vững độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ.

Các tác động tiêu cực của Internet, mạng viễn thông, mạng xã hội, lại bị các thế lực thù địch lợi dụng để chống phá, đã tác động xấu đến một bộ phận xã hội, nhất là ở giới trẻ.

Tình hình thiên tai, dịch bệnh, biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp, bất thường tại nhiều vùng, ngày càng nghiêm trọng hơn cả về cường độ và tần suất, gây thiệt hại nặng nề, để lại hậu quả lâu dài, tác động lớn đến sản xuất và đời sống của nhân dân.

II- NHẬN THỨC VÀ THỰC TIỄN 10 NĂM THỰC HIỆN CƯƠNG LĨNH 2011, NHÌN LẠI 30 NĂM THỰC HIỆN CƯƠNG LĨNH 1991

1. Những vấn đề chung về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta

Cương lĩnh 2011 kế thừa, bổ sung, phát triển những nội dung cơ bản của Cương lĩnh 1991, trình

bày những vấn đề căn cốt nhất, những nguyên tắc và định hướng căn bản nhất trong đường lối xây dựng, bảo vệ đất nước trên con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội với tầm nhìn đến giữa thế kỷ XXI. Từ năm 2011 đến nay, các văn kiện Đảng đã quán triệt, kiên định những vấn đề có tính nguyên tắc, đồng thời không ngừng cụ thể hóa, làm phong phú, sâu sắc hơn nội dung của Cương lĩnh, *tiếp tục làm sáng rõ hơn nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.*

Nhận thức về bối cảnh quốc tế trong thế giới đương đại: Từ những dự báo, nhận định tổng quát, được trình bày trong Cương lĩnh 2011, Đảng đã tiếp tục cập nhật những động thái, xu hướng, diễn biến mới ở khu vực, quốc tế, nhất là sự điều chỉnh chiến lược và sự cạnh tranh, đấu tranh quyết liệt giữa các nước lớn; sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa dân tuý, chủ nghĩa bảo hộ... trong khi xu thế toàn cầu hoá vẫn tiếp tục phát triển; sự gia tăng các thách thức an ninh truyền thống, phi truyền thống; sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ, nhất là cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư...; đồng thời phân

tích những tác động thuận, không thuận đến nước ta để chủ động ứng phó.

Về 8 đặc trưng của mô hình xã hội xã hội chủ nghĩa được xác định trong Cương lĩnh 2011: Những năm qua, Đảng nhận thức sâu sắc hơn nội hàm của từng đặc trưng và mối quan hệ thống nhất biện chứng giữa các đặc trưng. Nổi bật là nhận thức về dân chủ xã hội chủ nghĩa, về vai trò và quyền làm chủ của nhân dân; về vị trí trung tâm của kinh tế - xã hội, về phát triển kinh tế nhanh, bền vững, chú trọng chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; về vai trò nền tảng tinh thần, nguồn lực nội sinh của văn hoá, vai trò chủ thể, động lực phát triển của con người; về vai trò, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc; về sự gắn bó dân tộc và nhân loại, quốc gia và quốc tế. Đảng cũng nhận thức sâu sắc hơn thời cơ, thách thức đối với đất nước để tính toán các bước đi, thiết kế các hình thức tổ chức kinh tế, xã hội phù hợp với yêu cầu, điều kiện của từng thời đoạn.

Mục tiêu tổng quát khi kết thúc kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và mục tiêu đến thế kỷ XXI xây dựng nước ta trở thành nước công nghiệp hiện

đại, theo định hướng xã hội chủ nghĩa được xác định trong Cương lĩnh 2011 là định hướng quan trọng. Đại hội XI, XII và các hội nghị Trung ương (đặc biệt là các hội nghị Trung ương 5, 7, 8 khoá XII) đã cụ thể hoá mục tiêu, tiêu chí, chỉ tiêu phấn đấu qua chiến lược phát triển 10 năm, các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm, với tầm nhìn đến giữa thế kỷ XXI.

Về các phương hướng cơ bản, trong 10 năm qua, bám sát 8 phương hướng cơ bản nêu trong Cương lĩnh 2011, Đảng đã cụ thể hoá, bổ sung, làm sáng tỏ hơn phương hướng phát triển đất nước. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước được tiếp cận theo tư duy mới gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; nhấn mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; chú trọng chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh; phát triển nhanh, bền vững. Nhận thức về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ngày càng đầy đủ hơn theo hướng xây dựng nền kinh tế thị trường đầy đủ, hiện đại, hội nhập, bảo đảm độc lập, tự chủ đồng thời chủ động, tích cực hội nhập

quốc tế. Phương hướng xây dựng văn hoá, con người; phát triển xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; tăng cường đối ngoại, hội nhập quốc tế; thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xây dựng và chỉnh đốn Đảng... được cụ thể hoá, bổ sung về nhận thức, ngày càng hoàn thiện, phong phú hơn. Đặc biệt, quan hệ gắn bó giữa 8 phương hướng cơ bản đã được Đảng nhận thức một cách khoa học theo tư duy tổng thể: "Thời kỳ mới đòi hỏi phải phát triển đất nước toàn diện, đồng bộ hơn về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là trung tâm; xây dựng Đảng là then chốt; xây dựng văn hoá, con người làm nền tảng tinh thần; tăng cường quốc phòng, an ninh là trọng yếu, thường xuyên".

Về các mối quan hệ lớn, Cương lĩnh 2011 nhấn mạnh, trong quá trình thực hiện các phương hướng cơ bản, phải đặc biệt chú trọng nắm vững và giải quyết tốt 8 mối quan hệ lớn giữa: đổi mới, ổn định và phát triển; đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; kinh tế thị trường và định hướng xã hội

chủ nghĩa; phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ. Đây là sự khái quát ở tầm lý luận những vấn đề cốt lõi phản ánh quy luật vận động của cách mạng Việt Nam thời kỳ đổi mới. Trong quá trình thực hiện Cương lĩnh 2011, trên cơ sở bám sát thực tiễn đổi mới, Đảng nhận thức sâu sắc, đầy đủ hơn ý nghĩa đặc biệt quan trọng của việc nhận thức, giải quyết các mối quan hệ lớn, đồng thời điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu mới. Văn kiện Đại hội XII của Đảng điều chỉnh quan hệ "giữa kinh tế thị trường và định hướng xã hội chủ nghĩa" thành "giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa", bổ sung mối quan hệ giữa Nhà nước và thị trường. Nghị quyết Trung ương 5 khoá XII phát triển mối quan hệ "giữa Nhà nước và thị trường" thành "giữa Nhà nước, thị trường và xã hội".

2. Về phát triển kinh tế

Về nhận thức: Qua 10 năm (2011 - 2020), nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước được bổ sung, phát triển, ngày càng hoàn thiện.

Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được nhận thức là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, đồng thời có sự quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước, nhằm mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh".

Đó là nền kinh tế đa dạng các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp; trong đó, kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, kinh tế tư nhân là một động lực quan trọng của nền kinh tế. Quyền sở hữu, quyền tài sản, quyền tự do kinh doanh được pháp luật bảo vệ. Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế đều tự chủ, hoạt động theo cơ chế thị trường, cạnh tranh bình đẳng theo pháp luật.

Đó là nền kinh tế có sự phát triển đầy đủ các yếu tố thị trường và các loại hình thị trường, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước. Thị trường đóng vai trò chủ yếu trong huy động, phân bổ, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển; là động lực chủ yếu để giải phóng sức sản xuất.

Đó là nền kinh tế độc lập, tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế; không ngừng củng cố, nâng cao tiềm lực kinh tế của đất nước, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển lực lượng doanh nghiệp trong nước ngày càng lớn mạnh; đồng thời, tham gia tích cực vào các tổ chức kinh tế khu vực và thế giới, ký kết các hiệp định thương mại, đầu tư song phương, đa phương, phù hợp với yêu cầu phát triển đất nước. Chủ động có giải pháp ngăn ngừa, giảm thiểu tác động tiêu cực từ bên ngoài vào kinh tế đất nước.

Định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường thể hiện ở vai trò quản lý của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản

Việt Nam lãnh đạo; ở mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh"; ở quan hệ sở hữu, phương thức tổ chức quản lý, quan hệ phân phối để nền kinh tế phát triển nhanh, bền vững, ngăn ngừa, giảm thiểu các khuyết tật, tác động tự phát của cơ chế thị trường, gắn kết chặt chẽ phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường; thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội phù hợp với trình độ phát triển kinh tế trong từng giai đoạn; thực hiện và phát huy quyền làm chủ của nhân dân tham gia và hưởng thụ thành quả phát triển.

10 năm qua, nhận thức của Đảng về công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã có những phát triển mới cả về nội dung và phương thức thực hiện; phù hợp với cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế; gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, phát triển đất nước nhanh, bền vững cả kinh tế, xã hội, môi trường.

Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo, nguồn nhân lực chất lượng cao trong từng doanh nghiệp, từng ngành, lĩnh vực; cơ cấu lại đầu tư, hệ thống thị trường, cơ cấu lại các doanh nghiệp; chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động từ những ngành, lĩnh vực có năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh thấp sang những ngành, lĩnh vực có năng suất, hiệu quả, sức cạnh tranh cao trên thị trường trong nước và thế giới.

Tập trung phát triển những ngành công nghiệp có tính nền tảng, có lợi thế so sánh và có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển nhanh, bền vững, nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế; có khả năng tham gia có hiệu quả vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Phát triển có chọn lọc một số ngành công nghiệp chế tạo, chế biến, công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp sạch, công nghiệp cơ khí, điện tử, hoá chất, công nghiệp năng lượng tái tạo, sản xuất vật liệu mới, công nghiệp phục vụ nông nghiệp, nông thôn, công nghiệp quốc phòng, an ninh, công nghiệp hỗ trợ; từng bước phát

triển công nghiệp sinh học, công nghiệp văn hoá, công nghiệp môi trường.

Xây dựng nền nông nghiệp sản xuất lớn, công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, có giá trị gia tăng, chất lượng sản phẩm cao, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, trên cơ sở ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ sinh học, công nghệ thông tin vào sản xuất, quản lý. Có chính sách tích tụ, tập trung ruộng đất thích hợp, hiệu quả, thu hút mạnh các nguồn đầu tư phát triển nông nghiệp, từng bước hình thành các tổ hợp nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ công nghệ cao. Phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn, xây dựng nông thôn mới, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân ở nông thôn.

Phát triển khu vực dịch vụ theo hướng hiện đại, nhất là các ngành dịch vụ có lợi thế, có hàm lượng tri thức và công nghệ cao, như du lịch, hàng hải, hàng không, viễn thông, công nghệ thông tin, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, logistic, các dịch vụ hỗ trợ sản xuất khác. Đổi mới, hoàn thiện thể chế để phát triển các dịch vụ giáo dục - đào tạo, y tế, khoa học - công nghệ, văn hoá, thông

tin, thể thao, dịch vụ việc làm. Phát triển mạnh hệ thống phân phối bán buôn, bán lẻ trong nước, tham gia vào mạng phân phối toàn cầu. Hình thành một số trung tâm dịch vụ, du lịch tâm cõi khu vực và quốc tế.

Phát triển mạnh kinh tế biển: công nghiệp khai thác, chế biến dầu khí; đánh bắt xa bờ và hậu cần nghề cá; kinh tế hàng hải (đóng và sửa chữa tàu, vận tải biển, dịch vụ cảng biển); du lịch biển, đảo; phát triển năng lượng tái tạo và các khu kinh tế ven biển. Có cơ chế thu hút mạnh các nguồn lực để phát triển kinh tế biển và bảo vệ môi trường biển, ứng phó với biến đổi khí hậu, khai thác tài nguyên biển, đảo một cách bền vững.

Tập trung xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng tương đối đồng bộ với một số công trình hiện đại, trọng tâm là hệ thống hạ tầng giao thông, hạ tầng năng lượng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; hạ tầng thuỷ lợi đáp ứng yêu cầu phát triển nông nghiệp và ứng phó với biến đổi khí hậu; hạ tầng đô thị đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị hiện đại.

Về thực tiễn: Qua 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011, nền kinh tế nước ta đã đạt được những kết quả to lớn, quan trọng. Đường lối phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, hội nhập quốc tế và đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước được thể chế hóa trong Hiến pháp 2013 và nhiều luật, văn bản quy phạm pháp luật khác của Nhà nước. Môi trường đầu tư kinh doanh ngày càng được hoàn thiện, công khai, minh bạch, thông thoáng, thuận lợi hơn, bình đẳng hơn. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục phát triển theo hướng hiện đại, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng; công nghiệp hóa, hiện đại hóa đạt nhiều kết quả tích cực.

Các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp tiếp tục phát triển đa dạng. Việc đổi mới, cơ cấu lại, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước được đẩy mạnh; kinh tế tập thể được đổi mới, tiếp tục phát triển; kinh tế tư nhân được xác định là một động lực quan trọng, có bước phát triển nhanh, có vai trò ngày càng lớn

trong nền kinh tế; thu hút vốn đầu tư nước ngoài đạt kết quả tích cực¹.

Các yếu tố thị trường và các loại thị trường tiếp tục phát triển, thị trường trong nước ngày càng gắn kết với thị trường khu vực và thế giới. Hầu hết giá cả hàng hoá, dịch vụ do thị trường xác định, giá cả do Nhà nước quy định ngày càng thu hẹp; đấu thầu cạnh tranh, công khai, minh bạch để xác định giá cả và phân bổ nguồn lực trở thành phổ biến; quan hệ cung - cầu đóng vai trò chủ yếu trong luân

1. Năm 2011, cả nước có 324.691 doanh nghiệp; trong đó có 3.265 doanh nghiệp nhà nước (1%), 312.416 doanh nghiệp ngoài nhà nước (96,2%) và 9.010 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (2,8%). Đến hết năm 2017, số doanh nghiệp cả nước là 560.417 doanh nghiệp, bằng 1,7 lần năm 2011; trong đó, doanh nghiệp nhà nước là 2.486 (0,4%), doanh nghiệp ngoài nhà nước là 541.756 (96,7%), doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là 16.178 (2,9%) (Niên giám Thống kê 2018, tr.317).

Năm 2011, đóng góp của các thành phần kinh tế vào tổng sản phẩm trong nước (GDP) là: kinh tế nhà nước: 29,01%, kinh tế tập thể: 3,98%, kinh tế tư nhân: 39,89%, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài: 15,66%,... Đến năm 2018, đóng góp vào GDP của kinh tế nhà nước là 27,67%, kinh tế tập thể là 3,74%, kinh tế tư nhân là 42,08%, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài là 19,63%...

chuyển hàng hoá, dịch vụ trên thị trường. Các thị trường phát triển về quy mô, vận hành ngày càng thông suốt, phương thức giao dịch ngày càng hiện đại¹. Tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hoá, dịch vụ năm 2011 là 203,655 tỷ USD, năm 2019 đạt 517 tỷ USD, tăng hơn 2,5 lần. Thị trường tài chính, tiền tệ phát triển nhanh, quy mô ngày càng lớn, cơ cấu ngày càng hoàn chỉnh, phương thức giao dịch ngày càng hiện đại².

Hội nhập kinh tế quốc tế ngày càng sâu rộng. 10 năm qua, Việt Nam đã đàm phán, ký kết nhiều hiệp định thương mại, đầu tư song phương, đa phương, trong đó có nhiều hiệp định thương mại tự

1. Tổng mức bán lẻ hàng hoá, dịch vụ tiêu dùng cả nước theo giá hiện hành năm 2011 là 2.079,5 nghìn tỷ đồng; năm 2018 ước tăng hơn 2,1 lần so với năm 2011, đạt 4.416,6 nghìn tỷ đồng (Niên giám Thống kê 2018, tr.601).

2. Tổng tài sản của các ngân hàng thương mại, quỹ tín dụng gấp hơn 2 lần GDP của đất nước, cung ứng 90% nhu cầu vốn của nền kinh tế. Quy mô thị trường chứng khoán năm 2018 cũng vượt GDP của nền kinh tế; trong đó, thị trường cổ phiếu bằng khoảng 75% GDP, thị trường trái phiếu chính phủ bằng khoảng 27% GDP, trái phiếu doanh nghiệp bằng khoảng 7% GDP.

do thế hệ mới, mức độ cam kết cao, nhiều lĩnh vực, với nhiều đối tác kinh tế lớn trên thế giới¹. Việt Nam đã tham gia, trở thành thành viên của nhiều tổ chức kinh tế, tài chính, thương mại khu vực và thế giới, như WB, IMF, ADB, WTO, APEC, ASEAN, khu vực thương mại tự do ASEAN (AFTA)... Hội nhập kinh tế quốc tế tạo nhiều thuận lợi, cơ hội cho kinh tế đất nước đẩy mạnh xuất, nhập khẩu, thu hút vốn, công nghệ nước ngoài, tạo việc làm, phát triển kinh tế đất nước. Đến nay, Việt Nam có quan hệ ngoại giao với 189 nước, quan hệ thương mại với 220 nước và vùng lãnh thổ.

Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế bước đầu đạt được những kết quả tích cực. Cơ cấu lại đầu tư đã chuyển căn bản từ kế hoạch đầu tư công hằng năm sang kế hoạch đầu tư công trung hạn. Tình trạng đầu tư dàn trải, nợ đọng xây

1. Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); Hiệp định Đối tác Toàn diện khu vực (RCEP); Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU (EVFTA), Việt Nam - Hàn Quốc,...

dựng cơ bản giảm xuống. Các dự án trọng điểm được đẩy nhanh tiến độ. Thị trường tài chính được cơ cấu lại hợp lý hơn giữa thị trường tiền tệ và thị trường vốn, giữa các thị trường cổ phiếu, trái phiếu chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp. Quy mô thị trường chứng khoán tăng nhanh. Cơ cấu lại các tổ chức tín dụng, xử lý nợ xấu có kết quả tích cực, bảo đảm an toàn hệ thống. Cơ cấu lại, thoái vốn, cổ phần hoá, đổi mới quản lý doanh nghiệp nhà nước tiếp tục được đẩy mạnh. Doanh nghiệp nhà nước tập trung vào những ngành, lĩnh vực then chốt của nền kinh tế.

Các ngành, lĩnh vực kinh tế đều được cơ cấu lại, có bước phát triển tích cực. Tăng trưởng kinh tế đã giảm dần phụ thuộc vào khai thác tài nguyên, xuất khẩu thô, tăng vốn đầu tư. Công nghiệp duy trì được tốc độ tăng trưởng khá; trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo ngày càng khẳng định vai trò dẫn dắt và động lực tăng trưởng. Nông nghiệp phát triển ổn định, từng bước chuyển đổi cơ cấu sản xuất; phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch. Xây dựng nông thôn mới được đẩy

mạnh. Các ngành dịch vụ phát triển nhanh, đa dạng, chất lượng và năng lực cạnh tranh được nâng lên. Các dịch vụ bưu chính, viễn thông, logistic, tài chính, ngân hàng, vận tải, thương mại, thương mại điện tử, khoa học và công nghệ, tư vấn pháp lý... đều phát triển, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động. Hệ thống kết cấu hạ tầng được quan tâm xây dựng, nhiều công trình, dự án kết cấu hạ tầng, nhất là các công trình giao thông quan trọng, như các tuyến đường cao tốc, cảng hàng không, cảng biển được đầu tư xây dựng, đưa vào khai thác sử dụng. Hệ thống hạ tầng năng lượng, thuỷ lợi được đầu tư xây dựng, nâng cấp; hạ tầng thông tin, truyền thông phát triển nhanh theo hướng hiện đại. Hạ tầng đô thị, nhất là ở các đô thị lớn, như các trục giao thông chính, các đường vành đai, đường sắt đô thị, đường tàu điện ngầm, hệ thống điện, cấp thoát nước, xử lý chất thải... được tập trung đầu tư, phát triển.

GDP năm 2020 ước đạt gần 300 tỷ USD, tăng gần 2,6 lần so với GDP năm 2010 là 116 tỷ USD. GDP bình quân đầu người năm 2020 ước đạt hơn

3.000 USD, so với năm 2010 là 1.332 USD, tăng gần 2,5 lần. Chất lượng tăng trưởng có bước cải thiện¹.

Tuy nhiên, về mặt nhận thức, đến nay, vẫn còn nhiều vấn đề về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và về công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước chưa được làm rõ, như vai trò và định hướng phát triển các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; vai trò của kinh tế nhà nước và doanh nghiệp nhà nước, của kinh tế tập thể, của kinh tế tư nhân, của kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, của kinh tế có sở hữu hỗn hợp.

Còn có những nội dung chưa được làm rõ về vai trò, mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội, như: trong huy động, phân bổ hợp lý, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực phát triển; trong quyết

1. Tốc độ tăng năng suất lao động bình quân giai đoạn 2011-2015 tăng lên. Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế (theo GDP) tăng từ 33,6% giai đoạn 2011-2015 lên 46,11% giai đoạn 2016-2019. Chỉ số hiệu quả đầu tư (ICOR) giảm từ 6,25 giai đoạn 2011-2015 xuống 6,14 giai đoạn 2016-2019. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, các cân đối lớn của nền kinh tế được cải thiện.

định giá cả, điều tiết hoạt động của các doanh nghiệp, các loại thị trường, điều tiết lưu thông hàng hoá, dịch vụ, sản xuất và tiêu dùng xã hội; trong phát huy vai trò tích cực, khắc phục những hạn chế, khuyết tật của cơ chế thị trường và quản lý nhà nước. Các mối quan hệ khác cũng còn những nội dung chưa được nhận thức đầy đủ và sâu sắc hơn, như: mối quan hệ giữa tuân theo các quy luật của kinh tế thị trường với bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, những yếu tố bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế; mối quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất với xây dựng và hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội; mối quan hệ giữa xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ với chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị.

Về thực tiễn: Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa chậm được hoàn thiện, tổ chức thực hiện chưa nghiêm, hiệu lực và hiệu quả chưa cao. Môi trường đầu tư, kinh doanh chưa thật sự thông thoáng, còn nhiều "điểm nghẽn", trở ngại

do sự chồng chéo, mâu thuẫn trong luật pháp, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch; các thủ tục hành chính phiền hà, "lợi ích nhóm" và sự nhũng nhiễu của một bộ phận cán bộ, công chức... gây rất nhiều khó khăn, làm mất thời cơ, thời gian, tiền bạc của doanh nghiệp và người dân.

Huy động, phân bổ, sử dụng nguồn lực còn chưa theo cơ chế thị trường, kém hiệu quả, thất thoát, lãng phí còn lớn, nhất là trong một số công trình, dự án trọng điểm quốc gia. Chưa hình thành, phát triển được những ngành công nghiệp mũi nhọn, thực sự là nền tảng thúc đẩy tăng trưởng kinh tế đất nước. Kinh tế nhà nước chưa thể hiện được vai trò chủ đạo; kinh tế tập thể phát triển chậm, kinh tế tư nhân chưa trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế, kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thiếu liên kết, chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp trong nước. Hiệu quả hội nhập kinh tế quốc tế và xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ đặt ra nhiều vấn đề phải giải quyết. Sự kết hợp giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá, xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội còn chưa chặt chẽ.

Đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, công nghiệp hoá, hiện đại hoá thực hiện còn chậm, kết quả đạt được còn hạn chế. Thoái vốn, cổ phần hoá, đổi mới quản lý, nâng cao hiệu quả doanh nghiệp nhà nước chưa đạt mục tiêu đề ra. Đầu tư công còn dàn trải, tình trạng kéo dài, đội vốn, chất lượng thấp, tham nhũng, lãng phí chưa được khắc phục. Giải quyết nợ xấu và những yếu kém trong hệ thống ngân hàng thương mại còn chậm. Cơ cấu thu, chi ngân sách nhà nước còn chậm chuyển biến, nợ công còn cao; hiệu lực, hiệu quả quản lý thu, chi ngân sách, tài sản công... chưa cao. Cơ cấu lại các ngành công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ chưa tạo được chuyển biến căn bản. Nông nghiệp phổ biến còn là sản xuất nhỏ, năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh thấp, bấp bênh, thiếu ổn định. Nhiều ngành công nghiệp có trình độ công nghệ thấp so với thế giới; tỷ lệ nội địa hoá còn thấp, tỷ lệ gia công, lắp ráp còn cao; tham gia vào chuỗi giá trị ở những phân khúc công nghệ và giá trị gia tăng thấp. Khu vực dịch vụ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng. Các dịch vụ công nghệ cao phát triển còn chậm, chi phí logistic

cao hơn mức trung bình thế giới. Hệ thống kết cấu hạ tầng chưa đồng bộ, thiếu tính kết nối, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển.

Mục tiêu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại không đạt được. Quy mô nền kinh tế còn nhỏ, thu nhập bình quân đầu người thấp, Việt Nam vẫn là nước đang phát triển có thu nhập trung bình thấp.

3. Về văn hoá, xã hội và con người

(1) Về xây dựng nền văn hoá và phát triển con người

Về nhận thức: Tiếp tục nhận thức sâu sắc hơn về vị trí, vai trò của văn hoá đối với sự phát triển của đất nước. Cương lĩnh 2011 chỉ rõ: "Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, phát triển toàn diện, thống nhất trong đa dạng, thẩm nhuần sâu sắc tinh thần nhân văn, dân chủ, tiến bộ". Văn kiện Hội nghị Trung ương 9 khoá XI nêu rõ: "Văn hoá là nền tảng tinh thần của xã hội, là mục tiêu, động lực phát triển bền vững đất nước. Văn hoá phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội", trong mối quan hệ tổng thể, biện chứng, hữu cơ với sự phát triển bền vững đất nước.

Nhận thức về chức năng xã hội của văn hoá cụ thể hơn, quan tâm hơn các chức năng về giải trí, kinh tế của văn hoá. Xác định xây dựng thị trường văn hoá lành mạnh, phát triển công nghiệp văn hoá là một trong những mục tiêu quan trọng cả trước mắt và lâu dài, điều kiện để góp phần tăng cường sức mạnh mềm của dân tộc, mở rộng ảnh hưởng văn hoá Việt Nam ra bên ngoài. Nhìn tổng quát, sự phát triển về nhận thức của Đảng được thể hiện thống nhất, xuyên suốt, vừa mang tính kế thừa, phát triển, vừa mang tính tổng thể, toàn diện, bao quát không chỉ trong lĩnh vực văn hoá mà còn lan toả và thể hiện rõ tác động của văn hoá với chính trị và kinh tế, vừa thể hiện bản sắc của văn hoá dân tộc, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại.

Nhận thức lý luận về nhân tố con người, vị trí, vai trò của con người cũng có nhiều điểm mới. Cương lĩnh 2011 xác định: "Con người là trung tâm của chiến lược phát triển, đồng thời là chủ thể phát triển". Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 khẳng định: "Mở rộng dân chủ, phát huy tối đa nhân tố con người; coi con người là

chủ thể, nguồn lực chủ yếu và là mục tiêu của sự phát triển". Nghị quyết Trung ương 9 khoá XI về xây dựng và phát triển văn hoá, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước, xác định: "Phát triển văn hoá vì sự hoàn thiện nhân cách con người và xây dựng con người để phát triển văn hoá. Trong xây dựng văn hoá, trọng tâm là chăm lo xây dựng con người có nhân cách, lối sống tốt đẹp, với các đặc tính cơ bản: yêu nước, nhân ái, nghĩa tình, trung thực, đoàn kết, cần cù, sáng tạo". Đại hội XII của Đảng tiếp tục khẳng định: "Xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện phải trở thành một mục tiêu của chiến lược phát triển".

Trên thực tế, nhận thức chung của các cấp uỷ đảng, chính quyền và nhân dân về vị trí, vai trò của văn hoá và phát triển con người được nâng lên rõ rệt; công tác chỉ đạo, phối hợp, tổ chức thực hiện đã có những đổi mới, thống nhất từ Trung ương đến cơ sở. Nhiều giá trị mới về văn hoá được bổ sung, phát triển. Môi trường pháp lý được tăng cường... Việc chăm lo, xây dựng con người cũng thu được nhiều kết quả tích cực. Nhiều chỉ số phát triển con người Việt Nam, như tuổi thọ, cơ cấu dân số, nguồn lực

con người, xoá đói, giảm nghèo chuyển biến tích cực. Đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào các dân tộc thiểu số từng bước được cải thiện.

Xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh được coi vừa là nhiệm vụ cơ bản, lâu dài, vừa là nhiệm vụ thường xuyên, cấp thiết trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nhiều tỉnh, thành phố, cơ quan, công sở đã ban hành quy chế, nội quy, các quy tắc ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, ứng xử nơi công cộng, quan tâm tới sự hài lòng của người dân trong thực thi công vụ. Xây dựng văn hoá trong nhà trường, gia đình cũng được quan tâm.

Bảo tồn, phát huy các di sản văn hoá, hoạt động nghệ thuật biểu diễn, sáng tạo đều được quan tâm, phát triển; xuất hiện một số tác phẩm có giá trị nghệ thuật cao, mang ý nghĩa chính trị, xã hội sâu sắc. Hệ thống thư viện, bảo tàng tiếp tục được đầu tư, từng bước hiện đại hoá cơ sở vật chất.

Các hội văn học nghệ thuật phát triển cả về số lượng và chất lượng. Công tác nghiên cứu lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật từng bước được củng cố. Hệ thống báo chí, thông tin truyền thông đã được quy hoạch lại một bước. Tỷ lệ người dùng điện

thoại thông minh và Internet ở Việt Nam ngày càng tăng. Việc hoàn thiện thể chế, thiết chế văn hoá tiếp tục được quan tâm, tăng cường đầu tư, nâng cao hiệu quả trên thực tế. Hợp tác, giao lưu quốc tế được quan tâm mở rộng.

Tuy nhiên, nhận thức về phát triển văn hoá và con người còn nhiều hạn chế, chưa quán triệt sâu sắc và đầy đủ về vị trí, vai trò của văn hoá đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; chưa thấy hết vai trò của văn hoá với tư cách là nền tảng tinh thần của xã hội, là sức mạnh nội sinh, sức mạnh mềm, là động lực để phát triển bền vững đất nước; việc triển khai thực hiện đường lối của Đảng về văn hoá, con người chậm và chưa toàn diện. Chưa thực sự coi văn hoá ngang bằng với chính trị, kinh tế, xã hội. Việc thể chế hoá mối quan hệ giữa văn hoá với chính trị, kinh tế, xã hội còn lúng túng, chậm hơn so với nhu cầu thực tiễn. Thiếu các tiêu chí cụ thể về xây dựng văn hoá trong Đảng, trong các cơ quan nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội, trong doanh nghiệp...; đầu tư cho hoạt động văn hoá chưa được quan tâm đúng mức.

Nhận thức về mối quan hệ giữa xây dựng văn hoá để phát triển con người và xây dựng con người

nhằm phát triển văn hoá chưa đầy đủ, rõ ràng. Vấn đề xây dựng hệ giá trị chuẩn mực, cụ thể hoá các đặc trưng văn hoá dân tộc, đặc tính con người Việt Nam chưa kịp thời, ảnh hưởng tới việc định hướng giá trị, giáo dục truyền thống và chống suy thoái về đạo đức, lối sống trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và nhân dân hiện nay.

Trong thực tiễn, tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ, đảng viên và trong nhân dân còn diễn biến phức tạp, gây bức xúc dư luận xã hội. Tình trạng thiếu ý thức tôn trọng pháp luật, vi phạm đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp ở một số cơ quan, trong đó có cả các lĩnh vực được xã hội tôn vinh, như giáo dục, y tế, quốc phòng, an ninh chậm được khắc phục, thậm chí có mặt còn tăng lên. Bạo lực gia đình, bạo lực học đường và trong xã hội chưa được ngăn chặn kịp thời. Tác động phức tạp của Internet, đặc biệt là mạng xã hội Facebook và Google trong không ít trường hợp làm mất an ninh, an toàn xã hội, ảnh hưởng tiêu cực đến giáo dục lớp trẻ.

Chất lượng và hiệu quả một số hoạt động văn hoá còn hạn chế. Công tác bảo tồn các di sản còn

bị động; việc xây dựng, khai thác các thiết chế văn hoá chưa hiệu quả, chưa đáp ứng yêu cầu. Việc xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, giáo dục đạo đức, nhân cách con người còn nhiều bất cập. Chất lượng sáng tạo, giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ, giáo dục lý tưởng cách mạng trong không ít tác phẩm còn mờ nhạt. Hợp tác quốc tế về văn hoá chưa tương xứng với yêu cầu phát triển, hiệu quả thấp.

Công tác nghiên cứu lý luận, phê bình văn học, nghệ thuật còn lạc hậu, chưa đủ sức định hướng, điều chỉnh các hoạt động văn học, nghệ thuật một cách hiệu quả. Giáo dục thẩm mỹ, đạo đức, lối sống trong thanh niên, thiếu niên chưa được quan tâm đúng mức. Đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc còn nhiều hạn chế. Quản lý an ninh mạng, mạng xã hội còn nhiều bất cập.

Chiến lược phát triển công nghiệp văn hoá triển khai chậm; một số lĩnh vực nghệ thuật truyền thống, sân khấu, điện ảnh gặp nhiều khó khăn trong hoạt động. Hệ thống các thiết chế văn hoá truyền thống, văn hoá mới chưa được phát huy

đầy đủ, chất lượng chưa cao, cá biệt có nơi còn hình thức, lãng phí. Xây dựng hệ thống pháp luật về một số lĩnh vực của văn hoá còn chậm.

Sự chênh lệch, phân hoá về hưởng thụ văn hoá trong xã hội, đặc biệt là ở các khu công nghiệp, khu chế xuất, vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn còn lớn, kinh phí đầu tư hạn chế; hủ tục lạc hậu trong tổ chức lễ hội ở một vài địa phương chậm được khắc phục.

(2) Về giáo dục và đào tạo

Về nhận thức: Nhận thức của Đảng ta về giáo dục và đào tạo tiếp tục được nâng lên, thể hiện rõ hơn vai trò, vị trí, tầm quan trọng của giáo dục và đào tạo trong bối cảnh mới của đất nước. Cương lĩnh 2011 khẳng định: "Giáo dục và đào tạo có sứ mệnh nâng cao dân trí, phát triển nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, góp phần quan trọng phát triển đất nước, xây dựng nền văn hoá và con người Việt Nam. Phát triển giáo dục và đào tạo cùng với phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu". Văn kiện Hội nghị Trung ương 6 khoá XI khẳng định: "Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo là một yêu cầu khách quan và cấp bách".

Mục tiêu, sứ mệnh, trọng tâm và bước đi của sự nghiệp giáo dục và đào tạo đã được nhận thức đầy đủ, cụ thể hơn theo hướng "Chuyển mạnh quá trình giáo dục từ chủ yếu trang bị kiến thức sang phát triển toàn diện năng lực và phẩm chất người học". Coi trọng chất lượng giáo dục, "Phát triển giáo dục và đào tạo phải gắn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ Tổ quốc; với tiến bộ khoa học và công nghệ", "Xây dựng nền giáo dục hiện đại, của dân, do dân, vì dân", thực hiện chuẩn hoá, hiện đại hoá, xã hội hoá, dân chủ hoá và hội nhập quốc tế, bám sát với thực tiễn phát triển đất nước cũng như xu hướng phát triển giáo dục trên thế giới. Chuyển mạnh từ tư duy bao cấp, khép kín sang thích ứng với cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa.

Xác định con người là trung tâm trong sự nghiệp phát triển giáo dục, gắn kết chặt chẽ với văn hoá, xã hội; khoa học và công nghệ, phù hợp với phát triển kinh tế, trong đó giáo dục phải đi trước một bước; trực tiếp góp phần phát triển con người Việt Nam trong giai đoạn mới. Phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực

chất lượng cao là một đột phá chiến lược, là một yếu tố quyết định đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học, công nghệ, cơ cấu lại nền kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng...

Về thực tiễn: Quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo đã có nhiều chuyển biến, chất lượng đào tạo từng bước được cải thiện, công tác nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế được quan tâm... Phương châm học đi đôi với hành, nhà trường kết hợp với gia đình và xã hội, lý luận gắn với thực tiễn cuộc sống được coi trọng. Hệ thống chương trình giáo dục được đổi mới; phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực được chú trọng. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên được đẩy mạnh. Hướng nghiệp, phân luồng học sinh sau trung học phổ thông được tăng cường. Nhiều cơ sở đào tạo đã quan tâm tiếp cận chương trình theo chuẩn quốc tế, công bố chuẩn đầu ra.

Đã có bước chuyển tích cực từ chủ yếu theo số lượng sang chú trọng chất lượng và hiệu quả; đào tạo và nghiên cứu khoa học ở nhiều trường đại học đã gắn hơn với đòi hỏi thực tiễn và chuẩn mực

thế giới. Hệ thống giáo dục đã chuyển dịch theo hướng linh hoạt, liên thông, mở giữa các bậc học, cấp học, trình độ và giữa các phương thức giáo dục và đào tạo; tiếp tục phát triển các trường ngoài công lập. Ưu tiên đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo đối với các vùng đặc biệt khó khăn, các đối tượng chính sách. Đã có một số giải pháp phát huy mặt tích cực, hạn chế các khuyết tật của cơ chế thị trường, bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong giáo dục và đào tạo. 5 năm 2016-2020, ngân sách nhà nước chi cho giáo dục và đào tạo bình quân đạt khoảng 20% tổng chi ngân sách. Xây dựng và thực hiện các chính sách nhằm bảo đảm bình đẳng hơn về cơ hội học tập...

Hợp tác quốc tế tiếp tục được đẩy mạnh. Đã ban hành các văn bản, quy định pháp luật khuyến khích việc thu hút các tổ chức quốc tế, tổ chức giáo dục nước ngoài, các nhà khoa học, giáo dục tham gia vào đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao công nghệ.

Tuy nhiên, phát triển giáo dục và đào tạo cũng còn nhiều hạn chế. Về nhận thức, chưa nhận thức rõ bản chất và cơ chế phát triển giáo dục trong

điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, do đó dẫn đến tình trạng có nơi, có lúc không vận dụng phù hợp hiệu quả các yếu tố tích cực của cơ chế thị trường để phát triển giáo dục và đào tạo, chạy theo lợi nhuận, để các mặt tiêu cực của cơ chế thị trường tác động xấu đến giáo dục và đào tạo. Chưa cụ thể hóa quan điểm "giáo dục là quốc sách hàng đầu", cùng với "khoa học và công nghệ thực sự là động lực then chốt" bằng các chính sách cụ thể, cơ chế thiết thực, hiệu quả. Nhận thức về định hướng giáo dục con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế còn khác nhau.

Hệ thống giáo dục hiện nay vẫn trong tình trạng phân tán, nhiều chủ thể quản lý, việc phân cấp trong quản lý chưa triệt để, tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm chưa toàn diện, khung cơ cấu hệ thống giáo dục quốc dân chậm triển khai. Việc xây dựng xã hội học tập và học suốt đời còn nhiều bất cập cả về nhận thức và triển khai thực hiện.

Trên thực tế, chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực chất lượng cao còn bất cập, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển đất nước.

Kỹ năng thực hành và năng lực ngoại ngữ của người lao động Việt Nam còn hạn chế. Việc ban hành các chương trình giáo dục phổ thông, sách giáo khoa mới còn chậm so với yêu cầu đổi mới giáo dục. Vấn đề đổi mới đánh giá, thi ở các cấp học và trình độ đào tạo chưa căn bản. Hệ thống đánh giá kết quả giáo dục vẫn chưa đáp ứng đầy đủ tiêu chuẩn quốc tế.

Chậm đổi mới phương pháp dạy học, chưa chú trọng đúng mức tới giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, sinh viên. Nội dung chương trình, giáo trình, phương pháp giảng dạy ở nhiều cơ sở giáo dục đại học chưa được hiện đại hóa, còn nặng về lý thuyết, nhẹ thực hành. Quy hoạch mạng lưới các cơ sở giáo dục quốc dân còn chậm, còn có một số vấn đề chưa hợp lý và thiếu đồng bộ. Công tác phân luồng và hướng nghiệp cho học sinh còn bất cập.

Cơ sở vật chất, điều kiện học ở nhiều nơi còn hạn chế, nhất là vùng sâu, vùng xa. Chất lượng giáo dục ở vùng sâu, vùng xa còn nhiều hạn chế. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục có bước phát triển, nhưng nhìn tổng thể, chất lượng vẫn còn

hạn chế, cơ cấu không hợp lý. Đầu tư cho giáo dục chưa tương xứng với yêu cầu phát triển. Công tác quản lý cơ sở giáo dục nước ngoài, cơ sở liên kết giáo dục còn nhiều bất cập.

(3) Về khoa học và công nghệ

Nhận thức về vai trò của khoa học và công nghệ đối với sự phát triển đất nước được nâng lên đáng kể. Hiến pháp 2013 khẳng định: "Phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu, giữ vai trò then chốt trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước". Vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và vai trò của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ được xác định rõ hơn.

Nhận thức rõ hơn về yêu cầu gắn kết khoa học và công nghệ với phát triển kinh tế, xã hội và bảo vệ Tổ quốc, với yêu cầu nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế. Xác định đầu tư cho nhân lực khoa học, công nghệ là đầu tư cho phát triển bền vững, trực tiếp nâng tầm trí tuệ và sức mạnh của dân tộc; xác định rõ Nhà nước cần ưu tiên nguồn lực quốc gia để đầu tư phát triển khoa học và công nghệ, đồng thời khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia

phát triển hạ tầng, nâng cao đồng bộ tiềm lực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ. Coi doanh nghiệp là trung tâm của đổi mới và ứng dụng, chuyển giao công nghệ, là nguồn cầu quan trọng nhất của thị trường khoa học và công nghệ. Quan tâm hơn đến nghiên cứu cơ bản, tiếp thu và làm chủ công nghệ tiên tiến.

Về thực tiễn: Hệ thống pháp luật, chính sách phát triển khoa học và công nghệ ngày càng hoàn thiện, quản lý nhà nước từng bước được đổi mới. Đến nay Quốc hội đã ban hành 8 đạo luật chuyên ngành, đặc biệt là Luật Khoa học và công nghệ đã được Quốc hội khoá XIII thông qua. Nhiều nội dung về khoa học, công nghệ được đề cập trong Nghị quyết Đại hội XI, XII, nhất là Nghị quyết Trung ương 6 khoá XI về phát triển khoa học và công nghệ phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế, Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ giai đoạn 2011-2020 và các văn bản pháp lý khác đã tạo môi trường, điều kiện thúc đẩy môi trường sáng tạo, ứng dụng và chuyển giao công nghệ phát triển.

Tiềm lực khoa học quốc gia ngày càng được nâng lên, hệ thống phòng thí nghiệm trọng điểm, phòng thí nghiệm chuyên ngành tiếp tục được đầu tư. Hạ tầng nghiên cứu trong một số lĩnh vực trọng điểm được tăng cường. Đến đầu năm 2019, cả nước có hơn 63.000 cán bộ nghiên cứu và phát triển (R&D), 3.590 tổ chức đăng ký hoạt động khoa học và công nghệ, 13 khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và 8 khu công nghệ thông tin tập trung. Đầu tư tài chính từ xã hội và doanh nghiệp cho khoa học và công nghệ được cải thiện theo hướng tích cực.

Khoa học và công nghệ đã đạt được một số thành tựu quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh của nền kinh tế, bảo đảm quốc phòng, an ninh, góp phần phòng, chống thiên tai, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững đất nước. Kết quả nghiên cứu về khoa học xã hội và nhân văn đã đóng góp quan trọng cho tổng kết 30 năm đổi mới và xây dựng văn kiện các kỳ đại hội Đảng, cung cấp luận cứ cho việc xác định mô hình và hoàn thiện hơn thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trong khoa học tự nhiên, đã có một

số nghiên cứu cơ bản có giá trị, một số lĩnh vực có thế mạnh như toán, vật lý lý thuyết đạt thứ hạng cao trong ASEAN. Khoa học ứng dụng có khả năng thiết kế, chế tạo thành công nhiều công nghệ, thiết bị nội địa theo tiêu chuẩn quốc tế, năng lực hấp thụ, làm chủ công nghệ mới, công nghệ cao trong một số ngành được nâng lên. Hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo phát triển sôi động. Chỉ số đổi mới sáng tạo của Việt Nam năm 2017 tăng 12 bậc, năm 2018 tăng tiếp 2 bậc, xếp thứ 45/126 quốc gia, năm 2019 xếp thứ 42/129 quốc gia.

Đã có nhiều chuyển biến tích cực trong hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ. Đến nay, Việt Nam đã có quan hệ hợp tác với hơn 70 quốc gia, vùng lãnh thổ, tổ chức quốc tế và khu vực; là thành viên của hơn 100 tổ chức quốc tế và khu vực; ký kết và thực hiện hơn 80 hiệp định, thỏa thuận hợp tác cấp Chính phủ và ngành. Cơ chế, chính sách thu hút, tạo điều kiện thuận lợi cho trí thức người Việt Nam ở nước ngoài tham gia đóng góp về khoa học cho đất nước tiếp tục được hoàn thiện.

Tuy nhiên, sự phát triển khoa học và công nghệ cũng còn nhiều hạn chế: Nhận thức chưa đầy đủ về

vai trò quốc sách hàng đầu, động lực then chốt của khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội. Đóng góp của khoa học và công nghệ cho tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế và tăng năng suất lao động xã hội còn nhiều hạn chế. Nhiều nhiệm vụ nghiên cứu chưa bám sát yêu cầu sản xuất và đời sống. Đầu tư còn dàn trải, trùng lặp, hiệu quả không cao.

Chậm cụ thể hóa và triển khai đồng bộ, có hiệu quả các chủ trương, định hướng quan trọng của Đảng, Nhà nước về phát triển và ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ vào thực tiễn. Nhận thức của nhiều cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương, doanh nghiệp về vai trò, tầm quan trọng của khoa học và công nghệ còn nhiều bất cập. Khoa học xã hội và nhân văn ở một số nơi vẫn còn bị coi nhẹ. Năng lực hấp thụ, đổi mới công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp trong nước chưa đáp ứng được yêu cầu, còn khoảng cách không nhỏ so với các nước trong nhóm dẫn đầu của khu vực. Tư duy quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ có bước phát triển, song chưa đồng bộ, còn nhiều bất cập.

Nhân tố con người và điều kiện hoạt động khoa học chưa được nhận thức đầy đủ và đầu tư

tương xứng. Các trường đại học chưa là chủ thể mạnh trong nghiên cứu, thiếu các tập thể khoa học mạnh, các chuyên gia đầu ngành có khả năng dẫn dắt các hướng nghiên cứu mới hoặc chỉ đạo, triển khai nhiệm vụ quốc gia ở trình độ quốc tế. Chính sách thu hút nhân tài trong lĩnh vực khoa học và công nghệ chưa thực sự hiệu quả. Hợp tác quốc tế chưa thực sự đi vào chiều sâu, thiếu trọng tâm, chưa chú trọng đến chuyển giao, tiếp thu và làm chủ công nghệ tiên tiến. Cơ sở vật chất, kỹ thuật và trang thiết bị cho hoạt động khoa học và công nghệ còn thiếu và chưa đồng bộ.

Một số chỉ tiêu lớn về khoa học và công nghệ chưa đạt được mục tiêu đặt ra, ví dụ như mục tiêu đến năm 2020, khoa học và công nghệ đạt trình độ phát triển của nhóm các nước dẫn đầu ASEAN; năng suất lao động trong nhiều ngành kinh tế của Việt Nam còn rất thấp; tác động của khoa học, công nghệ đối với đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế, nâng cao sức cạnh tranh và tham gia chuỗi giá trị toàn cầu còn hạn chế.

Thể chế, cơ chế, chính sách, nhất là về tài chính cho hoạt động khoa học và công nghệ còn nhiều

bất cập, chưa khuyến khích mạnh các cá nhân, tổ chức, đặc biệt là đối với các doanh nghiệp, hấp thụ và phát triển công nghệ mới, mô hình kinh doanh mới. Chưa có sự gắn bó chặt chẽ, hiệu quả giữa các cơ chế, chính sách phát triển kinh tế - xã hội với phát triển khoa học và công nghệ và ngược lại, nhất là đối với các loại hình kinh tế, dịch vụ mới, hiện đại. Còn nhiều bất cập trong các chính sách thu hút FDI gắn với yêu cầu chuyển giao công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ nguồn cho các doanh nghiệp bản địa trong chuỗi sản xuất. Việc cấu trúc lại các hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo đồng bộ theo chuỗi sản xuất chưa thực sự đi vào chiều sâu. Thiếu các chính sách hỗ trợ, thu hút đầu tư từ bên ngoài ngân sách, từ hợp tác quốc tế, từ doanh nghiệp trong và ngoài nước vào hoạt động khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, hỗ trợ hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo quốc gia. Đầu tư cho khoa học và công nghệ còn hạn chế, hiệu quả chưa cao.

(4) *Về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu*

Về nhận thức: Đảng ta khẳng định bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là một trong những nội

dung cơ bản của phát triển bền vững, phải được thể hiện trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành và từng địa phương... Đầu tư cho bảo vệ môi trường là đầu tư cho phát triển bền vững. Cương lĩnh 2011 xác định: "Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên, môi trường" và "Quản lý, bảo vệ, tái tạo và sử dụng hợp lý, có hiệu quả tài nguyên quốc gia". Vấn đề quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu được nhận thức ở tầm toàn cầu, liên quan đến vận mệnh của loài người.

Các nghị quyết của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020 đã cụ thể hóa các quan điểm được nêu trong Cương lĩnh 2011: Phát triển nhanh gắn liền với phát triển bền vững là yêu cầu xuyên suốt trong Chiến lược. Phát triển kinh tế - xã hội phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Nội dung bảo vệ môi trường, phát triển kinh tế xanh, thân thiện với môi trường được đưa vào trong chiến lược, quy hoạch phát triển ngành, vùng và lãnh thổ.

Về thực tiễn: Nhận thức của các cấp uỷ đảng, chính quyền và người dân từng bước được nâng lên; hệ thống luật pháp về quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu từng bước được hoàn thiện, tạo cơ sở cho hoạt động quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu có hiệu quả hơn.

Nền kinh tế đã bước đầu chuyển dần sang mô hình tăng trưởng dựa vào nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực, giảm dần sự phụ thuộc vào khai thác tài nguyên khoáng sản¹. Hình thành các phương thức mới trong phát triển kinh tế theo hướng chuyển từ "nâu" sang "xanh" trong nông nghiệp, du lịch, công nghiệp. Bước đầu hình thành khung chính sách hỗ trợ, phát triển ngành kinh tế môi trường, phát triển kinh tế tuần hoàn, khai thác, xử lý chất thải, nước thải.

Công tác bảo vệ môi trường, phòng ngừa, kiểm soát ô nhiễm môi trường tiếp tục được đẩy mạnh và đạt nhiều kết quả tích cực. Hệ thống tiêu chuẩn,

1. Tỷ trọng công nghiệp khai khoáng trong GDP giảm từ 8,8% (bình quân giai đoạn 2011–2015) xuống còn 6% năm 2018.

quy chuẩn về môi trường tiếp tục được hoàn thiện. Việc kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm môi trường; ngăn chặn và kiểm soát việc nhập công nghệ, máy móc, thiết bị lạc hậu, nguyên, nhiên, vật liệu không bảo đảm yêu cầu về môi trường có chuyển biến tích cực. Chủ động phối hợp với các quốc gia, tổ chức quốc tế trong khắc phục hậu quả chất độc hoá học và bom mìn do chiến tranh để lại. Kiểm soát chất lượng không khí, nước khu vực đô thị, nông thôn được quan tâm hơn. Chú trọng bảo vệ, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Có nhiều chuyển biến tích cực trong ứng phó với biến đổi khí hậu. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức được tăng cường. Đã có nhiều chủ trương, giải pháp căn bản cả trong nước và cam kết quốc tế được ban hành, cụ thể hóa trong mô hình tăng trưởng, Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020.

Năng lực dự báo, cảnh báo thiên tai được nâng lên một bước, kết cấu hạ tầng về phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu

được quan tâm đầu tư; thiệt hại về tài sản và người đã giảm đáng kể so với trước đây. Chủ động cắt giảm phát thải khí nhà kính, với cam kết giảm 8% phát thải khí nhà kính đến năm 2030. Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng, bảo tồn, nâng cao trữ lượng cacbon và quản lý bền vững tài nguyên rừng đến năm 2030; Chương trình quốc gia về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả giai đoạn 2019-2030 được triển khai...

Tuy nhiên, chưa nhận thức và phát huy đầy đủ vai trò, trách nhiệm của cấp uỷ đảng, chính quyền và người dân, nhất là người đứng đầu trong việc chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, bảo vệ môi trường, quản lý và sử dụng hiệu quả tài nguyên. Còn tình trạng tư duy nhiệm kỳ, chỉ coi trọng lợi ích kinh tế trước mắt, coi nhẹ hoặc bỏ qua vấn đề môi trường. Một số nơi thực hiện chưa nghiêm, chưa quyết liệt, chưa quan tâm đúng mức đến cụ thể hoá các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về gắn kết giữa đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế với tổ chức thực hiện các biện pháp sản xuất kinh doanh xanh, sạch;

chưa chú trọng đúng mức đến việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, ít chất thải, phát triển vật liệu mới, năng lượng tái tạo, thân thiện với môi trường, thực hiện lối sống xanh, bền vững, hài hoà với thiên nhiên.

Hệ thống chế, chính sách vẫn còn những bất cập, nhất là các vấn đề về quản lý, khai thác bền vững, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường. Hiệu lực quản lý nhà nước còn hạn chế, công tác kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm chưa kịp thời. Vai trò của truyền thông trong công tác bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu chưa được chú trọng đúng mức.

Công tác quản lý khai thác tài nguyên vẫn còn nhiều bất cập, không bền vững, gây ô nhiễm môi trường còn xảy ra ở nhiều nơi; đất đai bị thoái hóa, giảm màu mỡ; tài nguyên nước bị khai thác thiếu quy hoạch, quá mức, đặc biệt là nguồn nước ngầm. Tình trạng chặt phá rừng trái phép chưa chấm dứt. Tài nguyên thuỷ sản chưa được khai thác và bảo vệ bền vững, nguồn lợi thuỷ sản tiếp tục suy giảm. Ý thức bảo vệ môi trường của một bộ phận người dân

và doanh nghiệp chưa cao. Ô nhiễm môi trường ở một số nơi còn nghiêm trọng, chậm được khắc phục. Nhiều hệ sinh thái tự nhiên, nhất là rừng, đất ngập nước, thảm thực vật biển bị suy giảm. Việc khắc phục ô nhiễm môi trường do hậu quả chiến tranh để lại còn chậm.

Năng lực ứng phó với biến đổi khí hậu chưa đáp ứng được yêu cầu; cơ sở vật chất còn hạn chế. Công tác dự báo chưa đáp ứng yêu cầu. Việc chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng khoa học, công nghệ để thích ứng với biến đổi khí hậu trong sản xuất còn bất cập. An ninh môi trường trở thành vấn đề hệ trọng, tác động đến mọi lĩnh vực trong sự phát triển bền vững đất nước.

(5) Vẽ quan lý phát triển xã hội

Vẽ nhận thức, vấn đề quan lý phát triển xã hội đã được quan tâm hơn và dần chiếm một vị trí quan trọng trong đời sống xã hội. Đại hội XII của Đảng, lần đầu tiên vạch ra định hướng riêng về "Quản lý phát triển xã hội; thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội". Quản lý phát triển xã hội được xác định vừa là mục tiêu, vừa là công cụ để thúc đẩy sự phát triển chung của đất nước.

Nhận thức về mô hình quản lý phát triển xã hội cũng thể hiện rõ hơn, phù hợp với các giá trị chung của nhân loại, với 3 yếu tố cấu thành, có quan hệ chặt chẽ với nhau, đó là: mục tiêu phát triển đất nước; sự thay đổi cơ cấu xã hội cùng với các đặc điểm văn hoá, truyền thống; năng lực quản trị quốc gia và chất lượng thể chế. Nhận thức rõ hơn về mối quan hệ giữa quản lý phát triển xã hội với ổn định và phát triển đất nước nhanh và bền vững, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển bao trùm, không để ai bị bỏ lại phía sau, phát triển bền vững về kinh tế, về môi trường và về xã hội.

Trong thực tiễn, quản lý phát triển xã hội đạt được những chuyển biến tích cực. Sau 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011, cả 3 lĩnh vực kinh tế, xã hội và môi trường đều đạt những thành tựu rất quan trọng. Phát triển kinh tế là cơ sở để bảo đảm việc thực hiện chính sách xã hội và quản lý phát triển xã hội tốt hơn, và ngược lại. Phát triển bền vững môi trường là cơ sở để phát triển bền vững kinh tế, nâng cao chất lượng sống của người dân và bảo đảm sự ổn định, thuận lợi cho quản lý phát triển xã hội.

Chất lượng thể chế và năng lực quản trị xã hội của Nhà nước từng bước được nâng lên. Nhiều chủ

trương, chính sách, pháp luật về các vấn đề xã hội, chính sách xã hội, chính sách an sinh xã hội, chính sách người có công, xoá đói, giảm nghèo; dân tộc, tôn giáo, được ban hành; các chương trình mục tiêu quốc gia, đầu tư cho các vấn đề xã hội được nâng lên. Việc giải quyết những điểm nóng, bức xúc xã hội luôn được quan tâm, góp phần quan trọng vào việc giữ vững ổn định chính trị - xã hội, tạo môi trường thuận lợi để đất nước phát triển.

Việt Nam đã hoàn thành hầu hết các mục tiêu Thiên niên kỷ. Đời sống và thu nhập của người dân không ngừng được nâng lên, nhóm nghèo và cận nghèo giảm mạnh, nhóm trung lưu đang hình thành và phát triển nhanh chóng. An ninh, an toàn của người dân được bảo đảm hơn.

Tuy nhiên, vấn đề quản lý phát triển xã hội cũng còn nhiều hạn chế. Nhận thức của một số cấp uỷ, chính quyền chưa đầy đủ, chỉ coi trọng phát triển kinh tế, coi nhẹ quản lý phát triển xã hội; chưa đầu tư nghiên cứu, dự báo mang tầm chiến lược xu hướng biến đổi xã hội. Quản lý phát triển xã hội chưa mang tính tổng thể, đồng bộ.

Nhận thức về quản lý phát triển xã hội và quản trị xã hội chưa đủ rõ, một số cơ chế, chính sách

xã hội còn chồng chéo, bất cập, chưa theo kịp sự phát triển của thực tiễn. Chưa đánh giá đầy đủ tác động của mặt trái cơ chế thị trường, hội nhập quốc tế đối với xã hội, ổn định xã hội trong quá trình phát triển. Xác định trách nhiệm về quản lý phát triển xã hội chưa rõ ràng, chưa phát huy đầy đủ sức mạnh của hệ thống chính trị và của cộng đồng dân cư trong quản lý phát triển xã hội.

Đại hội XII của Đảng nhận định: "Quản lý phát triển xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội còn nhiều hạn chế, khuyết điểm... chưa có chính sách, giải pháp kịp thời, hiệu quả đối với vấn đề biến đổi cơ cấu, phân hoá giàu - nghèo, phân tầng xã hội, kiểm soát rủi ro, giải quyết mâu thuẫn xã hội, bảo đảm an toàn xã hội, an ninh cho con người".

Sự biến đổi cơ cấu xã hội có những phương diện không theo hướng tích cực, tiềm ẩn nguy cơ mất ổn định. Nhóm nghèo và cận nghèo tập trung chủ yếu ở các vùng nông thôn, vùng khó khăn, rất khó tiếp cận việc làm và thụ hưởng các chương trình an sinh xã hội, phúc lợi xã hội. Việc mở rộng diện bao phủ của hệ thống an sinh xã hội đối với lao động khu vực phi chính thức, lao động trong khu vực

nông thôn còn hạn chế, bất bình đẳng về cơ hội chậm được khắc phục.

Việc xử lý một số vấn đề bức xúc trong xã hội còn chậm, nhất là khiếu kiện, tranh chấp đất đai, tai nạn giao thông, bạo lực học đường, ô nhiễm môi trường, một số vấn đề dân tộc, tôn giáo... luôn tiềm ẩn nguy cơ bất ổn xã hội. Vấn đề quản lý phát triển xã hội còn gặp nhiều khó khăn, trở ngại do bị tác động của nhiều yếu tố bên trong và bên ngoài, cùng với sự chống phá của các thế lực cơ hội, thù địch; mặt trái của kinh tế thị trường; tác động của Internet và mạng xã hội.

(6) Vấn đề dân tộc và tôn giáo, tín ngưỡng

Về nhận thức: Tiếp tục bổ sung, phát triển nhận thức của Đảng về dân tộc, vị trí và vai trò của vấn đề dân tộc trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, về các nguyên tắc thực hiện chính sách dân tộc, về quản lý nhà nước đối với công tác dân tộc. Xác định vấn đề dân tộc và đại đoàn kết toàn dân tộc có ý nghĩa chiến lược, lâu dài đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Nguyên tắc thực hiện chính sách dân tộc là: bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, thương yêu, giúp nhau cùng phát triển,

cùng gắn bó mật thiết với sự phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam, cùng nhau thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chính sách dân tộc là chính sách tổng hợp - liên ngành, quản lý nhà nước về công tác dân tộc phù hợp với điều kiện cư trú, phân bố dân cư và đời sống các dân tộc nước ta gắn với chiến lược phát triển tổng thể đất nước, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nhận thức về tôn giáo, tín ngưỡng đã có bước phát triển quan trọng, xác định tôn giáo còn tồn tại lâu dài, gắn bó và đồng hành cùng dân tộc; tín ngưỡng và tôn giáo là nhu cầu của một bộ phận nhân dân; đạo đức, văn hóa tôn giáo có nhiều giá trị tích cực, phù hợp với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước; mọi người đều có quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng, tôn giáo; Nhà nước tôn trọng và bảo hộ quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo; công tác tôn giáo là công tác vận động quần chúng, là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị.

Về thực tiễn: Đã từng bước thể chế hoá quan điểm, đường lối của Đảng, hình thành nhiều cơ chế,

chính sách, chương trình mục tiêu ưu tiên phát triển vùng có đồng đồng bào dân tộc thiểu số, tạo nên nhiều chuyển biến rõ nét. Kết cấu hạ tầng phát triển tương đối đồng bộ. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng tích cực. Giảm nghèo thu được nhiều kết quả đáng ghi nhận. Bản sắc văn hoá, ngôn ngữ các dân tộc được tôn trọng, bảo tồn, phát huy. Giáo dục, y tế có bước phát triển mạnh mẽ. Hệ thống chính trị vùng có đồng đồng bào dân tộc thiểu số được củng cố. Tỷ lệ đại biểu người dân tộc thiểu số trong các cơ quan dân cử được bảo đảm. Quốc phòng, an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội ở vùng dân tộc thiểu số được giữ vững.

Quan điểm đổi mới của Đảng về quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và tự do không tín ngưỡng, tôn giáo được thể chế hóa trong Hiến pháp và pháp luật. Thực hiện nhiều chính sách, biện pháp và chương trình phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống đồng bào các tôn giáo, từ bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo đến giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe, phát triển giáo dục, tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, thiết yếu. Tín đồ, chức sắc các tôn giáo nhìn chung đã thực hiện tốt chính sách,

pháp luật của Nhà nước, đoàn kết tôn giáo được củng cố, tăng cường. Tín ngưỡng truyền thống của các cộng đồng cư dân được tôn trọng gắn với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc. Các giá trị đạo đức tôn giáo tốt đẹp được tôn trọng, phát huy trong đời sống. Bảo đảm các tôn giáo hoạt động theo đúng chính sách và pháp luật của Nhà nước; rút ngắn thời gian công nhận tổ chức tôn giáo, công nhận tư cách pháp nhân của các tổ chức tôn giáo. Đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, xây dựng cuộc sống tốt đời, đẹp đẽ trong quần chúng tín đồ, chức sắc, nhà tu hành ở cơ sở. Quản lý hoạt động tôn giáo ngày càng toàn diện và hiệu quả hơn, nhiều vấn đề tồn đọng trước đây như đất đai tôn giáo, hội đoàn tôn giáo, pháp nhân tôn giáo... được quan tâm giải quyết.

Hạn chế: Nhận thức về dân tộc và tôn giáo, tín ngưỡng có lúc, có nơi chưa đầy đủ, toàn diện. Chính sách dân tộc thiếu tính liên thông giữa kế hoạch phát triển ngắn hạn, trung hạn và tầm nhìn dài hạn; giữa phát triển dân tộc với phát triển vùng và liên vùng; giữa ban hành chính sách và bố trí đủ nguồn lực thực hiện. Đời sống đồng bào các dân tộc

thiểu số nhìn chung vẫn còn nhiều khó khăn, hạ tầng cơ sở còn yếu kém. Thiếu cơ chế khơi dậy, phát huy mạnh mẽ ý chí tự lực, tự cường của các dân tộc; tỷ lệ hộ nghèo còn cao hơn so với mặt bằng chung của cả nước; chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế; quan hệ thị trường chậm phát triển; môi trường tự nhiên bị suy thoái. Việc triển khai một số chính sách, chương trình phát triển kinh tế - xã hội còn chậm, hiệu quả thấp; một số công trình đầu tư cho vùng dân tộc, miền núi còn để thất thoát, lãng phí, làm giảm lòng tin của nhân dân. Một bộ phận người Việt Nam đã định cư lâu dài ở nước ngoài còn gặp nhiều khó khăn khi hòa nhập với xã hội sở tại, bị phân biệt đối xử, thiếu cơ chế bảo hộ, hỗ trợ.

Tuyên truyền, giáo dục luật pháp, vận động chức sắc tôn giáo ở những địa bàn phức tạp còn hạn chế. Phát huy nguồn lực tôn giáo trong quá trình thực hiện xã hội hóa một số lĩnh vực của đời sống còn lúng túng. Hoạt động tôn giáo trái pháp luật vẫn xảy ra, nhất là ở vùng biên giới, vùng sâu, vùng xa, vùng có đồng bào dân tộc thiểu số. Các thế lực thù địch tiếp tục lợi dụng tôn giáo để xuyên tạc

vấn đề nhân quyền ở Việt Nam, chia rẽ khôi đại đoàn kết toàn dân tộc, lôi kéo, kích động một bộ phận tín đồ cực đoan, tạo nên các "điểm nóng".

4. Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế

(1) Về quốc phòng, an ninh

Nhận thức về quốc phòng, an ninh có nhiều chuyển biến tích cực. Cương lĩnh 2011 đã xác định mục tiêu, nhiệm vụ của quốc phòng, an ninh là "bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa, giữ vững hoà bình, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh quốc gia và trật tự, an toàn xã hội; chủ động ngăn chặn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta". Đại hội XI của Đảng đã bổ sung "giữ vững chủ quyền biển đảo" và "ứng phó với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống" vào nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, đồng thời nhấn mạnh "an ninh chủ động". Đại hội XII của Đảng đã nâng tầm nhận thức, coi nhiệm vụ bảo vệ

Tổ quốc còn là: "Chủ động đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch; ngăn chặn, phản bác những thông tin và luận điệu sai trái, đẩy lùi các loại tội phạm và tệ nạn xã hội; sẵn sàng ứng phó với các mối đe dọa an ninh truyền thống và phi truyền thống; bảo đảm an ninh, an toàn thông tin, an ninh mạng".

Cương lĩnh 2011 nêu chủ trương: "Kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế". Đại hội XII nhấn mạnh thêm: "Kết hợp chặt chẽ giữa quốc phòng, an ninh và đối ngoại; tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh"; xác định rõ hơn về mục tiêu, yêu cầu bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; về quan hệ đối tác, đối tượng cụ thể hơn; về "Xây dựng "thế trận lòng dân", tạo nền tảng vững chắc xây dựng nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân. Có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột từ sớm, từ xa; chủ động phòng ngừa, phát hiện sớm và triệt tiêu các nhân tố bất lợi, nhất là các nhân tố bên trong có thể gây ra đột biến".

Đã nhận thức ngày càng đầy đủ, toàn diện hơn vị trí, vai trò và mối quan hệ chặt chẽ giữa hai

nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, từ đó xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong xu thế toàn cầu hoá, hội nhập quốc tế.

Về thực tiễn: Đã ban hành và triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 khoá XI về Chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới, các nghị quyết, kết luận của Bộ Chính trị khoá XII về quốc phòng, quân sự, an ninh. Xây dựng toàn diện nền quốc phòng toàn dân và nền an ninh nhân dân; thế trận lòng dân được tăng cường, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân được xây dựng, củng cố. Trên các địa bàn chiến lược, xung yếu, phức tạp, việc xây dựng các khu vực phòng thủ có bước phát triển mới cả chiều rộng và chiều sâu, đáp ứng tốt hơn yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội; tăng cường sự tham gia của toàn xã hội đối với nhiệm vụ quốc phòng,

an ninh. Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, nền an ninh nhân dân, đối với Quân đội nhân dân và Công an nhân dân được tăng cường, củng cố. Vai trò quản lý của Nhà nước về quốc phòng được tăng cường, thực hiện có hiệu quả trên phạm vi cả nước và từng địa phương, cơ sở.

Tiềm lực quốc phòng được quan tâm xây dựng và từng bước được tăng cường; lực lượng vũ trang nhân dân được xây dựng vững mạnh toàn diện, từng bước hiện đại, theo hướng tinh, gọn và mạnh. Chất lượng tổng hợp, trình độ, khả năng sẵn sàng chiến đấu và sức mạnh chiến đấu của lực lượng vũ trang được nâng cao, thực sự là chỗ dựa tin cậy của Đảng, Nhà nước và Nhân dân. Chủ động phòng ngừa, tấn công làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn "diễn biến hòa bình"; hoạt động chống phá, gây rối, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch; đấu tranh ngăn chặn và xử lý có hiệu quả các loại tội phạm hình sự; ứng phó kịp thời với các mối đe dọa an ninh phi truyền thống; tham gia tích cực, có hiệu quả vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, hoạt động cứu hộ, cứu nạn, phòng, chống và khắc phục thiên tai, dịch bệnh.

Kết hợp thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa được quan tâm triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện trên tất cả các lĩnh vực. Nhận thức và giải quyết các mối quan hệ giữa đối tác, đối tượng có bước phát triển mang tính đột phá. Hội nhập quốc tế về quốc phòng, an ninh được đẩy mạnh, góp phần củng cố và gia tăng mức độ tin cậy đối với các nước trong khu vực và cộng đồng quốc tế.

Thành quả cơ bản, quan trọng và bao trùm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, an ninh 10 năm qua là đã kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, lợi ích quốc gia, dân tộc, bảo vệ Đảng, Nhà nước, Nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa; giữ vững an ninh quốc gia, ổn định chính trị - xã hội, trật tự, an toàn xã hội và môi trường hoà bình để tập trung xây dựng, phát triển đất nước.

Tuy nhiên, có nơi, có lúc nhận thức chưa đầy đủ, sâu sắc về nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; về kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ

nghĩa; về kết hợp kinh tế với quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Nhận thức về xây dựng thế trận lòng dân, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân, về nội hàm và mối quan hệ giữa an ninh truyền thống với an ninh phi truyền thống còn một số vấn đề chưa rõ.

Trên thực tế, việc quán triệt và triển khai thực hiện nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc ở một số địa phương, đơn vị chưa sâu sắc, thiếu kiên quyết, triệt để, thiếu những giải pháp mang tính chiến lược, tổng thể. Cơ chế, chính sách về quốc phòng, an ninh chưa thật đầy đủ. Việc kết hợp xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân gắn với xây dựng nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân và xây dựng các khu kinh tế - quốc phòng ở một số nơi còn mang tính hình thức. An ninh trên một số lĩnh vực, địa bàn chưa thật vững chắc. Cuộc đấu tranh tư tưởng, chống các quan điểm sai trái, thù địch chưa đạt hiệu quả cao; những thông tin xấu, độc vẫn xuất hiện trên mạng xã hội chưa được ngăn chặn triệt để. Công tác dự báo, tham mưu chiến lược còn hạn chế trên một số mặt; có lúc, có nơi còn lúng túng trong dự báo,

đánh giá, đối phó và xử lý tình huống về an ninh, trật tự ở cơ sở. Việc kết hợp các nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội với nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, đối ngoại ở một số nơi, một số ngành còn lúng túng, hiệu quả chưa cao.

(2) Về đối ngoại và hội nhập quốc tế

Nhận thức về nhiệm vụ đối ngoại và hội nhập quốc tế ngày càng sâu sắc và thực tế hơn. Cương lĩnh 2011 đã xác định: "Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; nâng cao vị thế của đất nước; vì lợi ích quốc gia, dân tộc, vì một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa giàu mạnh; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, góp phần vào sự nghiệp hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội trên thế giới. Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi với tất cả các nước trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của Hiến chương Liên hợp quốc và luật pháp quốc tế...".

Trong quá trình thực hiện Cương lĩnh 2011, nhận thức của Đảng ta về thời đại, về thế giới và

khu vực ngày càng rõ hơn, đầy đủ hơn là cơ sở quan trọng để xác định nhiệm vụ đối ngoại. Đảng ta xác định nhiệm vụ đối ngoại quan trọng nhất là giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, tranh thủ mọi nguồn lực bên ngoài để tập trung phát triển đất nước. Xác định rõ mục tiêu hàng đầu của nhiệm vụ đối ngoại là bảo đảm lợi ích quốc gia, dân tộc trên cơ sở những nguyên tắc cơ bản của luật pháp quốc tế, bình đẳng, cùng có lợi, gắn lợi ích của Việt Nam với quan tâm chung của khu vực và toàn cầu.

Tư duy của Đảng về đối ngoại đa phương đã phát triển một cách có hệ thống, liên tục được bổ sung, điều chỉnh. Văn kiện Đại hội XII đã chỉ rõ định hướng lớn "nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đối ngoại đa phương". Đối ngoại đa phương chuyển từ "ký kết, gia nhập, tham gia" sang "chủ động và tích cực đóng góp xây dựng và định hình" các quy tắc, luật lệ mới; góp phần vào quá trình hình thành các cấu trúc khu vực và toàn cầu;

tích cực tham gia vào những vấn đề quan trọng đối với an ninh và phát triển của đất nước.

Qua các kỳ đại hội, Đảng ta đã xác định rõ các quan điểm chỉ đạo, định hướng lớn đối với quá trình hội nhập quốc tế: *thứ nhất*, hội nhập quốc tế chủ động và tích cực; *thứ hai*, hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và cả hệ thống chính trị; *thứ ba*, đẩy mạnh hội nhập trên cơ sở phát huy tối đa nội lực, gắn kết chặt chẽ và thúc đẩy quá trình nâng cao sức mạnh tổng hợp, năng lực cạnh tranh của đất nước; *thứ tư*, hội nhập kinh tế là trọng tâm, hội nhập trong các lĩnh vực khác là quan trọng và cần thiết; *thứ năm*, hội nhập là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh, chủ động dự báo, xử lý linh hoạt mọi tình huống, không để rơi vào thế bị động, đối đầu, bất lợi; *thứ sáu*, hội nhập quốc tế vì mục tiêu phát triển nhanh và bền vững đất nước, giữ vững độc lập, tự chủ trong quá trình hội nhập.

Đại hội XII chỉ rõ những định hướng lớn đối với quá trình hội nhập kinh tế quốc tế, hội nhập trong các lĩnh vực chính trị, quốc phòng, an ninh, văn hoá, xã hội và các lĩnh vực khác. Hội nhập kinh tế tập trung thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế,

xây dựng và triển khai chiến lược tham gia các khu vực mậu dịch tự do đối với các đối tác kinh tế, thương mại quan trọng. Hội nhập trong lĩnh vực chính trị tập trung vào việc đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác, nhất là các đối tác chiến lược và các nước lớn có vai trò quan trọng đối với phát triển và an ninh của đất nước, đưa khuôn khổ quan hệ đã xác lập vào thực chất. Hội nhập trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh theo hướng: chủ động, tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh, trong đó có việc tham gia hoạt động gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc, diễn tập về an ninh phi truyền thống và các hoạt động khác. Hội nhập quốc tế trong lĩnh vực văn hoá, xã hội tập trung vào việc tiếp thu có chọn lọc những kinh nghiệm phát triển văn hoá, quản lý xã hội, phát triển con người Việt Nam trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá, gìn giữ và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

Về thực tiễn: Những phát triển và hoàn thiện trong nhận thức và tư duy mới về đối ngoại của Đảng là tiền đề đưa tới những kết quả quan trọng trong quá trình thực hiện Cương lĩnh 2011.

Chúng ta tiếp tục duy trì, củng cố môi trường hoà bình, ổn định, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc. Quan hệ đối ngoại được mở rộng, công tác đối ngoại đã được đẩy mạnh, đưa quan hệ với các đối tác ngày càng đi vào chiều sâu, thực chất, khuôn khổ ổn định, phục vụ thiết thực cho sự phát triển của đất nước. Củng cố và tăng cường quan hệ với các nước láng giềng. Triển khai thực hiện có hiệu quả những quan hệ đối ngoại trong Cộng đồng ASEAN, quan hệ với các nước láng giềng, các bạn bè truyền thống, quan hệ với các nước lớn, các thể chế đa phương như UN, IMF, WB, APEC...

Thực hiện phương châm "Việt Nam là thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế", Việt Nam ngày càng chủ động trong hoạt động đối ngoại đa phương, tích cực đóng góp xây dựng, định hình các thể chế đa phương. Vị thế và vai trò của Việt Nam được khẳng định và không ngừng được nâng cao trên trường quốc tế. Công tác đối ngoại đã góp phần trực tiếp vào các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, góp phần quan trọng thu hút nguồn lực từ bên ngoài cho phát triển, tranh thủ khai thác vị thế

đi lên của đất nước và hợp tác chính trị - ngoại giao cho phát triển kinh tế - xã hội. Hoạt động đối ngoại Đảng, ngoại giao Nhà nước, đối ngoại nhân dân ngày càng được triển khai đồng bộ, toàn diện.

Hội nhập quốc tế đã góp phần quan trọng tăng cường sức mạnh tổng hợp quốc gia. Hội nhập kinh tế đã giúp mở rộng đáng kể thị trường, tranh thủ được lượng lớn vốn đầu tư, tri thức, công nghệ mới và các nguồn lực quan trọng khác từ bên ngoài, đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong nước. Hội nhập về chính trị, quốc phòng, an ninh và các lĩnh vực khác không ngừng được mở rộng, đưa quan hệ giữa Việt Nam với các nước trên thế giới ngày càng đi vào chiều sâu, ổn định, bền vững. Việt Nam đã trở thành thành viên của hầu hết các tổ chức khu vực và quốc tế quan trọng với vị thế và vai trò ngày càng được khẳng định. Đồng thời hội nhập quốc tế tạo điều kiện cho Việt Nam xác lập và tăng cường lòng tin chiến lược với các nước trong khu vực và trên thế giới, tranh thủ sự ủng hộ quốc tế và dựa vào luật pháp quốc tế để bảo vệ độc lập, tự chủ và chủ quyền quốc gia của Việt Nam.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả to lớn đã đạt được, quá trình thực hiện nhiệm vụ đối ngoại và hội nhập quốc tế vẫn còn một số hạn chế. Nhận thức chưa đầy đủ về nội dung, tầm quan trọng và các nhân tố tích cực, tiêu cực của hội nhập quốc tế ảnh hưởng đến lợi ích quốc gia, dân tộc. Chưa làm rõ mối quan hệ biện chứng, tác động qua lại lẫn nhau giữa hội nhập quốc tế và độc lập, tự chủ. Trong một số vấn đề, ở một số thời điểm, nhận thức chưa kịp tình hình, xu thế chung của quốc tế, chưa lường hết được những diễn biến phức tạp, nhanh chóng trong chính sách và quan hệ của các nước lớn, nhất là quan hệ Mỹ - Trung.

Việc triển khai đường lối và chính sách đối ngoại trong thực tiễn vẫn còn có những mặt chưa thật mạnh mẽ, đồng bộ và toàn diện, chưa khai thác thật tốt và hiệu quả cao quan hệ lợi ích đan xen, ổn định với các đối tác quan trọng. Chưa có đầy đủ các giải pháp đồng bộ, hiệu quả để hạn chế tác động tiêu cực trong quan hệ quốc tế. Sự tham gia của các bộ, ngành và địa phương vào công tác đối ngoại còn hạn chế; chưa thực sự gắn kết hiệu quả các lĩnh

vực với nhau và gắn kết với yêu cầu phát triển bền vững. Chủ trương lớn "gắn chặt xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ với tích cực, chủ động hội nhập quốc tế" chưa được cụ thể hoá và thể chế hoá đầy đủ trong từng chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở các ngành và các địa phương, đơn vị. Chất lượng và hiệu quả của hội nhập kinh tế quốc tế có mặt chưa cao, tính bền vững còn có mặt hạn chế. Công tác nghiên cứu, tham mưu, dự báo chiến lược đôi khi chưa theo kịp những chuyển biến nhanh, phức tạp, khó lường của tình hình thế giới, khu vực. Công tác thông tin đối ngoại còn một số bất cập.

5. Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị

(1) Về xây dựng Đảng

Về nhận thức: Đảng ta xác định rõ hơn, đầy đủ hơn, cụ thể hơn bản chất của Đảng. Cương lĩnh 2011 khẳng định: "*Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của dân tộc Việt Nam; đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp*

công nhân, nhân dân lao động và của dân tộc". Đến Đại hội XII, Đảng ta nêu rõ phải: "... tăng cường bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong, sức chiến đấu, phát huy truyền thống đoàn kết, thống nhất của Đảng"; "Giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Đảng, vai trò tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên". Vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền của Đảng đã được hiến định rõ trong Điều 4 Hiến pháp 2013.

Nhận thức ngày càng rõ hơn yêu cầu đổi mới Đảng lãnh đạo, Đảng cầm quyền. Cương lĩnh 2011 chỉ rõ: "Để đảm đương được vai trò lãnh đạo, Đảng phải vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức". Đại hội XII của Đảng bổ sung, phải "xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh về đạo đức", là nội dung yêu cầu quan trọng xây dựng Đảng trong điều kiện mới. Nhận thức ngày càng đầy đủ hơn, sâu sắc hơn về vị trí, nội dung, nhiệm vụ công tác xây dựng Đảng trong điều kiện Đảng cầm quyền, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Cụ thể là:

Nhấn mạnh kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; kiên định đường lối đổi mới. Nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ trí tuệ, tính chiến đấu, vai trò tiên phong, gương mẫu của toàn Đảng và của mỗi cán bộ, đảng viên, trước hết là cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt các cấp. Nâng cao năng lực hoạch định đường lối, chính sách phù hợp với quy luật khách quan và đặc điểm của Việt Nam, tạo bước đột phá để phát triển.

Nhấn mạnh tăng cường xây dựng Đảng về tư tưởng, lý luận; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Phải nhận diện rõ, đề ra mục tiêu, quan điểm, nhiệm vụ, giải pháp và kế hoạch cụ thể để ngăn chặn, đẩy lùi suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, "tự diễn biến", "tự chuyển hóa" trong nội bộ.

Xác định việc đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đặt trong tổng thể nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng; thực hiện đồng bộ với đổi mới kinh tế, đáp ứng yêu cầu xây dựng,

hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng; nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội và đoàn thể nhân dân; phát huy quyền làm chủ của nhân dân. Kiện toàn tổ chức, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng và nâng cao chất lượng đảng viên.

Nhấn mạnh phải tăng cường giáo dục, rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân. Xác định xây dựng Đảng về đạo đức là một nội dung quan trọng trong mục tiêu xây dựng Đảng. Kiên quyết đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí, chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, thực dụng, bè phái, "lợi ích nhóm", nói không đi đôi với làm. Xây dựng và thực hiện tốt các quy định về phát huy trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, chức vụ càng cao càng phải gương mẫu, nhất là cán bộ lãnh đạo, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị.

Về thực tiễn: Qua 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được coi trọng, tăng cường hơn. Đảng ta đã ban hành một số nghị quyết quan trọng về xây dựng Đảng, nhất là Nghị quyết Trung ương 4 khoá XI, Nghị quyết Trung ương 4, 6 và 7 khoá XII. Thực tiễn công tác xây dựng Đảng đạt được nhiều thành tựu. Cụ thể như sau:

Kiên định chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, vận dụng sáng tạo và phát triển phù hợp với thực tiễn Việt Nam; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Năng lực hoạch định và tổ chức thực hiện đường lối, chính sách được nâng lên. Chủ trương, đường lối của Đảng đã được cụ thể hoá thành các giải pháp, chính sách cụ thể, được hiện thực hoá, đi vào cuộc sống, mang lại những thành tựu to lớn về mọi mặt, góp phần cải thiện không ngừng đời sống của nhân dân, nâng cao tiềm lực quốc phòng, an ninh của đất nước.

Bước đầu ngăn chặn những biểu hiện suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống. Công tác tư tưởng được coi trọng và tăng cường hơn, góp phần

tạo sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận xã hội. Chủ động hơn trong đấu tranh chống các quan điểm sai trái, thù địch; đấu tranh chống "diễn biến hoà bình"; việc đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, "tự diễn biến", "tự chuyển hoá" trong nội bộ đạt những kết quả tích cực. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo thông tin, báo chí, xuất bản được quan tâm hơn.

Công tác lý luận đã được quan tâm, đặc biệt là trong nghiên cứu những vấn đề lý luận và tổng kết thực tiễn của công cuộc đổi mới¹. Qua tổng kết đã góp phần phát triển tư duy lý luận của Đảng, phát hiện những vấn đề mới đang đặt ra, đề xuất những luận cứ lý luận - thực tiễn làm cơ sở cho hoạch định đường lối, chủ trương của Đảng.

1. Trong 10 năm qua, đã tiến hành nhiều cuộc tổng kết lớn: Tổng kết 20 năm thực hiện Hiến pháp năm 1992, phục vụ yêu cầu sửa đổi, bổ sung Hiến pháp năm 1992, ban hành Hiến pháp năm 2013; Tổng kết hơn 20 năm thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị khoá VII về công tác lý luận; Tổng kết một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 30 năm đổi mới (1986-2016);...

Chức năng, nhiệm vụ, cơ chế hoạt động của các tổ chức của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được đổi mới và hoàn thiện. Tổ chức bộ máy các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội được đẩy mạnh sắp xếp lại theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả¹. Công tác xây dựng, củng cố, kiện toàn tổ chức cơ sở đảng, việc phát triển và nâng cao chất lượng đảng viên đã được cấp ủy, tổ chức đảng tập trung chỉ đạo thực hiện.

Đảng đã ban hành và lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XII về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Nhiều chủ trương, nguyên tắc,

1. Từ Đại hội XII của Đảng đến ngày 30/6/2019, toàn bộ hệ thống chính trị đã giảm 4 đầu mối trực thuộc Trung ương, 100 đầu mối trực thuộc cấp tỉnh, 496 đầu mối trực thuộc cấp huyện; 7 tổng cục và tương đương, 81 cục, vụ, 73 đơn vị sự nghiệp ở Trung ương; 2.658 phòng và tương đương, 893 cấp trưởng, cấp phó ở các đơn vị, tổ chức hành chính cấp tỉnh, cấp huyện; 2.998 cấp trưởng và 3.231 cấp phó ở các đơn vị sự nghiệp công lập địa phương.

quan điểm, giải pháp lớn về xây dựng đội ngũ cán bộ được thể chế hoá, cụ thể hoá bằng các quy chế, quy trình bảo đảm dân chủ, chặt chẽ hơn. Công tác đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bố trí, sử dụng cán bộ có tiến bộ. Lần đầu tiên đã xây dựng quy hoạch Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư và các chức danh chủ chốt của Đảng, Nhà nước khoá XII và tiếp tục xây dựng quy hoạch cán bộ cấp chiến lược cho khoá XIII.

Coi trọng hơn về rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân; chỉ đạo, tổ chức, triển khai đạt kết quả bước đầu trong việc thực hiện Chỉ thị số 03-CT/TW của Bộ Chính trị khoá XI về tiếp tục đẩy mạnh việc học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh; Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị khoá XII về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, ban hành và tổ chức thực hiện có kết quả bước đầu các quy định về nêu gương, gắn với nhiệm vụ xây dựng, chỉnh đốn Đảng.

Công tác kiểm tra, giám sát, bảo vệ chính trị nội bộ được quan tâm thực hiện có hiệu quả hơn; kỹ

cương, kỷ luật được tăng cường. Việc xử lý kịp thời, nghiêm minh một số tổ chức, cá nhân vi phạm¹ đã góp phần cảnh tỉnh, cảnh báo, răn đe và ngăn chặn tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, làm trong sạch một bước đôi ngũ cán bộ, đảng viên, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

Công tác dân vận được quan tâm và có bước đổi mới. Áp dụng nhiều hình thức tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh.

Phương thức lãnh đạo của Đảng đổi với hệ thống chính trị từng bước được cụ thể hóa và đổi mới. Trong 10 năm qua, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị đã ban hành nhiều nghị quyết,

1. Từ Đại hội XII của Đảng đến ngày 31/12/2019, cấp uỷ, uỷ ban kiểm tra các cấp đã thi hành kỷ luật 2.209 cán bộ, đảng viên liên quan đến tham nhũng, trong đó có hơn 90 cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý (trong số đó có 21 Uỷ viên Trung ương Đảng, 02 Uỷ viên Bộ Chính trị, hơn 20 sĩ quan cấp tướng trong Quân đội và Công an).

kết luận, chỉ thị nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng, phát huy tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội. Việc lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết việc thực hiện nghị quyết, kết luận, chỉ thị của Đảng trong hệ thống chính trị được coi trọng hơn, đạt những thành quả quan trọng.

Việc phát huy vai trò của các tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội được coi trọng hơn. Thực hiện có hiệu quả hơn nguyên tắc tập trung dân chủ, chế độ tập thể lãnh đạo, đồng thời đề cao trách nhiệm cá nhân, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu.

Những hạn chế, bất cập về nhận thức: Lý luận về Đảng cầm quyền trong điều kiện phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế chưa đủ rõ về nội dung, mô hình, phương thức cầm quyền. Chưa phân biệt thật rõ giữa Đảng lãnh đạo và Đảng cầm quyền.

Nhận thức về một số nội dung công tác xây dựng Đảng mới dừng lại ở mức độ nhận thức chung là Đảng phải trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức. Nhiều vấn đề chưa được cụ thể hóa thành các quy định để thực hiện. Nhận thức về dân chủ trong điều kiện một Đảng cầm quyền còn hạn chế; chưa nhận thức đầy đủ mối quan hệ giữa tập trung và dân chủ. Nhiều vấn đề đặt ra từ thực tiễn công tác xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, đạo đức, về phương thức lãnh đạo của Đảng chưa được luận giải đầy đủ, sâu sắc...

Những hạn chế, bất cập về thực tiễn: Việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiều nội dung trong các chủ trương, nghị quyết về xây dựng Đảng chưa đạt được yêu cầu đề ra. Các nguyên tắc xây dựng Đảng như nguyên tắc tập trung dân chủ, tự phê bình và phê bình, liên hệ mật thiết với nhân dân ở nhiều tổ chức đảng còn bị vi phạm.

Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận vẫn còn hạn chế, bất cập, chưa đáp ứng được đòi hỏi của thực tiễn diễn biến nhanh chóng, phức tạp; chưa giải đáp được kịp thời một số vấn đề mới do thực tiễn đặt ra; chưa coi trọng đúng mức tổng kết

việc thực hiện các thí điểm. Công tác nghiên cứu dự báo chưa làm tốt chức năng định hướng cho hoạt động thực tiễn, chưa có nhiều và kịp thời những đề xuất mới, đột phá để cung cấp căn cứ khoa học chính xác cho việc hoạch định đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước.

Công tác tư tưởng còn thiếu sắc bén, thiếu tính chủ động, sức thuyết phục chưa cao, tính chiến đấu còn hạn chế; công tác thông tin, tuyên truyền một số chủ trương, chính sách, pháp luật chưa kịp thời, thiếu chiêu sâu, chưa đáp ứng các yêu cầu và sự quan tâm của nhân dân. Công tác đấu tranh phản bác, ngăn chặn các luận điệu thông tin xấu, sai trái, mang tính kích động, xuyên tạc trên mạng xã hội còn nhiều bất cập, hiệu quả hạn chế.

Công tác tổ chức, cán bộ còn nhiều hạn chế. Tổ chức của một số cơ quan đảng, nhà nước và tổ chức chính trị - xã hội chưa tinh gọn, hoạt động chưa hiệu lực, hiệu quả. Việc chỉ đạo khắc phục tình trạng yếu kém của nhiều tổ chức cơ sở đảng chưa quyết liệt; còn lúng túng trong việc xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Chưa quan tâm đầy đủ đến

việc xây dựng đội ngũ cán bộ tham mưu cấp chiến lược. Năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của nhiều tổ chức đảng còn thấp, thậm chí có nơi rất thấp; quản lý đảng viên chưa chặt chẽ; quyền hạn và trách nhiệm chưa rõ ràng, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu. Công tác phát triển đảng viên ở nông thôn, miền núi gặp nhiều khó khăn.

Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí, làm việc hời hợt, ngại khó, ngại khổ và thiếu trách nhiệm, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, có biểu hiện "tự diễn biến", "tự chuyển hóa". Một bộ phận cán bộ lãnh đạo, trong đó có cả cán bộ cấp chiến lược, cả đương chức và đã nghỉ hưu, thiếu gương mẫu, uy tín thấp, phẩm chất, năng lực chưa ngang tầm nhiệm vụ, quan liêu, xa dân, cá nhân chủ nghĩa, vướng vào tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm, còn biểu hiện "đặc quyền, đặc lợi". Không ít cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước thiếu tu dưỡng, rèn luyện, thiếu tính đảng, lợi dụng sơ hở trong cơ chế, chính sách, pháp luật, cố ý làm trái, trực lợi, làm thất thoát vốn, tài sản của Nhà nước, gây hậu quả nghiêm trọng.

Trong những năm gần đây, công tác kiểm tra, giám sát và thi hành kỷ luật đảng có những chuyển biến tích cực, mạnh mẽ, nhất là từ cấp Trung ương, nhưng chưa đều, có hiện tượng "trên nóng, dưới lạnh". Chưa coi trọng giám sát, kiểm tra, phòng ngừa, ngăn chặn khuyết điểm, vi phạm. Vẫn còn có những vi phạm, khuyết điểm kéo dài, chưa được phát hiện, xử lý triệt để, gây hậu quả xấu trong xã hội.

Công tác dân vận còn một số hạn chế. Trong quá trình xây dựng, tổ chức thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có những bất cập, sơ hở, khuyết điểm, chưa thật sự quán triệt quan điểm "dân là gốc"; chưa thật sự lắng nghe tâm tư, nguyện vọng và giải quyết những bức xúc, tồn đọng kéo dài trong một bộ phận nhân dân đối với các vấn đề xã hội nhạy cảm như đất đai, môi trường; những vụ việc khiếu kiện phức tạp kéo dài trong nhân dân chưa được xử lý triệt để.

Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, trọng tâm là đối với Nhà nước còn chậm đổi mới, có mặt còn lúng túng. Quan điểm Đảng lãnh đạo chủ yếu bằng Nhà nước, thông qua

Nhà nước chưa được thể chế hoá, cụ thể hoá đầy đủ và đồng bộ. Tình trạng cấp uỷ bao biện, làm thay hoặc buông lỏng lãnh đạo đối với hoạt động của hệ thống chính trị đã và đang diễn ra ở nhiều ngành, địa phương, lĩnh vực. Thực hiện phuong thức lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên còn nhiều lúng túng, bất cập. Chưa xác định rõ, cụ thể và thực hiện nghiêm chức trách, nhiệm vụ của người đứng đầu tổ chức đảng và cơ quan, đơn vị, của cấp uỷ viên; chất lượng và vai trò của đảng viên ở nông thôn, ở thành phố, trong các doanh nghiệp, trường học... còn nhiều hạn chế.

(2) *Về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*

Về nhận thức: 10 năm qua, nhận thức của Đảng ta về Nhà nước có bước phát triển mới, nhất là về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân và bảo đảm thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, theo nguyên tắc tất cả quyền lực của Nhà nước thuộc về nhân dân.

Nhận thức rõ hơn đặc trưng của Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân:

Một là, bảo đảm thực thi đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước. *Hai là*, quyền lực nhà nước được chế định và giới hạn một cách rõ ràng bằng Hiến pháp và luật. *Ba là*, quyền lực nhà nước là thống nhất, mỗi quan hệ giữa các thiết chế lập pháp, hành pháp và tư pháp trong bộ máy nhà nước được điều chỉnh bởi nguyên tắc quyền lực của mỗi cơ quan đều được phân định rõ ràng, bảo đảm độc lập tương đối với nhau và có sự kiểm soát quyền lực lẫn nhau (quyền lực kiểm soát quyền lực) trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. *Bốn là*, thượng tôn pháp luật được bảo đảm trong mọi hành vi ứng xử của Nhà nước đối với xã hội và đối với thị trường. *Năm là*, trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước, các quan chức nhà nước được bảo đảm. *Sáu là*, độc lập trong hoạt động xét xử (độc lập về tư pháp) được bảo đảm một cách đầy đủ và thực chất (thể hiện cả trong cách thức tổ chức các cơ quan tư pháp, điều kiện bảo đảm về ngân sách, nguồn bổ nhiệm, chế độ đai ngộ đối với đội ngũ cán bộ tư pháp v.v..). *Bảy là*, xây dựng được hệ thống pháp luật công khai, minh bạch, khả thi, thống nhất, đồng bộ, ổn định. *Tám là*, phân định

(phân cấp) thẩm quyền Trung ương, địa phương một cách rõ ràng, bằng luật định, phát huy vai trò tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương, từng bước thực hiện nguyên tắc tự quản địa phương. *Chín là*, tôn trọng và thực thi đầy đủ cam kết quốc tế, tham gia tích cực vào các cơ chế quản trị toàn cầu để góp phần vào sự phát triển chung của thế giới và bảo vệ thỏa đáng, có hiệu lực lợi ích quốc gia, dân tộc. *Mười là*, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng. Xác định rõ hơn nguyên tắc Đảng lãnh đạo Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, không chấp nhận chế độ đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.

Về thực tiễn: Các quan điểm về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thể hiện trong Cương lĩnh 2011 đã được thể chế hóa một bước quan trọng trong Hiến pháp 2013 và các đạo luật của Nhà nước¹. Hệ thống pháp luật được sửa đổi, bổ sung và xây dựng ngày càng đầy đủ và phù hợp hơn.

1. Sau khi có Cương lĩnh 2011 và Hiến pháp 2013, việc sửa đổi, bổ sung các đạo luật được đẩy mạnh. Số lượng các đạo luật, pháp lệnh được Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành trong 30 năm đổi mới gấp gần 8 lần số lượng luật, pháp lệnh ban hành trong 41 năm trước đổi mới (483/63).

Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và cơ chế hoạt động của các thiết chế trong bộ máy nhà nước (cả lập pháp, hành pháp, tư pháp; nhất là Quốc hội, thiết chế Chủ tịch nước, Chính phủ, các cơ quan tư pháp) có những đổi mới và từng bước được hoàn thiện, hoạt động hiệu lực và hiệu quả hơn. Chức năng, nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của các cấp chính quyền địa phương (Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân) các cấp có những đổi mới bước đầu.

Nguyên tắc pháp quyền trong hoạt động của các cơ quan nhà nước được tuân thủ tốt hơn. Cải cách hành chính ở Trung ương và địa phương được đẩy mạnh. Hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước từng bước được nâng lên. Nguyên tắc phân công, phối hợp và kiểm soát quyền lực nhà nước từng bước được thực hiện. Cơ chế kiểm soát quyền lực trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước đã có những bước tiến nhất định. Hoạt động giám sát và phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đã từng bước được triển khai.

Tuy nhiên, về mặt nhận thức vẫn còn những hạn chế, bất cập: Nhận thức chưa đầy đủ về

nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất và cơ chế phân công, phối hợp, giám sát, kiểm soát việc thực hiện quyền lực nhà nước. Chưa nhận thức và quy định đầy đủ mô hình tổ chức và cơ chế vận hành của hệ thống chính trị với các nguyên tắc dân chủ, pháp quyền, tính tối thượng của Hiến pháp. Còn những hạn chế trong nhận thức về vị trí, vai trò, tính chất và mô hình của chính quyền địa phương. Định hướng phân cấp, phân quyền giữa chính quyền Trung ương và chính quyền địa phương còn những vấn đề chưa rõ.

Chưa luận giải thấu đáo và đầy đủ về nội dung, phương thức và cơ chế lãnh đạo của Đảng cầm quyền đối với Nhà nước pháp quyền. Nhận thức về kiểm soát quyền lực nhà nước còn những bất cập; nhận thức chưa đầy đủ và rõ về vai trò và cơ chế kiểm tra, giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với hoạt động của Nhà nước. Nhận thức về vị trí, vai trò của các tổ chức xã hội trong mối quan hệ với Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa còn hạn chế.

Về thực tiễn: Chậm thay đổi hóa đầy đủ nguyên tắc quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự

phân công, phối hợp và kiểm soát trong thực thi quyền lực nhà nước. Chậm thể chế hoá trách nhiệm giải trình của các cơ quan nhà nước, cũng như trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan nhà nước...

Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa chưa đáp ứng đầy đủ các nguyên tắc thượng tôn Hiến pháp và pháp luật. Công tác lập pháp còn bất cập cả về quy trình và nội dung, chưa bảo đảm đầy đủ tính khoa học - thực tiễn. Hệ thống pháp luật còn nhiều tầng nấc, thiếu đồng bộ, mâu thuẫn lẫn nhau, hiệu lực chưa cao, tính công khai, minh bạch, tính khả thi, ổn định còn hạn chế. Vị trí, vai trò của công tác tư pháp chưa được coi trọng đúng mức. Cải cách tư pháp còn chậm, chưa đạt được mục tiêu, yêu cầu đề ra. Hệ thống các cơ quan tư pháp chậm được đổi mới, tăng cường năng lực chuyên môn để đáp ứng yêu cầu của một nền tư pháp độc lập, công minh.

Cơ chế bảo vệ pháp luật và tăng cường pháp chế chưa đầy đủ, còn hạn chế. Cơ chế và các thiết chế kiểm soát quyền lực chưa được chế định đầy đủ, rõ ràng, đồng bộ và hiệu quả. Cơ chế để nhân dân thực hiện quyền làm chủ đối với các thiết chế của

bộ máy nhà nước chưa hoàn thiện. Tổ chức và hoạt động của các thiết chế trong hệ thống quyền lực nhà nước (Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, và hệ thống các cơ quan tư pháp) vẫn còn những bất cập, chưa hợp lý. Tính công khai, minh bạch, trách nhiệm giải trình trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước còn nhiều hạn chế.

Thẩm quyền, trách nhiệm của từng tổ chức, từng cấp, từng ngành chậm được chế định đồng bộ, chặt chẽ, phù hợp. Tổ chức, bộ máy công kênh, vận hành kém hiệu lực, hiệu quả. Thiếu các cơ chế bảo đảm thực thi pháp luật một cách hiệu quả. Kỷ cương, kỷ luật trong quản lý nhà nước, trong thi hành công vụ, trong chấp hành pháp luật còn nhiều yếu kém, thực thi pháp luật không nghiêm. Cải cách hành chính chưa đạt yêu cầu. Tình trạng quan liêu, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, thiếu trách nhiệm giải trình đã và đang là những vấn đề bức xúc.

(3) Về xây dựng, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa

Về nhận thức: Dân chủ được xác định là bản chất của chế độ xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng. Dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là động lực

của sự phát triển đất nước. Nên dân chủ mà chúng ta xây dựng, phát triển và hoàn thiện là một tổng thể bao gồm các quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm xã hội, các thể chế và cơ chế chính trị được bảo đảm về mặt pháp lý. Cương lĩnh 2011 xác định, dân chủ phải trở thành văn hoá, văn minh của xã hội xã hội chủ nghĩa. Dân chủ gắn liền với kỷ luật, kỷ cương và phải được thể chế hoá bằng pháp luật, được pháp luật bảo đảm. Nhà nước tôn trọng và bảo đảm các quyền con người, quyền công dân. Quyền của công dân không tách rời nghĩa vụ công dân.

Dân chủ phải được thể hiện trong hoạt động của hệ thống chính trị, trong mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ. Nhân dân thực hiện quyền làm chủ thông qua hoạt động của Nhà nước, của cả hệ thống chính trị và các hình thức dân chủ trực tiếp, dân chủ đại diện. Dân chủ xã hội chủ nghĩa luôn gắn liền với tổ chức và hoạt động của Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Dân chủ trong Đảng là hạt nhân để phát huy dân chủ trong hệ thống chính trị và trong xã hội. Phải nâng cao chất lượng các hình thức thực hiện dân chủ trong tất cả các lĩnh

vực của đời sống xã hội, coi trọng thực hiện quyền con người, quyền công dân và đạo đức xã hội.

Về *thực tiễn*: Đã chế định ngày càng đầy đủ hơn các thiết chế và cơ chế thực thi dân chủ. Thực hiện dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp có những chuyển biến tích cực. Thực hiện dân chủ trực tiếp ở cơ sở được đẩy mạnh hơn. Dân chủ trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội có những chuyển biến tích cực. Dân chủ trong lĩnh vực *kinh tế* ngày càng được thực hiện tốt hơn. Các chủ thể kinh tế được tự do sản xuất kinh doanh tất cả những gì mà pháp luật không cấm, được tạo điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất kinh doanh... là thành tựu lớn nhất, góp phần thúc đẩy tăng trưởng và phát triển nền kinh tế. Dân chủ trong lĩnh vực *chính trị* được thực hiện ngày càng tốt hơn và có những bước tiến nổi bật. Các tổ chức trong hệ thống chính trị đã và đang tiếp tục được đổi mới về tổ chức và phương thức hoạt động. Dân chủ trong lĩnh vực *văn hoá* và *xã hội* có những kết quả quan trọng, dân chủ trong hoạt động lý luận khoa học đã có bước tiến, tạo điều kiện cho các nhà khoa học tranh luận, thảo luận và phát huy năng lực sáng

tạo của mình, đóng góp tích cực vào việc xây dựng các chủ trương của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

Sự tham gia của người dân trong xây dựng và thực thi các cơ chế, chính sách của Đảng và Nhà nước, giám sát các hoạt động của các cơ quan đảng, nhà nước, cán bộ, đảng viên được coi trọng hơn và ngày càng mở rộng.

Dân chủ trong Đảng và trong hệ thống nhà nước, trong hệ thống chính trị có những bước tiến quan trọng. Tính công khai, minh bạch và trách nhiệm giải trình trong hoạt động của các cơ quan đảng và nhà nước được coi trọng hơn. Quyền làm chủ của nhân dân, quyền con người và quyền công dân được thực hiện ngày càng tốt hơn. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thực hiện vai trò giám sát và phản biện xã hội, tham gia góp ý xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước ngày càng có hiệu quả hơn. Nhà nước bảo đảm cho nhân dân thực hiện các quyền cơ bản, như quyền được thông tin, tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tín ngưỡng, tự do sáng tạo...

Tuy nhiên, nhận thức về dân chủ trong một bộ phận cán bộ, đảng viên và trong nhân dân còn

nhiều hạn chế, chưa coi dân chủ là những giá trị to lớn của chế độ, của xã hội. Nhận thức chưa đúng và đầy đủ việc thực hiện tốt dân chủ trong Đảng là hạt nhân của việc thực hiện dân chủ trong hệ thống chính trị và toàn xã hội. Còn tình trạng tách rời, thậm chí đối lập giữa dân chủ và kỷ cương, dân chủ và pháp luật. Nghiên cứu lý luận và lý giải về bản chất của dân chủ và xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa chưa đầy đủ và hệ thống.

Về thực tiễn vẫn còn nhiều bất cập: Các thiết chế và thể chế để bảo đảm dân chủ và thực thi dân chủ vẫn còn chưa được ban hành đầy đủ, đồng bộ. Việc thực hiện dân chủ đại diện, dân chủ trực tiếp vẫn còn những hạn chế, ở không ít nơi chưa thực chất, còn mang tính hình thức. Các hình thức và phương thức thực hiện dân chủ chưa đa dạng, phong phú. Vẫn còn tình trạng chưa tôn trọng và bảo đảm đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân, tình trạng vi phạm dân chủ vẫn còn ở nhiều nơi và trong nhiều lĩnh vực. Việc thực hành dân chủ ở nhiều nơi, nhiều lúc còn mang tính hình thức. Dân chủ quá trớn, dân chủ cực đoan cùng sự độc đoán, chuyên quyền vẫn diễn ra ở một số nơi. Dân chủ trong Đảng, trong hệ thống nhà nước chưa được

thực hiện đầy đủ. Chế độ trách nhiệm của người đứng đầu và tổ chức đảng, chính quyền về thực hiện dân chủ chưa được quy định rõ ràng, thực hiện chưa nghiêm... Việc thực hiện dân chủ chưa trở thành một giá trị xã hội phổ biến.

(4) Về Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân

Về nhận thức: Nhận thức của Đảng về Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có bước phát triển mới; xác định Mặt trận Tổ quốc là tổ chức liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, tầng lớp xã hội, các dân tộc, tôn giáo và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Đảng vừa là thành viên, vừa là người lãnh đạo Mặt trận. Mặt trận là một bộ phận của hệ thống chính trị, là cơ sở chính trị của chính quyền nhân dân, hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, hiệp thương dân chủ, phối hợp và thống nhất hành động giữa các thành viên.

Nhận thức rõ hơn yêu cầu mới đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân: Đề cao vai trò chủ động, sáng tạo của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Tiếp tục đổi mới nội dung, tổ

chức bộ máy, phương thức hoạt động, tập hợp, đoàn kết nhân dân, thực hiện dân chủ, tổ chức các phong trào thi đua yêu nước, phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, giám sát và phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước.

Chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân với các thành viên trong hệ thống chính trị được phân định, điều chỉnh ngày càng hợp lý hơn. Mối quan hệ của Đảng với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân đã có sự đổi mới hợp lý hơn, đáp ứng tốt hơn sự lãnh đạo của Đảng và hoạt động theo Điều lệ của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Phương thức lãnh đạo của Đảng đổi với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân từng bước được đổi mới theo hướng tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy dân chủ, tính chủ động, sáng tạo của các tổ chức này.

Hệ thống tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân cũng có những bước đổi mới, sắp xếp lại. Hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên ngày càng phát huy tốt

hơn chức năng của mình, tập trung hướng mạnh các hoạt động về cơ sở. Chăm lo và bảo vệ lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên, hội viên và nhân dân.

Tuy nhiên, nhận thức về vị trí, vai trò, chức năng của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân trong hệ thống chính trị còn những điểm chưa được làm rõ. Nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn về Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân còn hạn chế, bất cập. Chưa nghiên cứu sâu và làm rõ một cách có hệ thống về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân.

Việc đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân chưa theo kịp yêu cầu của thực tiễn. Chậm cùn thể hoá và thực hiện một cách thực chất cơ chế giám sát, phản biện xã hội của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân.

Trong các hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân có việc còn chồng chéo hoặc mang tính hình thức. Công tác tuyên truyền, vận động, tập hợp, thu hút nhân dân tham gia các

phong trào, các cuộc vận động chưa thực sự đi vào chiều sâu, chưa bám sát chức năng, nhiệm vụ của mình. Ở một số nơi, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân chưa làm tốt vai trò đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của nhân dân, tham gia giải quyết những vụ việc gây bức xúc, "điểm nóng" trong xã hội và giám sát, phản biện xã hội.

6. Nhìn lại 30 năm thực hiện Cương lĩnh

Dưới ánh sáng của Cương lĩnh, Đảng Cộng sản Việt Nam đã phát huy trí tuệ, sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, khơi dậy các tiềm năng, nguồn lực của đất nước, tận dụng thời cơ, điều kiện thuận lợi của thời đại, tổ chức thực hiện công cuộc Đổi mới toàn diện, mạnh mẽ, xây dựng và phát triển đất nước, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh. 30 năm thực hiện Cương lĩnh đã tạo nên những thành tựu to lớn chưa từng thấy, mang lại sự phát triển có ý nghĩa lịch sử của đất nước.

Thứ nhất, qua 30 năm thực hiện Cương lĩnh, Đảng đã không ngừng trưởng thành về mọi mặt,

thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, lập trường kiên định, cung cố nền tảng tư tưởng chính trị ngày càng vững chắc, giữ vững vai trò lãnh đạo, nâng cao năng lực cầm quyền.

Cương lĩnh ra đời năm 1991, vào lúc mô hình chủ nghĩa xã hội ở Liên Xô và Đông Âu sụp đổ, hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới tan rã, phong trào cộng sản quốc tế lâm vào thoái trào, một bộ phận không nhỏ những người cộng sản trên thế giới hoang mang, dao động, mất phương hướng. Vào thời điểm đó, Cương lĩnh 1991 chính là lời tuyên bố đanh thép về lập trường kiên định của Đảng Cộng sản Việt Nam: Kiên định mục tiêu và định hướng đi lên chủ nghĩa xã hội; kiên định nền tảng tư tưởng chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định vai trò lãnh đạo của Đảng; kiên định đường lối đổi mới. Bản lĩnh và sự kiên định của Đảng là nền tảng tạo nên sự thống nhất trong toàn Đảng, sự vững vàng của đội ngũ cán bộ, đảng viên, cung cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, với chế độ. Bản lĩnh chính trị vững vàng và lập trường kiên định của Đảng được tiếp tục bồi đắp, tăng cường và thể hiện sâu sắc trong Cương lĩnh 2011, trong các văn kiện Đại hội VIII, IX, X, XI, XII của Đảng, trong các nghị

quyết hội nghị Trung ương, trở thành sức mạnh tư tưởng to lớn, động viên toàn Đảng, toàn dân vượt qua nhiều khó khăn, thử thách, giành những thành tựu vẻ vang trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần quan trọng vào việc phục hồi phong trào cộng sản, công nhân quốc tế, củng cố niềm tin vào tương lai của chủ nghĩa xã hội.

30 năm lãnh đạo tổ chức thực hiện Cương lĩnh, Đảng luôn chú trọng xây dựng, chỉnh đốn Đảng trong sạch, vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, đạo đức, kiên quyết, kiên trì đấu tranh phòng, chống những biểu hiện suy thoái, không ngừng nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Nhờ vậy, Đảng đã giữ vững, phát huy vai trò lãnh đạo, cầm quyền đối với Nhà nước, xã hội. Sự lãnh đạo đúng đắn và sáng tạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định thắng lợi của công cuộc Đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước trong 30 năm qua.

Thứ hai, qua 30 năm thực hiện Cương lĩnh, hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam đã hình thành và từng bước hoàn thiện.

Trên nền tảng nhận thức lý luận được thể hiện trong Cương lĩnh, 30 năm qua, Đảng đã thường

xuyên chú trọng nghiên cứu lý luận gắn với thể nghiệm, tổng kết thực tiễn đất nước; phân tích, dự báo tình hình thế giới; nghiên cứu, tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại, kinh nghiệm quốc tế phù hợp với điều kiện Việt Nam, hình thành và từng bước hoàn thiện hệ thống lý luận theo tinh thần đổi mới về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện, yêu cầu của đất nước và thuận với xu thế phát triển của thời đại. Đó là lý luận về mô hình chủ nghĩa xã hội của nước ta trong bối cảnh thế giới đương đại; lý luận về mục tiêu, lộ trình tổng quát, những phương hướng cơ bản xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; lý luận về những mối quan hệ lớn phản ánh tính quy luật của sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc; lý luận về phương hướng, chiến lược phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại; lý luận về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị Việt Nam...

Hệ thống lý luận đó được thể hiện ngày càng sáng rõ trong các văn kiện của Đảng, được kiểm nghiệm và khẳng định tính đúng đắn, sáng tạo trong thực tiễn xây dựng, bảo vệ Tổ quốc vô cùng

sinh động. Hệ thống lý luận đó là kết tinh trí tuệ của toàn Đảng, toàn dân, đặt nền tảng để chúng ta vững tin tiếp tục bổ sung, phát triển, không ngừng hoàn thiện.

Thứ ba, quán triệt và thực hiện tư tưởng, định hướng của Cương lĩnh, 30 năm qua, công cuộc Đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử.

Từ nhận thức, quyết tâm chính trị của các tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, của cán bộ, đảng viên và nhân dân, đường lối của Đảng trong Cương lĩnh đã chuyển hoá thành hành động thực tiễn trong quá trình thực hiện các chương trình, kế hoạch hàng năm, 5 năm, chiến lược phát triển 10 năm... từ Trung ương đến địa phương, cơ sở.

Đối chiếu với các đặc trưng, phương hướng cơ bản và những định hướng lớn về phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị được xác định trong Cương lĩnh, có thể thấy, sau 30 năm thực hiện, đất nước đã có những bước phát triển vượt bậc, đã đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên nhiều mặt.

Nhìn tổng quát, đất nước đã vượt qua cuộc khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng những năm 80 của thế kỷ XX, đến cuối thập niên đầu của thế kỷ XXI đã ra khỏi tình trạng một nước nghèo, kém phát triển, thu nhập thấp; và đến nay đã trở thành quốc gia đang phát triển năng động, có thu nhập trung bình với một số chỉ số xã hội quan trọng tương đương với các nước có thu nhập cao hơn. Đời sống nhân dân được cải thiện một cách cơ bản, toàn diện. Uy tín và vị thế của đất nước trên trường quốc tế được nâng lên rõ rệt.

Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đã định hình rõ nét hơn, từng bước phù hợp với chuẩn mực thế giới và nâng cao hơn khả năng hội nhập kinh tế quốc tế, tham gia vào mạng sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa tiếp tục được đẩy mạnh. Cơ cấu lại tổng thể nền kinh tế, cơ cấu lại các ngành kinh tế có chuyển biến tích cực, cơ cấu lại các doanh nghiệp trên cơ sở thực hiện các đột phá chiến lược; nhờ vậy, năng suất lao động, chất lượng phát triển, giá trị tăng thêm và năng lực cạnh tranh được cải thiện, kinh tế vĩ mô giữ được ổn định, tốc độ tăng

trưởng duy trì ở mức tương đối cao, tiềm lực kinh tế đất nước được nâng lên.

Về văn hoá, xã hội, con người: Nên văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc tiếp tục được xây dựng, có những bước phát triển. Giá trị văn hoá truyền thống và tài nguyên văn hoá được bảo tồn, phát huy, được quốc tế ghi nhận, đánh giá cao. Các lĩnh vực văn hoá, thể thao khởi sắc: văn học, nghệ thuật ngày càng phong phú, đa dạng; báo chí, truyền thông phát triển mạnh; hệ thống giáo dục, đào tạo không ngừng hoàn thiện, quy mô mở rộng; khoa học, công nghệ từng bước phát huy vai trò là động lực then chốt của phát triển.

Chính sách xã hội được chăm lo tốt hơn. Xoá đói, giảm nghèo đạt thành tựu quan trọng. An sinh xã hội phát triển; phúc lợi xã hội được bảo đảm tốt hơn, chăm sóc y tế ngày càng được cải thiện. Mức sống của nhân dân được nâng lên. Đoàn kết các dân tộc và thực hiện chính sách tôn giáo, tín ngưỡng có nhiều tiến bộ. Cộng đồng xã hội được củng cố; ổn định, an toàn xã hội được bảo đảm; tiến bộ, công bằng xã hội đạt được những thành quả quan trọng. Con người Việt Nam có bước phát triển

mới theo hướng toàn diện. Quyền con người, quyền công dân được tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ. Nhiều giá trị truyền thống về đạo đức, nhân cách được kế thừa, phát huy; một số tố chất mới của con người thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế từng bước định hình. Mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” từng bước được thực hiện phù hợp với điều kiện đất nước trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Tiềm lực quốc phòng, an ninh được tăng cường. Nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân kết hợp với nền an ninh nhân dân, thế trận an ninh nhân dân tiếp tục được củng cố; sự kết hợp hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, quan hệ hai chiều giữa quốc phòng, an ninh với kinh tế, văn hóa, xã hội, đối ngoại được thực hiện có kết quả; lực lượng quân đội, công an được quan tâm xây dựng theo hướng chính quy, hiện đại; an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm; giữ vững ổn định chính trị, xã hội và môi trường hòa bình để phát triển đất nước.

Phá vỡ thế bị bao vây, cấm vận; không ngừng mở rộng, nâng cao chất lượng quan hệ quốc tế với các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, với các nước lớn, các nước láng giềng. Hợp tác quốc tế được tăng cường; hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, toàn diện, hiệu quả. Những thành tựu trên lĩnh vực đối ngoại, hội nhập quốc tế góp phần quan trọng làm tăng thêm sức mạnh tổng hợp quốc gia, phục vụ hiệu quả sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc, không ngừng nâng cao vị thế, uy tín quốc tế của đất nước.

Công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng được triển khai quyết liệt, có nhiều chuyển biến tích cực. Xây dựng Đảng được chú trọng cả về tư tưởng, chính trị, tổ chức, đạo đức gắn với việc đổi mới công tác cán bộ, tăng cường kiểm tra, giám sát, kỷ luật, nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, lý luận, công tác dân vận, triển khai sâu rộng học tập, làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, nêu cao trách nhiệm và vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là người đứng đầu. Năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng từng bước được nâng lên. Công tác xây dựng và chỉnh đốn Đảng

được triển khai đồng bộ, toàn diện, tập trung vào việc giải quyết những vấn đề cấp bách, quyết liệt chống tham nhũng. Vai trò lãnh đạo, uy tín của Đảng, niềm tin của nhân dân được củng cố.

Công tác xây dựng Đảng được triển khai đồng bộ với xây dựng, đổi mới hệ thống chính trị, trọng tâm là xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Bộ máy nhà nước tiếp tục được sắp xếp lại một bước theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn. Tổ chức, nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục được đổi mới, hướng về cơ sở, gần dân, tích cực tham gia phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước, quản lý xã hội. Thành quả xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị là nhân tố hàng đầu bảo đảm phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, tạo động lực to lớn phát triển đất nước.

Tuy nhiên, Cương lĩnh mới đưa ra những tư tưởng chỉ đạo lớn, những định hướng tổng quát, cơ bản nhất với tầm nhìn rất xa đến khi kết thúc thời kỳ quá độ. Những thành quả đạt được trong 30 năm

qua mới là những kết quả bước đầu. Còn nhiều hạn chế, bất cập phải giải quyết, còn nhiều vấn đề lý luận, thực tiễn cần tiếp tục bổ sung, hoàn thiện.

Về lý luận, vấn đề về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, về thể chế tổng thể phát triển đất nước nhanh, bền vững, về kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về công nghiệp hoá, hiện đại hoá trong bối cảnh mới, về mô hình phát triển và quản lý phát triển xã hội, về Đảng duy nhất cầm quyền trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, về các mối quan hệ lớn cần giải quyết trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước... chưa được nghiên cứu thấu đáo. Nhận thức về mô hình phát triển đất nước, bảo vệ Tổ quốc, trên một số vấn đề lý luận khác còn những ý kiến chưa thống nhất.

Về thực tiễn, đất nước phát triển chưa bền vững. Năng suất lao động, trình độ phát triển, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Nhiều hạn chế, bất cập trong xây dựng, phát triển, quản lý văn hoá, xã hội chậm được khắc phục. Một bộ phận nhân dân chưa được thụ hưởng đầy đủ, công bằng thành quả của công cuộc đổi mới.

Sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới đứng trước nhiều khó khăn, thách thức. Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn cồng kềnh, thiếu đồng bộ, hoạt động thiếu hiệu lực, hiệu quả. Đội ngũ cán bộ, công chức đồng nhưng không mạnh, chưa đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ. Cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, suy thoái còn nhiều khó khăn, diễn biến phức tạp. Còn nhiều nút thắt, điểm nghẽn về nhận thức lý luận, thể chế, thiết chế cần tháo gỡ để đất nước phát triển nhanh - bền vững hơn trong giai đoạn mới.

30 năm thực hiện Cương lĩnh và nhất là 10 năm gần đây là khoảng thời gian đất nước ta có nhiều thuận lợi, thời cơ phát triển, đồng thời phải đổi mới với nhiều khó khăn, thách thức mới, tác động toàn diện, trực tiếp đến tình hình đất nước. Đây là thời gian toàn Đảng, toàn dân kiên định, sáng tạo thực hiện đường lối của Đảng trong Cương lĩnh và chính thực tiễn sinh động trong những năm qua đã khẳng định *giá trị và ý nghĩa to lớn của Cương lĩnh*:

Thứ nhất, Cương lĩnh là ngọn cờ tư tưởng, tập hợp, cỗ vũ toàn Đảng, toàn dân trong sự nghiệp

xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Trong những điều kiện, bối cảnh vô cùng khó khăn, phức tạp, Cương lĩnh của Đảng đã phân tích, dự báo tính chất, xu hướng vận động của thế giới đương đại, chỉ rõ bản chất không thay đổi của chủ nghĩa tư bản, khẳng định sự tất yếu của chủ nghĩa xã hội, dù phải trải qua nhiều khó khăn, thách thức và vạch ra đường lối, mục tiêu, phương hướng cơ bản xây dựng, phát triển đất nước. Những nhận định có cơ sở khoa học - thực tiễn của Đảng thể hiện trong Cương lĩnh về mục tiêu, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã củng cố niềm tin của đại đa số cán bộ, đảng viên, nhân dân; khắc phục cơ bản nhận thức mơ hồ về sự thay đổi bản chất, về tiềm đồ của chủ nghĩa tư bản, sự dao động, hoài nghi về tương lai của chủ nghĩa xã hội. Dưới ánh sáng của Cương lĩnh, sự thống nhất tư tưởng trong Đảng và sự đồng thuận xã hội được củng cố.

Cương lĩnh và những văn kiện của Đảng từ Đại hội VII đến nay khẳng định sự kiên định, vững vàng của Đảng, sự đúng đắn của đường lối đổi mới, thật sự trở thành ngọn cờ tư tưởng và kim chỉ nam cho mọi hoạt động của toàn Đảng, toàn dân trong

sự nghiệp xây dựng, bảo vệ Tổ quốc. Cương lĩnh là cơ sở củng cố, tăng cường sức mạnh đoàn kết, quyết tâm chính trị, tinh thần lao động sáng tạo của cán bộ, đảng viên, nhân dân. Cương lĩnh làm tăng thêm sức mạnh để kháng trước những âm mưu, thủ đoạn kích động, chống phá của các thế lực phản động, thù địch. Trận địa tư tưởng được giữ vững, sức chiến đấu được tăng cường, trở thành nền tảng tinh thần và động lực to lớn tạo nên những thành tựu quan trọng, toàn diện của đất nước trong 30 năm qua.

Thứ hai, Cương lĩnh là nền tảng lý luận để Đảng ta tiếp tục phát triển nhận thức về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; cụ thể hoá, từng bước hoàn thiện định hướng phát triển các lĩnh vực cơ bản của đất nước; định hướng xây dựng hệ thống chính trị, giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng. Trên cơ sở những tư tưởng chỉ đạo, những nguyên tắc cơ bản, những định hướng lớn nêu trong Cương lĩnh, trong 10 năm qua, Đảng đã bổ sung, cụ thể hoá mục tiêu, mô hình, phương hướng cơ bản xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, những vấn đề có tính quy luật trong xây dựng, bảo

về Tổ quốc. Các văn kiện của Đảng từ năm 2011 đến nay đã cụ thể hoá và không ngừng hoàn thiện mô hình, thể chế phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người Việt Nam phát triển toàn diện; xây dựng, thực hiện các chính sách xã hội, quản lý phát triển xã hội; quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; chiến lược bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới; hoàn thiện đường lối đối ngoại, chính sách ngoại giao, chủ trương hội nhập quốc tế... Đại hội XI, XII của Đảng và các hội nghị Trung ương đặc biệt chú trọng hoàn thiện nhận thức và thể chế về xây dựng, chỉnh đốn Đảng; đổi mới hệ thống chính trị; xây dựng đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cấp chiến lược...

Cương lĩnh đánh dấu bước phát triển lý luận của Đảng, đồng thời Cương lĩnh cũng đặt nền tảng để Đảng tiếp tục hoàn thiện, làm phong phú hơn lý luận về chủ nghĩa xã hội, con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta và hoàn thiện chiến lược xây dựng, bảo vệ Tổ quốc trong tình hình mới.

Thứ ba, giá trị tư tưởng, lý luận của Cương lĩnh được chuyển hóa thành hành động cách mạng, tạo nên những thành tựu to lớn trong thực tiễn. Nội dung của Cương lĩnh được quán triệt sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân. Các cấp, các ngành, các địa phương đã cụ thể hóa Cương lĩnh thành kế hoạch, chương trình, đề án để triển khai thực hiện, gắn thực hiện Cương lĩnh với thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, với kế hoạch 5 năm 2011-2015 và 2016-2020, tạo ra những chuyển biến tích cực, toàn diện, rõ nét về kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, về xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng hệ thống chính trị, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực. Đất nước vững vàng vượt qua những khó khăn, thách thức thời kỳ hậu khủng hoảng tài chính, suy giảm kinh tế toàn cầu; phục hồi đà tăng trưởng, phát triển theo hướng nhanh, bền vững. Độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ được giữ vững; ổn định chính trị, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm. Hoạt động đối ngoại, hội nhập quốc tế đạt nhiều thành tựu quan trọng, vị thế và uy tín quốc tế của đất nước được

nâng lên. Thế và lực của đất nước không ngừng lớn mạnh, tạo tiền đề quan trọng cho giai đoạn phát triển mới.

III- NHỮNG ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Dự báo bối cảnh quốc tế và trong nước

(1) *Dự báo bối cảnh quốc tế 2021-2030*

Tình hình thế giới sẽ có nhiều diễn biến nhanh, phức tạp và khó lường. Hợp tác, cạnh tranh, đấu tranh giữa các nước, nhất là giữa các nước lớn diễn biến ngày càng phức tạp, có nguy cơ gây mất ổn định trên quy mô toàn cầu. Tuy nhiên, xu thế hoà bình, hợp tác và phát triển vẫn là dòng chính trong quan hệ giữa các quốc gia. Nguy cơ chiến tranh thế giới là khó xảy ra, song các cuộc chiến tranh sắc tộc, chiến tranh khu vực, xung đột tôn giáo và khủng bố quốc tế vẫn có khả năng bùng phát dưới những hình thức mới.

Trong quan hệ giữa các nước lớn, hợp tác và cạnh tranh sẽ tiếp tục đồng hành, song cạnh tranh sẽ trở nên gay gắt hơn. Cạnh tranh chiến lược giữa Mỹ và Trung Quốc sẽ chi phối nhiều vấn đề của thế

giới và khu vực, xoay quanh quyền chủ đạo trong việc thiết lập và chi phối các thể chế quốc tế, giải quyết các vấn đề toàn cầu và khu vực. Tình hình Biển Đông có thể diễn biến phức tạp, tác động tiêu cực đến an ninh, an toàn hàng hải, hàng không, ảnh hưởng xấu đến hòa bình, hợp tác phát triển ở khu vực.

Quá trình toàn cầu hóa và liên kết quốc tế vẫn là xu hướng chủ đạo (bất chấp những biểu hiện của tư tưởng bảo hộ, những khó khăn, cản trở trong ngắn hạn), sẽ làm thay đổi mạnh mẽ mọi mặt của đời sống thế giới theo chiều hướng tích cực, nhất là ở những nền kinh tế đang phát triển. Đặc biệt, dưới tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, quá trình toàn cầu hóa sẽ bước sang giai đoạn mới với những thay đổi sâu sắc và toàn diện hơn. Trong thời gian tới, kinh tế thế giới có thể phát triển chậm lại, nguy cơ của khủng hoảng chủ kỳ ngày càng hiện hữu.

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phát triển mạnh mẽ, thúc đẩy sự phát triển nhảy vọt trên nhiều lĩnh vực, tạo ra những thay đổi to lớn và nhanh chóng trong đời sống, kinh tế và xã hội.

Đặc biệt, với những đột phá công nghệ trong các lĩnh vực như trí tuệ nhân tạo, robot, Internet kết nối vạn vật, công nghệ in 3D, công nghệ nano, công nghệ sinh học, lưu trữ năng lượng, cơ sở dữ liệu lớn... Sự phát triển của những đột phá này là chưa có tiền lệ trong lịch sử, diễn ra trên phạm vi toàn cầu, với tốc độ rất nhanh, tương tác thúc đẩy nhau, đang tạo ra một thế giới được kết nối số hoá, tự động hoá và ngày càng trở nên hiệu quả và thông minh hơn. Những bước đột phá đó đặt ra cả thời cơ lớn và thách thức đối với mọi quốc gia.

Những vấn đề toàn cầu và an ninh phi truyền thống như: an ninh tài chính, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước, an ninh lương thực, biến đổi khí hậu, thiên tai, dịch bệnh, nước biển dâng sẽ có nhiều diễn biến phức tạp, gây nên những ảnh hưởng tiêu cực lớn và khó lường. Cộng đồng quốc tế và mỗi quốc gia phải đối phó ngày càng quyết liệt hơn đối với các thách thức an ninh phi truyền thống. Đặc biệt, các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống có tác động đan xen nhau gây ra nhiều hệ lụy không nhỏ đến sự phát triển ổn định của thế giới; các bất ổn địa chính trị sẽ còn diễn biến nhanh,

phức tạp. Đấu tranh trên không gian mạng ngày càng phổ biến và quyết liệt hơn; tội phạm trên không gian mạng trở thành hoạt động nguy hiểm và gây thiệt hại lớn trong xã hội, thậm chí còn nguy hiểm hơn các loại tội phạm khác.

Những biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc cực đoan, chủ nghĩa cường quyền nước lớn, chủ nghĩa thực dụng, chủ nghĩa dân tuý ngày càng nổi lên trong quan hệ quốc tế, gây nên những chia rẽ và bất ổn, khiến quá trình liên kết giữa các quốc gia gặp nhiều trở ngại. Sự biến đổi của trật tự thế giới cũng khiến chủ nghĩa cường quyền, chủ nghĩa thực dụng nổi lên trong quan hệ quốc tế. Những thách thức mang tính toàn cầu đòi hỏi cộng đồng quốc tế phải phối hợp để giải quyết có hiệu quả.

Các thiết chế đa phương truyền thống đứng trước những thách thức lớn, đòi hỏi sự cải tổ sâu rộng khi bị cạnh tranh với các thiết chế mới ra đời. Các nước đang phát triển, nhất là những nước nhỏ tiếp tục đứng trước những cơ hội và khó khăn, thách thức lớn trên con đường phát triển. Khu vực Thái Bình Dương - Án Độ Dương, trong đó có ASEAN, sẽ là trung tâm kinh tế mới của thế giới,

tuy nhiên đây cũng là nơi chịu ảnh hưởng cạnh tranh lớn giữa các cường quốc, đặc biệt là giữa Mỹ và Trung Quốc. Bên cạnh đó, sự phụ thuộc quá lớn vào thị trường, nguồn vốn và công nghệ bên ngoài sẽ làm cho tính cạnh tranh tại khu vực này ngày càng sôi động. Các nước lớn sử dụng các thế mạnh và cơ hội hợp tác kinh tế với từng nước để thực hiện các mục tiêu chính trị, qua đó có thể làm gia tăng sự bất ổn của khu vực. Tình hình trên đòi hỏi dự báo phải được tiến hành thường xuyên và liên tục.

(2) Dự báo bối cảnh trong nước 10 năm (2021-2030)

Năng lực lãnh đạo, cầm quyền của Đảng tiếp tục được đổi mới và nâng cao. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa tiếp tục được xây dựng và hoàn thiện. Hệ thống chính trị tiếp tục được đổi mới, hoàn thiện theo hướng tổ chức bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Dân chủ xã hội chủ nghĩa được nâng cao; chính trị - xã hội ổn định.

Nền kinh tế sẽ vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng tương đối cao, lạm phát được kiểm soát, kinh tế vĩ mô ổn định. Thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa tiếp tục được hoàn

thiện sẽ khơi thông các nguồn lực và tạo động lực mới cho tăng trưởng kinh tế, bảo đảm tăng trưởng kinh tế cao.

Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với chuyển đổi nhanh cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại dựa vào đổi mới sáng tạo sẽ được đẩy mạnh và phát huy hiệu quả. Tinh thần khởi nghiệp sáng tạo được phát huy; kinh tế tư nhân ngày càng có điều kiện phát triển, đóng góp lớn hơn cho sự phát triển chung của đất nước. Tăng trưởng kinh tế sẽ dựa chủ yếu vào năng suất các nhân tố tổng hợp, khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực chất lượng cao; các thành phần kinh tế được tạo cơ hội phát triển bình đẳng, phù hợp và hiệu quả. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư sẽ tác động lớn đến mọi lĩnh vực của nước ta. Vì thế, cần có chiến lược và chính sách ứng phó phù hợp để khai thác, tận dụng thành công những cơ hội và vượt qua các khó khăn, thách thức.

Đời sống của người dân tiếp tục được cải thiện và nâng cao, bảo đảm được các yêu cầu cơ bản về an ninh xã hội, phúc lợi xã hội. Bất bình đẳng thu

nhập của Việt Nam ở mức vừa phải, thu nhập và đời sống của người dân được nâng cao, an ninh và phúc lợi xã hội được bảo đảm. Tuy nhiên, xu hướng già hoá dân số nhanh sẽ gây ra những biến động cần phải xử lý có hiệu quả¹. Cùng với quá trình già hoá dân số là sự trôi qua nhanh chóng của thời kỳ cơ cấu dân số vàng có thể kết thúc vào khoảng năm 2040, sẽ đặt ra thách thức rất lớn cho phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Các mối đe dọa, thách thức, nguy cơ đối với độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, biển, đảo của đất nước diễn biến ngày càng phức tạp. Thách thức từ các vấn đề an ninh phi truyền thống ngày càng lớn, đặc biệt là an ninh mạng. Các thách thức về suy thoái môi trường, nguồn nước và biến đổi khí hậu có tác động đến sự phát triển bền vững của

1. Theo dự báo của Liên hợp quốc, Việt Nam sẽ mất không tới 20 năm để tỷ lệ người từ 65 tuổi trở lên tăng từ 7% lên 14% tổng dân số và đến năm 2038 nhóm người cao tuổi ở Việt Nam sẽ chiếm đến 20% tổng dân số trong khi Pháp mất 100 năm, Canada mất 65 năm. Hơn nữa, các nước chuyển sang giai đoạn dân số già khi đã giàu, còn Việt Nam quá trình chuyển đổi này diễn ra trong khi nước ta chưa giàu.

đất nước. Nước ta sẽ cần phải thực hiện các giải pháp để không ngừng nâng cao tiềm lực mọi mặt của đất nước, đồng thời đưa ra và thúc đẩy các sáng kiến hợp tác quốc tế và khu vực để xử lý, ứng phó kịp thời, có hiệu quả những thách thức, bảo vệ vững chắc lợi ích quốc gia, dân tộc.

Việt Nam tiếp tục kiên trì thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hữu nghị, đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế. Thế và lực của đất nước được giữ vững và ngày càng lên cao. Vai trò của Việt Nam được mở rộng trên nhiều lĩnh vực, tiếp tục có những đóng góp quan trọng vào hợp tác, phát triển, hoà bình thế giới và khu vực.

2. Đề xuất về tiếp tục bổ sung, phát triển nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội

Trên cơ sở tổng kết lý luận, thực tiễn 10 năm thực hiện Cương lĩnh 2011, nhìn lại 30 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, đề xuất một số vấn đề lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ

nghĩa xã hội của Việt Nam cần tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, phát triển trong thời gian tới:

(1) Trong bối cảnh và điều kiện quốc tế mới, có nhiều sự phát triển và thay đổi nhanh, mang tính đột phá, phức tạp và đa chiều, tác động đến sự phát triển của tất cả các quốc gia trên thế giới, do đó việc tiếp tục nghiên cứu, nhận thức sâu sắc và cập nhật về tính chất, đặc điểm của thời đại, bối cảnh và những yếu tố từ bên ngoài tác động đến công cuộc xây dựng và phát triển của nước ta trở thành yêu cầu cấp thiết và thường xuyên. Nghiên cứu về sự phát triển có tính quy luật của chủ nghĩa tư bản hiện đại, những thay đổi của nó để thích ứng với sự phát triển mạnh mẽ của cách mạng khoa học, kỹ thuật và công nghệ, nhất là các điều kiện của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cũng như quá trình xã hội hóa của lực lượng sản xuất trong nền kinh tế tri thức. Nghiên cứu làm rõ các quá trình liên kết, tập hợp lực lượng của các cường quốc và ảnh hưởng của các quá trình ấy đối với công cuộc xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc của chúng ta. Nghiên cứu quá trình suy giảm các thể chế quốc tế cũ, sự hình thành, phát triển các thể chế quốc tế mới và vai trò của chúng

trong việc giải quyết các vấn đề chung của thế giới. Tiếp tục nghiên cứu để làm rõ tính quy luật, các điều kiện chi phối sự phát triển của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, cuộc đấu tranh vì hòa bình, công bằng và tiến bộ xã hội của nhân dân các dân tộc.

(2) Tiếp tục nghiên cứu về chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, xác định rõ những vấn đề còn nguyên giá trị trong điều kiện hiện nay, những vấn đề đã bị thực tiễn vượt qua. Đặc biệt chú trọng nghiên cứu tổng kết quá trình Đảng ta vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh trong những điều kiện, hoàn cảnh cụ thể của Việt Nam, rút ra những bài học kinh nghiệm, những vấn đề cần đổi mới. Nghiên cứu các thành tựu mới về phát triển lý luận chính trị của thế giới, nhất là những thành tựu nghiên cứu về các mô hình, thể chế chính trị hiện đại, những vấn đề có tính quy luật trong việc giải quyết các quan hệ chính trị, các mâu thuẫn xã hội. Việc nghiên cứu cần được bảo đảm tính chất khách quan, khoa học. Trên cơ sở nghiên cứu đó, tiếp thu có chọn lọc những giá trị tích cực, làm giàu thêm nhận thức lý luận chung của Đảng, của

nhân dân ta, tạo thêm cơ sở cho việc củng cố niềm tin của nhân dân vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng Cộng sản và nhân dân ta đã lựa chọn.

(3) Tiếp tục nghiên cứu, phát triển nhận thức lý luận về mô hình chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta xây dựng, làm rõ và sâu sắc hơn cơ sở lý luận, cơ sở thực tế và những vấn đề có tính quy luật chi phối, quyết định bản chất, cấu trúc của mô hình ấy. Nghiên cứu bổ sung, phát triển, làm rõ nội hàm, sự biểu hiện của các đặc trưng của mô hình chủ nghĩa xã hội mà nhân dân ta đang xây dựng. Tiếp tục cụ thể hoá các đặc trưng của mô hình đó trong điều kiện lịch sử cụ thể của nước ta, lấy đó làm cơ sở quan trọng cho việc hoạch định đường lối, chính sách phát triển đất nước, làm cơ sở cho công tác tư tưởng của Đảng, cho việc đấu tranh bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ đường lối chính trị của Đảng.

Tiếp tục nghiên cứu và gắn với tổng kết thực tiễn để làm rõ hơn các mối quan hệ lớn cần giải quyết trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa; làm rõ những thành công, hạn chế, các bài học kinh

nghiệm trong việc giải quyết các mối quan hệ đó trong thời gian qua, đề xuất các chủ trương, chính sách nhằm giải quyết có hiệu quả hơn các mối quan hệ đó trong thời kỳ mới.

(4) Nghiên cứu để xác định rõ hơn cơ sở lý luận - thực tiễn và xây dựng *mục tiêu, phương hướng* xây dựng, phát triển đất nước ta từ nay đến giữa thế kỷ XXI. Đặc biệt, cần tiếp tục làm rõ sự tác động của thời đại, của những giá trị chung nhân loại trong quá trình phát triển, đến việc xác định và thực hiện các mục tiêu, phương hướng phát triển của nước ta; bảo đảm cho đất nước phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, hài hòa với những giá trị nhân văn, tiến bộ chung của thế giới.

(5) Tiếp tục nghiên cứu, phát triển nhận thức lý luận về thể chế kinh tế - xã hội và những vấn đề đặt ra trong quá trình phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt cần tiếp tục nghiên cứu, làm rõ bản chất, đặc trưng và cơ chế vận hành của thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; mối quan hệ, tác động qua lại của thể chế kinh tế ấy với các lĩnh vực khác của đời sống chính trị - xã hội. Chú trọng nghiên cứu lý

luận gắn với tổng kết thực tiễn, rút ra những bài học về vấn đề quản lý, sử dụng, phát huy có hiệu quả cao nguồn lực đất đai, tài nguyên thiên nhiên, tài sản công và các nguồn lực khác để xây dựng đất nước; khắc phục tình trạng tham nhũng, lãng phí trong quản lý, sử dụng nguồn tài nguyên của đất nước, nhất là đất đai. Tiếp tục nghiên cứu lý luận và thực tiễn, các giải pháp để giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển nền kinh tế theo những quy luật khách quan của thị trường với bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, giữa phát triển nhanh, bền vững nền kinh tế của đất nước với bảo đảm sự ổn định về chính trị, xã hội, sự bền vững của chế độ chính trị - xã hội. Nghiên cứu làm rõ vai trò, vị trí, tính chất của các khu vực kinh tế, nhất là khu vực kinh tế tư nhân và doanh nghiệp nhà nước, xây dựng cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định chính sách, thể chế quản lý nhằm phát triển mạnh mẽ, hợp lý, hiệu quả các khu vực kinh tế trong xây dựng, phát triển đất nước.

(6) Tiếp tục nghiên cứu, phát triển nhận thức lý luận về văn hoá và con người, mối quan hệ tác động qua lại giữa con người với văn hoá và xã hội.

Nghiên cứu đánh giá về môi trường xã hội, làm rõ các yếu tố tích cực, các yếu tố tiêu cực đối với sự phát triển nhân cách của con người Việt Nam và ngược lại, đề xuất các nội dung, giải pháp nhằm xây dựng môi trường sống lành mạnh, nhân văn. Làm rõ hơn vai trò của con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Nghiên cứu cơ sở lý luận - thực tiễn xây dựng hệ giá trị văn hoá, con người Việt Nam hiện đại, đề xuất các chính sách để tiếp tục xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người Việt Nam văn minh, hiện đại, yêu nước, sáng tạo, thấm nhuần các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc, có bản lĩnh vững vàng trong môi trường quốc tế phúc tạp, nhiều thách thức.

(7) Tiếp tục nghiên cứu phát triển nhận thức lý luận về thể chế chính trị, hệ thống chính trị, về Đảng Cộng sản, Nhà nước, Nhân dân và mối quan hệ giữa các chủ thể quyền lực trong điều kiện xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, một đảng chính trị duy nhất cầm quyền; cần nghiên cứu và làm rõ một loạt vấn đề đang đặt ra như: vấn đề về dân chủ trong chính trị; vấn đề về nguyên tắc,

mô hình xây dựng tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị; vấn đề giáo dục, bồi dưỡng, rèn luyện, quản lý, đánh giá, sử dụng cán bộ, đảng viên; vấn đề về kiểm soát và giám sát quyền lực, ngăn chặn sự tha hoá quyền lực, lợi dụng quyền lực để thăng quan, phát tài, tham nhũng, lãng phí; vấn đề về vai trò, quyền làm chủ, phương thức làm chủ và phát huy vai trò làm chủ của nhân dân... Nghiên cứu làm rõ nội dung, phương thức thực hiện mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân trong điều kiện mới, các yếu tố ảnh hưởng đến mối quan hệ đó, các giải pháp cần làm để không ngừng tăng cường mối quan hệ gắn bó máu thịt giữa Đảng với nhân dân; không ngừng củng cố niềm tin của nhân dân vào Đảng, vào chế độ; phát huy sức mạnh niềm tin ấy thành sức mạnh sáng tạo trong phát triển và bảo vệ đất nước. Nghiên cứu để làm rõ hơn nội dung, tính chất đặc thù, cấu trúc tổ chức hệ thống, cơ chế vận hành - tác động qua lại giữa Đảng cầm quyền, Nhà nước quản lý và Nhân dân thực hiện quyền làm chủ, làm chủ xã hội trong điều kiện của nước ta. Tiếp tục nghiên cứu và làm rõ vấn đề xây dựng mối quan hệ và ứng xử của Đảng với các

tổ chức chính trị quốc tế, các quốc gia, dân tộc trên thế giới...

(8) Nghiên cứu những vấn đề có tính quy luật, những bài học kinh nghiệm về bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh quốc gia, bảo vệ chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ; giữ gìn hoà bình và ổn định chính trị - xã hội cho công cuộc xây dựng, phát triển đất nước ta, gắn với coi trọng nghiên cứu những bài học và kinh nghiệm quốc tế. Nghiên cứu nâng cao nhận thức, hoàn thiện và tổ chức thực hiện chiến lược quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc về các vấn đề: xây dựng thế trận lòng dân, thế trận quốc phòng toàn dân, thế trận an ninh nhân dân; xây dựng và củng cố tiềm lực quốc phòng, an ninh; xây dựng lực lượng vũ trang chính quy, tinh nhuệ, hiện đại và lực lượng dự bị chiến lược hùng hậu; vấn đề kết hợp giữa phát triển kinh tế với quốc phòng và an ninh; nâng cao năng lực nghiên cứu dự báo về quốc phòng, an ninh, nhất là chủ động dự báo về những nguy cơ xâm phạm chủ quyền lãnh thổ, gây mất trật tự, an toàn xã hội; nghiên cứu các nội dung và giải pháp tham gia các cơ chế đa phương, xây dựng lòng tin chiến lược để

góp phần bảo vệ hoà bình thế giới và tạo lập các điều kiện thuận lợi cho việc bảo vệ độc lập, chủ quyền, hoà bình, ổn định cho đất nước. Nghiên cứu các vấn đề an ninh phi truyền thống, đặc biệt là an ninh mạng, an ninh môi trường, đề xuất các giải pháp nhằm chủ động ứng phó, giải quyết kịp thời những tình huống có thể xảy ra ảnh hưởng đến an ninh đất nước. Nghiên cứu để hoạch định chiến lược với những giải pháp cụ thể nhằm chủ động ứng phó có hiệu quả với tình trạng biến đổi khí hậu, nước biển dâng.

Tiếp tục nghiên cứu, phát triển, hoàn thiện đường lối, chủ trương, chính sách đối ngoại; xác định công tác đối ngoại có ý nghĩa trọng yếu, thường xuyên, là một bộ phận gắn bó hữu cơ với lĩnh vực quốc phòng, an ninh. Nghiên cứu nhằm bổ sung, phát triển nội dung, phương thức tăng cường trao đổi, giao lưu, hợp tác về văn hoá, khoa học kỹ thuật và công nghệ, tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, tạo điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng, phát triển đất nước. Nghiên cứu làm rõ nội dung, giải pháp, các yếu tố cần xây dựng, củng cố, phát huy vai trò công tác đối ngoại nhằm thực

hiện tốt nhất mục tiêu giữ gìn môi trường hoà bình, củng cố sự tin cậy với các đối tác, thúc đẩy quá trình phát triển nhanh, bền vững và hội nhập quốc tế của đất nước.

3. Đề xuất những định hướng lớn, giải pháp xây dựng, phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

3.1. Định hướng mục tiêu phát triển

Mục tiêu tổng quát: *Nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền và sức chiến đấu của Đảng; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; củng cố niềm tin của nhân dân, ý chí và khát vọng, sức mạnh toàn dân tộc, dân chủ xã hội chủ nghĩa và sức mạnh thời đại; đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chú trọng đổi mới sáng tạo, tiếp tục phát triển nhanh và bền vững đất nước; bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ vững môi trường hoà bình, ổn định; phấn đấu đến giữa thế kỷ XXI nước ta trở thành nước phát triển, có thu nhập cao.*

Mục tiêu cụ thể:

- *Đến năm 2030*: Là nước đang phát triển, có công nghiệp hiện đại, thuộc nhóm trên của các nước có thu nhập trung bình cao, khoảng 8.000 USD/người/năm.

- *Đến năm 2045*: Trở thành nước phát triển, có thu nhập cao, khoảng 18.000 USD/người/năm.

3.2. Những định hướng lớn, giải pháp xây dựng, phát triển đất nước

(1) Định hướng tổng quát

- Đẩy mạnh đổi mới toàn diện tư duy phát triển (tư duy về mô hình tăng trưởng, phát triển; tư duy về chế độ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội và môi trường; tư duy về thời cuộc; tư duy về động lực phát triển...), nhằm đáp ứng với đòi hỏi phát triển có tính bước ngoặt bứt phá của đất nước trong giai đoạn mới.

- Quán triệt sâu sắc quan điểm phát triển nhanh, bền vững, đồng bộ về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, môi trường sinh thái; xây dựng mô hình phát triển bền vững phù hợp, hiệu quả đối với Việt Nam, tiếp cận với xu thế chung của thế giới.

Đẩy mạnh phát triển toàn diện đất nước theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế.

- Xây dựng và hoàn thiện đồng bộ thể chế phát triển nhanh, bền vững để tạo động lực mạnh mẽ phát triển đất nước nhằm đạt được những mục tiêu trên; trong đó, thể chế chính trị đóng vai trò "hoa tiêu, định hướng chính trị - xã hội, tạo cơ sở pháp lý cho sự phát triển nhanh, bền vững"; thể chế kinh tế đóng vai trò trung tâm tạo động lực cho sự phát triển; thể chế phát triển văn hóa - xã hội đóng vai trò điều tiết hệ giá trị xã hội của quá trình phát triển. Các thể chế thành phần đó gắn bó hữu cơ với nhau trên cơ sở phát huy tối đa những giá trị nền tảng của chế độ xã hội và con người Việt Nam, tích hợp được những giá trị tinh hoa quý báu của nhân loại, tận dụng được các thời cơ, thuận lợi, hoá giải có hiệu quả các khó khăn, thách thức, tạo nên thể chế tổng hợp phát triển nhanh, hiệu quả, bền vững đất nước trong giai đoạn mới.

- Xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới; vai trò, năng lực và

phương thức lãnh đạo - cầm quyền của Đảng được đổi mới và nâng cao; vai trò của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hoàn thiện và nâng cao hiệu lực, hiệu quả; vai trò chủ thể của nhân dân được khẳng định và phát huy.

- Đẩy mạnh thực hiện đồng bộ và có hiệu quả các mối quan hệ lớn trong quá trình xây dựng, phát triển đất nước, để thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh". Đó là, quan hệ giữa đổi mới, ổn định và phát triển; giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ; giữa thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội.

- Tăng cường tiềm lực quốc phòng và an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn và an ninh xã hội. Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách và nâng cao năng lực quốc gia để thực hiện có hiệu quả cao đường lối chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

(2) Về phát triển kinh tế

Đẩy mạnh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế trên cơ sở ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nhất là công nghệ cao, tận dụng có hiệu quả cơ hội do cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư tạo ra. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng chuyển mạnh mô hình tăng trưởng sang phát triển theo chiều sâu, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, quy mô và nội lực của nền kinh tế quốc gia.

Đẩy mạnh đổi mới, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa đồng bộ, hiện đại, hiệu quả, phù hợp với điều kiện và trình độ phát triển của Việt Nam và hội nhập quốc tế trong mỗi bước phát triển, tập trung vào những nội dung quan trọng sau:

- Hoàn thiện thể chế để thực hiện có hiệu quả mối quan hệ giữa Nhà nước, thị trường và xã hội theo nguyên tắc "Nhà nước mạnh - thị trường hiệu quả - doanh nghiệp, người dân và xã hội năng động, sáng tạo". Chuyển mạnh hệ thống hành chính chủ yếu từ quản lý, kiểm soát bằng các quyết định hành chính sang nền hành chính quản trị phát triển, phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước.

- Xây dựng và thực thi có hiệu quả các cơ chế, chính sách chuyển đổi sang mô hình phát triển theo chiều sâu dựa trên đổi mới sáng tạo và ứng dụng khoa học - công nghệ tiên tiến, nhất là công nghệ cao, đầy mạnh khởi nghiệp sáng tạo. Nâng cao chất lượng, hiệu quả cơ cấu lại nền kinh tế, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng doanh nghiệp nhà nước, cơ cấu lại đầu tư; nâng cao hiệu quả quản lý đầu tư công, sử dụng tài sản công.

- Hoàn thiện thể chế để giữ vững ổn định và nâng cao chất lượng kinh tế vĩ mô. Hoàn thiện cơ chế, chính sách và mô hình liên kết vùng gắn với quy hoạch phát triển ngành trong cả nước, nhằm phát huy thế mạnh của mỗi vùng, mỗi địa phương

trong sự liên kết sử dụng có hiệu quả cao mọi nguồn lực của cả nước, tạo lập được các mũi nhọn chủ lực, đột phá để tạo động lực phát triển nhanh, bền vững đất nước. Hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật, khắc phục những điểm nghẽn, nút thắt, bất cập về hành lang pháp lý, hạn chế tốc độ, hiệu quả và chất lượng tăng trưởng kinh tế. Tiếp tục hoàn thiện môi trường kinh doanh theo hướng công khai, minh bạch; đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cắt giảm điều kiện và thủ tục sản xuất kinh doanh, gắn với đẩy mạnh quá trình khởi nghiệp sáng tạo, tạo môi trường cạnh tranh công bằng, bình đẳng. Phấn đấu sớm đưa Việt Nam vào nhóm quốc gia có năng lực cạnh tranh toàn cầu.

Xây dựng nền kinh tế Việt Nam mạnh trên cơ sở phát huy có hiệu quả cao vai trò khách quan, ưu thế, sức mạnh, hiệu quả của tất cả các chủ thể và lực lượng kinh tế, nâng cao chất lượng, hiệu quả kinh tế nhà nước, đề cao và coi trọng hơn nữa vai trò của kinh tế tư nhân trong nước. Nhà nước giữ vai trò chủ đạo, thực hiện tốt vai trò định hướng, điều tiết của mình. Hoàn thiện thể chế để kết nối các thành phần kinh tế, khu vực kinh tế trở thành

một thực thể hữu cơ, gắn kết với nhau; thúc đẩy phát triển mạnh nội lực của nền kinh tế, trong đó coi trọng hợp tác, đối tác công tư nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực xã hội vào phát triển kinh tế - xã hội, nhất là kết cấu hạ tầng và cung ứng dịch vụ công. Nâng cao tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế, giảm sự phụ thuộc quá lớn vào FDI và thị trường nước ngoài.

Điều chỉnh định hướng, chiến lược, cơ chế, chính sách, mục tiêu và tiêu chí thu hút FDI trong giai đoạn mới theo hướng ứng dụng công nghệ cao để nâng cao chất lượng và hiệu quả tổng hợp đóng góp vào sự phát triển chung của cả nước, liên kết có hiệu quả với các doanh nghiệp trong nước; giảm dần tỷ trọng gia công, lắp ráp với trình độ công nghệ thấp và trung bình. Hoàn thiện cơ chế, chính sách để khắc phục tình trạng chuyển giá, "lỗ giả lãi thật".

Xây dựng chiến lược và cơ chế, chính sách để đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá, phát triển dịch vụ theo hướng hiện đại, nhất là đối với các ngành, lĩnh vực chủ lực, mũi nhọn. Xây dựng và thực thi có hiệu quả *thể chế mang tính vượt trội, hội nhập quốc tế* để kịp thời đón nhận phát triển các phương thức

sản xuất kinh doanh mới (như nền kinh tế số, kinh tế chia sẻ, ứng dụng Blockchain...); thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao, công nghệ mới. Gắn hữu cơ giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh hoàn thiện chế độ đa sở hữu, nhất là chế độ sở hữu và quản lý đất đai, tài sản công; chế định đúng, công khai, minh bạch quyền, quyền hạn, lợi ích, nghĩa vụ, trách nhiệm, trách nhiệm giải trình của từng chủ thể, nhất là các cơ quan nhà nước với vai trò vừa là đại diện chủ sở hữu toàn dân, vừa là chủ thể sử dụng, đồng thời thực hiện chức năng quản lý nhà nước; khắc phục tình trạng tham nhũng, tiêu cực, để thúc đẩy phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa lành mạnh, hiệu quả.

Đẩy mạnh cơ cấu lại, phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, phát triển nền nông nghiệp hàng hoá lớn, sử dụng tiết kiệm đất và các nguồn lực đầu vào, thân thiện và bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu ở từng vùng, nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh. Bảo đảm vững chắc an ninh, an toàn lương thực, thực phẩm.

Đẩy mạnh tổ chức lại ngành thuỷ sản để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, bảo vệ và phát triển bền vững nguồn tài nguyên, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Thực hiện các giải pháp quyết liệt để bảo vệ và phát triển rừng, gắn với tổ chức lại căn bản các phương thức và mô hình phát triển kinh tế rừng. Thúc đẩy hình thành các hình thức liên kết bền vững, hiệu quả giữa các hộ nông dân trong các hợp tác xã kiểu mới với các doanh nghiệp và các chủ thể liên quan, gắn với xây dựng nông thôn mới, tạo động lực nội sinh để nông thôn phát triển toàn diện, hiệu quả, bền vững.

Xây dựng và thực hiện đồng bộ cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển lực lượng sản xuất, gắn với phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư phù hợp và hiệu quả trong từng lĩnh vực; đồng thời, nghiên cứu xây dựng và đổi mới hệ thống quan hệ sản xuất phù hợp, hiệu quả, thích ứng với yêu cầu của bước phát triển cao hơn và hội nhập quốc tế. Thúc đẩy quá trình hợp tác, liên kết sản xuất kinh doanh giữa các chủ thể, theo hướng có sự chia sẻ về trách nhiệm, quyền lợi, rủi ro... để tạo lập các chuỗi sản xuất kinh doanh, chuỗi giá trị bền vững.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích, hỗ trợ, thúc đẩy phát triển đội ngũ doanh nhân Việt Nam (trong đó có thế hệ khởi nghiệp sáng tạo) biết gắn sự phát triển và lợi ích của mình với sự phát triển và lợi ích của dân tộc, trở thành một động lực trọng yếu phát triển nền kinh tế đất nước, là lực lượng chủ lực góp phần quan trọng vào "định vị" nền kinh tế Việt Nam trên thế giới.

Hội nhập kinh tế quốc tế theo những quy tắc và chuẩn mực cao, nhằm thúc đẩy phát triển và phát huy tối đa nội lực, tận dụng các cơ hội và kết hợp có hiệu quả với các xu thế phát triển của thế giới, tham gia ngày càng sâu rộng và hiệu quả hơn vào các chuỗi giá trị, chuỗi sản xuất, chuỗi cung ứng toàn cầu. Nâng cao năng lực dự báo tác động của biến đổi tình hình thế giới và khu vực, trên cơ sở đó có những kịch bản ứng phó hiệu quả.

(3) Về phát triển văn hóa, xã hội, con người: *Coi trọng phát triển con người, văn hóa, xã hội, với trọng tâm là hoàn thiện thể chế và tăng nguồn lực đầu tư cho phát triển các lĩnh vực này, trở thành nhân tố nội sinh cơ bản cho sự phát triển nhanh, bền vững đất nước*

Về phát triển văn hoá: Tiếp tục quán triệt sâu sắc phát triển văn hoá là một trụ cột nền tảng mang tính bản chất, sức mạnh nội sinh, động lực quan trọng của sự phát triển của dân tộc, đất nước.

Xây dựng và thực hiện hệ giá trị Việt Nam - tổng hợp của hệ giá trị con người - hệ giá trị văn hoá - hệ giá trị xã hội, đáp ứng yêu cầu của công cuộc hiện đại hoá đất nước và hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới, vừa là nền tảng xã hội, vừa là hệ điều tiết phát triển xã hội, đồng thời là sức mạnh nội sinh của sự phát triển. Hệ giá trị đó vừa phát huy cao những giá trị tốt đẹp của dân tộc, phù hợp với môi trường, điều kiện và yêu cầu của một xã hội hiện đại, đồng thời tiếp thu có chọn lọc, hiệu quả các giá trị nhân văn, tiến bộ và tích cực của văn hoá các dân tộc, các quốc gia trên thế giới.

Xây dựng hệ giá trị của Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo, cầm quyền và của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam thực sự trong sạch, vững mạnh, tiêu biểu cho dân tộc và xu thế phát triển của nhân loại, làm "hoa tiêu" định hướng cho phát triển hệ giá trị Việt Nam trong giai đoạn mới. Xây dựng và thực thi các chuẩn mực văn hoá trong tất cả các tổ chức, đơn vị, các cộng đồng dân cư.

Xây dựng và hoàn thiện đồng bộ thể chế, thiết chế để phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc. Tập trung xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh, hiệu quả. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phát triển văn hoá và con người. Xây dựng chiến lược phát triển toàn diện văn hoá trong giai đoạn mới, nhất là dưới tác động của sự phát triển thông tin và truyền thông hiện đại, tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Tập trung phát triển đồng bộ các "trụ cột" văn hoá như: xây dựng đời sống, lối sống văn hoá dân tộc, văn minh, hiện đại, hội nhập; thúc đẩy phát triển sáng tạo văn hoá; hoàn thiện thể chế, thiết chế phát triển văn hoá; xây dựng môi trường văn hoá lành mạnh; đẩy mạnh phát triển công nghiệp, dịch vụ văn hoá.

Về phát triển con người: Khẳng định con người là chủ thể của quá trình đổi mới, phát triển đất nước, dân tộc. Phát triển con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực của quá trình phát triển đất nước; đặt phát triển con người vào vị trí trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

Tập trung phát triển những giá trị cốt lõi về con người, tạo động lực nội sinh cho sự phát triển

nhanh, bền vững trong giai đoạn mới, như: lòng yêu nước, tinh thần dân tộc; năng lực đổi mới sáng tạo; trách nhiệm xã hội, trách nhiệm công dân, đề cao dân chủ gắn với ý thức thượng tôn pháp luật; năng lực liên kết, hợp tác và hội nhập... Khẳng định tiếp tục đẩy mạnh tôn trọng, bảo vệ, phát triển quyền con người trong quan hệ hữu cơ với quyền công dân đã được hiến định trong Hiến pháp 2013; gắn liền thực hiện quyền con người, quyền công dân với lợi ích, trách nhiệm, nghĩa vụ, kỷ cương xã hội, với lợi ích và sự phát triển của đất nước, của dân tộc.

Xây dựng chiến lược phát triển toàn diện con người Việt Nam trong giai đoạn mới, nhất là trong điều kiện hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng; phát huy và phát triển những giá trị tích cực, hạn chế, khắc phục những mặt yếu. Khẳng định vai trò và tầm quan trọng của tế bào gia đình, và mối quan hệ hữu cơ giữa gia đình - nhà trường - xã hội trong giáo dục và phát triển con người. Chú trọng phát hiện, bồi dưỡng, đào tạo và phát triển nhân tài trong mọi lĩnh vực cho đất nước.

Về phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội: Trên cơ sở nhận thức sâu sắc các biến đổi

trong quá trình phát triển của xã hội hiện đại và nền kinh tế thị trường để hoàn thiện và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách phát triển xã hội, quản lý phát triển xã hội, tập trung vào những nội dung bức thiết sau:

Thực hiện nhất quán quan điểm phát triển xã hội là mục tiêu bao trùm và cao nhất của sự phát triển vì con người. Kiên định thực hiện mục tiêu tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội. Kết hợp hữu cơ giữa các chính sách kinh tế với chính sách xã hội trong sự phát triển; bảo đảm sự phân phối lợi ích, phúc lợi xã hội tương đối công bằng, bình đẳng, hợp lý và ngày càng cao hơn giữa các đối tượng, tầng lớp xã hội từ thành quả của sự phát triển, trên nguyên tắc cơ bản gắn liền giữa công hiến và hưởng thụ, chú trọng đúng mức đến các đối tượng yếu thế.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính sách xã hội tổng hợp theo các xu thế phát triển hiện đại, vừa bảo đảm công bằng và bình đẳng xã hội, vừa hỗ trợ có hiệu quả đối với các đối tượng yếu thế; đồng thời góp phần tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển bền vững. Đẩy mạnh phát triển và hoàn

thiện hệ thống an sinh xã hội, trọng tâm là phát triển hệ thống bảo hiểm đa tầng, đa dạng; nâng cao hiệu quả và mức độ bao trùm, tiếp cận với chuẩn mực quốc tế; tiếp tục đẩy mạnh giảm nghèo bền vững; hoàn thiện thể chế cung ứng các dịch vụ công; thực hiện tốt chính sách người có công và các chính sách xã hội khác.

Xây dựng đồng bộ cơ chế, chính sách để tạo nền tảng phát triển vững chắc đại đoàn kết toàn dân tộc. Hoàn thiện chính sách phát triển giai cấp và các tầng lớp xã hội phù hợp với xu thế khách quan phát triển của đất nước và hội nhập quốc tế. Hoàn thiện cơ chế, chính sách để thực hiện nhất quán quan điểm tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tôn giáo, tín ngưỡng của nhân dân theo đúng luật pháp, phát huy những giá trị tốt đẹp và các nguồn lực tôn giáo trong xây dựng và phát triển đất nước; đồng thời ngăn chặn các hoạt động lợi dụng tôn giáo, mê tín dị đoan, "thương mại hóa đức tin", vi phạm quyền tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo của công dân.

Xây dựng và hoàn thiện đồng bộ thể chế quản lý phát triển xã hội đáp ứng có hiệu quả với những biến đổi và tác động đa dạng, nhanh, phức tạp, đa

diện, đa chiều đang diễn ra trên thế giới và tác động trực tiếp đến sự phát triển của Việt Nam; giải quyết hài hòa các quan hệ xã hội, phân hoá giàu nghèo, bảo đảm ổn định và phát triển xã hội bền vững. Xây dựng môi trường xã hội lành mạnh, dân chủ, công khai, minh bạch, nhân ái; có khả năng "đề kháng" với những tệ nạn và tiêu cực xã hội; bảo đảm an ninh con người và an ninh xã hội; khắc phục tình trạng xuống cấp về đạo đức xã hội.

Nhà nước đóng vai trò chủ đạo kết hợp hữu cơ với đẩy mạnh xã hội hoá trong thực hiện các chính sách xã hội, quản lý phát triển xã hội. Bảo đảm sự phân phối, điều tiết hài hoà các thành quả, lợi ích phát triển giữa các tầng lớp xã hội, giữa các khu vực. Thực hiện có hiệu quả dân chủ xã hội, nhất là dân chủ ở cơ sở. Xây dựng và thực thi có hiệu quả cơ chế giám sát và phản biện xã hội đối với hoạt động của các tổ chức đảng và nhà nước. Thực hiện có hiệu quả quyền tiếp cận thông tin; các tổ chức đảng và các cơ quan nhà nước, các cán bộ và đảng viên phải thực thi nghiêm túc trách nhiệm giải trình trước nhân dân; xử lý nghiêm, công khai, minh bạch các vi phạm pháp luật, nâng cao lòng

tin của nhân dân, sự đồng thuận xã hội đối với sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước.

(4) Về phát triển giáo dục và đào tạo với trọng tâm là phát triển con người

Xác định đây là nhân tố cốt lõi phát triển toàn diện con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu là chủ thể của quá trình phát triển nhanh, bền vững đất nước trong giai đoạn mới, tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau:

Đẩy mạnh đổi mới tư duy giáo dục, nhận thức rõ bản chất và cơ chế phát triển giáo dục trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Tiếp tục quán triệt đầy đủ, sâu sắc và xây dựng đồng bộ cơ chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả quan điểm "giáo dục là quốc sách hàng đầu", cùng với "khoa học và công nghệ thực sự là động lực then chốt" để phát triển đất nước. Quán triệt sâu sắc và thể chế hoá các quan điểm về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, theo định hướng "chuẩn hoá, hiện đại hoá, dân chủ hoá, xã hội hoá và hội nhập quốc tế" đối với từng cấp và bậc học. Triển khai đổi mới giáo dục và đào tạo theo tầm nhìn chiến lược dài hạn nhưng

có lộ trình, trọng tâm, trọng điểm phù hợp trong từng giai đoạn.

Đẩy mạnh đổi mới đồng bộ mục tiêu, nội dung, chương trình và phương thức, phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, thích ứng với những bước phát triển mới của kinh tế, xã hội, khoa học - công nghệ và đòi hỏi của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; lấy mục tiêu trung tâm là đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện với tư cách là chủ thể quá trình phát triển đất nước hiện đại, nhanh, bền vững trong giai đoạn mới. Tập trung giáo dục, phát triển các giá trị cốt lõi: i) Văn hoá, nhân cách, đạo đức, lối sống; trách nhiệm xã hội, trách nhiệm công dân, đề cao dân chủ gắn với ý thức thượng tôn pháp luật; ý thức dân tộc, khát vọng cống hiến chấn hưng đất nước; ii) Năng lực đổi mới sáng tạo, tự chủ, tự cường; iii) Tri thức khoa học, công nghệ hiện đại; iv) Năng lực thực hành sáng tạo, hiệu quả; v) Thể chất, kỹ năng sống, năng lực liên kết, hợp tác và hội nhập... Đặc biệt chú trọng giáo dục "làm người" ngay từ bậc tiểu học, làm cơ sở hình thành nhân cách bền vững cho các bước phát triển con người tiếp theo.

Đổi mới và hoàn thiện hệ thống giáo dục quốc dân, khung và chuẩn trình độ giáo dục và đào tạo quốc gia; đổi mới và hiện đại hoá nội dung, chương trình, phương thức và phương pháp giáo dục đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước và hội nhập quốc tế trong giai đoạn mới. Đa dạng hoá các loại hình đào tạo, hoàn thiện cơ chế, chính sách phát triển các cơ sở đào tạo ngoài công lập phù hợp với điều kiện của Việt Nam và xu thế chung của thế giới. Xây dựng đồng bộ các cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển xã hội học tập.

Xác định nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo là mục tiêu trung tâm, xuyên suốt của sự nghiệp đổi mới căn bản, toàn diện nền giáo dục. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo ở tất cả các cấp và bậc học, đặc biệt thực hiện các giải pháp để nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực, nhân lực trình độ cao. Ưu tiên đầu tư phát triển đào tạo một số ngành, nghề quan trọng, hiện đại, mũi nhọn có tác động mạnh mẽ đến sự phát triển đất nước; từng bước phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục đại học và giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao; xây dựng các

cơ chế, chính sách và giải pháp để đào tạo lại nghề nghiệp cho các lao động phải chuyển đổi nghề nghiệp và mất việc làm trong quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế và tác động của việc ứng dụng công nghệ cao.

Hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách để đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ trong các cơ sở giáo dục và đào tạo. Hình thành các trung tâm nghiên cứu xuất sắc, các nhóm nghiên cứu đổi mới sáng tạo mạnh, các doanh nghiệp khoa học và công nghệ, thúc đẩy khởi nghiệp sáng tạo, gắn kết chặt chẽ nghiên cứu với đào tạo, phục vụ phát triển kinh tế, xã hội. Đưa cao vị trí, vai trò và trách nhiệm xã hội của đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Đổi mới căn bản hệ thống đào tạo sư phạm, thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách và giải pháp để nâng cao trình độ và chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Nhà nước tiếp tục tăng đầu tư cho giáo dục và đào tạo gắn với đổi mới cơ chế đầu tư, chính sách tài chính nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư; đồng thời hoàn thiện đồng bộ cơ chế, chính sách để đẩy

mạnh xã hội hoá giáo dục và đào tạo; xây dựng xã hội học tập, học tập suốt đời. Hoàn thiện cơ chế, chính sách để thực hiện có hiệu quả các chính sách xã hội trong giáo dục và đào tạo. Đẩy mạnh đổi mới đồng bộ và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và quản lý, quản trị các cơ sở giáo dục và đào tạo; đẩy mạnh thực hiện có hiệu quả cơ chế tự chủ gắn với trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục và đào tạo; xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh, khắc phục bệnh thành tích, kiên quyết xử lý nghiêm các tiêu cực trong giáo dục và đào tạo. Hoàn thiện đồng bộ các phương thức đánh giá, kiểm định chất lượng giáo dục và đào tạo; hoàn thiện và thực hiện ổn định phương thức thi tốt nghiệp trung học phổ thông và thi tuyển vào các trường đại học, cao đẳng và đào tạo nghề theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế.

Xây dựng và thực hiện có hiệu quả chiến lược hợp tác và hội nhập quốc tế về giáo dục và đào tạo. Phấn đấu đưa nước ta trở thành một quốc gia mạnh về giáo dục và đào tạo ở khu vực, tiếp cận với trình độ tiên tiến của quốc tế, tham gia vào thị trường đào tạo nhân lực quốc tế.

(5) Về phát triển khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo: Tăng cường đầu tư gắn với hoàn thiện thể chế để thúc đẩy mạnh mẽ đổi mới sáng tạo, phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, tạo động lực nền tảng cho phát triển đất nước nhanh, bền vững trong giai đoạn mới

Quán triệt sâu sắc quan điểm "khoa học - công nghệ là quốc sách hàng đầu", "là động lực then chốt" và phải được cụ thể hóa bằng các cơ chế, chính sách cụ thể. Tập trung hoàn thiện chính sách, pháp luật để phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo thực sự trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, là động lực chính của mô hình tăng trưởng - phát triển theo chiều sâu, thúc đẩy phát triển kinh tế số. Phát triển hệ thống sáng tạo quốc gia, hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, lấy doanh nghiệp là trung tâm ứng dụng công nghệ và phát triển sản phẩm, các trường đại học và các viện nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu và phát triển (R&D); tạo cơ chế liên kết hữu cơ giữa các cơ sở nghiên cứu với các doanh nghiệp trên cơ sở chia sẻ về trách nhiệm và lợi ích tương hỗ.

Xây dựng và thực thi có hiệu quả chiến lược phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là

công nghệ cao¹, coi đây là một bộ phận hợp thành hữu cơ của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội với trọng tâm là đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế đất nước. Tiếp tục phát triển tiềm lực khoa học - công nghệ quốc gia gắn liền với phát triển toàn diện hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo; tập trung triển khai các hướng nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ mới² đóng vai trò then chốt đối với sự phát triển của đất nước trong giai đoạn mới. Xây dựng chương trình và cơ chế, chính sách quốc gia về đổi mới và phát triển công nghệ, chuyển giao và ứng dụng công nghệ. Coi trọng phát triển khoa học xã hội - nhân văn và khoa học về con người làm nền tảng cho sự phát triển và quản lý phát triển xã hội văn minh, nhân văn, hiện đại.

Xây dựng và hoàn thiện đồng bộ luật pháp, chính sách phát triển và ứng dụng khoa học -

1. Chiến lược phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ cần phải được cụ thể hoá đối với từng lĩnh vực, từng sản phẩm, từng chuỗi sản xuất.

2. Như công nghệ số, công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, robot, trí tuệ nhân tạo...

công nghệ¹; xác định rõ vai trò chủ đạo của Nhà nước trong định hướng chiến lược và điều tiết đầu tư phát triển, vai trò trung tâm của các doanh nghiệp trong việc ứng dụng và phát huy hiệu quả, nâng cao năng suất lao động trong cơ chế thị trường, vai trò then chốt của các cơ sở khoa học - công nghệ trong nghiên cứu, phát triển và đổi mới công nghệ gắn với ứng dụng vào thực tiễn.

Tiếp tục tăng đầu tư của Nhà nước gắn liền với đổi mới cơ chế để nâng cao hiệu quả đầu tư; đồng thời hoàn thiện cơ chế, chính sách để huy động mạnh mẽ các nguồn lực từ xã hội, nhất là từ các doanh nghiệp để đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ cao. Hoàn thiện các cơ chế, chính sách để thúc đẩy phát triển các loại quỹ đầu tư phát triển và ứng dụng khoa học - công nghệ. Hoàn thiện cơ chế, chính sách để gắn hữu cơ, hiệu quả giữa nghiên cứu, ứng dụng

1. Tập trung hoàn thiện đồng bộ ba cơ chế: cơ chế phát triển kinh tế - xã hội theo chiều sâu dựa vào khoa học - công nghệ (tạo cầu); cơ chế nghiên cứu phát triển khoa học - công nghệ hướng vào ứng dụng trong thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội (tạo cung); và cơ chế liên kết giữa phát triển khoa học - công nghệ với phát triển kinh tế - xã hội (tạo liên kết cung - cầu).

khoa học - công nghệ với đào tạo nguồn nhân lực khoa học - công nghệ chất lượng cao, trình độ cao.

Hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy đổi mới sáng tạo trong hoạt động khoa học - công nghệ, gắn liền cống hiến với hưởng thụ, lợi ích với trách nhiệm công dân, trách nhiệm xã hội; bảo vệ sở hữu trí tuệ. Tiếp tục đổi mới căn bản cơ chế quản lý hệ thống các chương trình, nhiệm vụ khoa học và công nghệ¹, nhất là cơ chế tài chính, lấy kết quả, hiệu quả cuối cùng làm tiêu chí đánh giá chất lượng hoạt động khoa học, công nghệ. Xây dựng môi trường hoạt động khoa học - công nghệ dân chủ, công khai, minh bạch; khắc phục tình trạng quan liêu, tham nhũng, tiêu cực, hành chính hóa trong hoạt động khoa học - công nghệ.

Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách để đẩy mạnh và nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác, hội nhập quốc tế về khoa học - công nghệ; tranh thủ nguồn lực và tri thức khoa học - công nghệ của các quốc gia tiên tiến; hình thành mạng lưới kết nối,

1. Từ xác định mục tiêu, nội dung nghiên cứu, tuyển chọn và xác định tổ chức nghiên cứu, đến quá trình nghiên cứu, nghiệm thu kết quả nghiên cứu và ứng dụng vào thực tiễn.

thu hút sự tham gia đóng góp của cộng đồng các nhà khoa học người Việt Nam ở nước ngoài.

(6) Tăng cường bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu

Nâng cao nhận thức của cả hệ thống chính trị, các doanh nghiệp và toàn xã hội về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Phải coi đây là vấn đề có tính chiến lược, ảnh hưởng đến "tồn vong lâu dài" của đất nước, của dân tộc. Phải quán triệt và thực thi nghiêm túc quan điểm "không đánh đổi môi trường lấy tăng trưởng kinh tế"; xác định bảo vệ môi trường và ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu là một nội dung trọng yếu của phát triển nhanh, bền vững đất nước.

Xây dựng chiến lược, quy hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội phải bao hàm nội dung bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng tăng trưởng xanh và phát triển bền vững¹. Hạn chế, tiến tới khắc phục căn bản

1. Hướng tới xây dựng và phát triển nền kinh tế xanh, sử dụng năng lượng xanh, sản xuất xanh và tiêu dùng xanh.

tình trạng huỷ hoại, làm cạn kiệt tài nguyên, gây ô nhiễm môi trường của các cơ sở sản xuất, các khu công nghiệp, khu đô thị, các làng nghề ở nông thôn. Thực hiện nghiêm ngặt các biện pháp phục hồi môi trường, tạo bước cải thiện rõ rệt chất lượng môi trường sống.

Nâng cao năng lực dự báo và giám sát về môi trường, biến đổi khí hậu, cảnh báo thiên tai và thảm họa môi trường; xây dựng hệ thống các giải pháp về phát triển kinh tế, xã hội thích hợp và ứng phó có hiệu quả với những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu. Chuyển đổi cơ cấu sản xuất, giống cây trồng, vật nuôi, điều chỉnh mùa vụ, kỹ thuật sản xuất nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu, bảo đảm sinh kế cho người dân những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng do biến đổi khí hậu.

Hoàn thiện và thực thi nghiêm túc hệ thống pháp luật và cơ chế, chính sách về bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu. Nâng cao toàn diện hiệu lực, hiệu quả của quản lý nhà nước về khai thác, sử dụng tài nguyên, bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; ngăn chặn và xử lý nghiêm mọi hành vi vi phạm pháp luật. Tích

cực và chủ động hợp tác quốc tế trong việc bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

(7) Về quốc phòng và an ninh

Quán triệt sâu sắc mục tiêu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc và bảo đảm an ninh cho đất nước. Phát huy cao nhất sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc và sức mạnh thời đại, sức mạnh của hội nhập và hợp tác quốc tế để bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định chính trị, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, bảo đảm cho đất nước phát triển nhanh, bền vững. Tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện Chiến lược bảo vệ Tổ quốc và thực hiện có hiệu quả các giải pháp tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh của đất nước.

Chế định rõ tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội là nhiệm vụ chiến lược trọng yếu, thường xuyên của Đảng, Nhà nước, hệ thống chính trị và toàn dân, trong đó lực lượng vũ trang nhân dân là nòng cốt. Có chính sách để xây dựng Quân đội nhân dân, Công an nhân dân cách mạng, chính

quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại; tập trung ưu tiên phát triển một số quân chủng, binh chủng, lực lượng tiến thẳng lên hiện đại. Xây dựng và kết hợp chặt chẽ thế trận quốc phòng toàn dân với thế trận an ninh nhân dân phù hợp và hiệu quả trong điều kiện mới. Chú trọng xây dựng thế trận lòng dân làm cơ sở để phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân tộc trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Kết hợp chặt chẽ, hiệu quả giữa phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội với quốc phòng, an ninh và đối ngoại.

Quán triệt và thực thi nhất quán phương châm, phương thức bảo vệ Tổ quốc: nâng cao năng lực, trình độ dự báo chiến lược; phát huy sức mạnh tổng hợp, có kế sách ngăn ngừa các nguy cơ chiến tranh, xung đột một cách tích cực, chủ động, linh hoạt, thực hiện trong ám, ngoài êm; kiên quyết, kiên trì thực hiện các giải pháp bảo vệ Tổ quốc từ sớm, từ xa; tăng cường hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh; chủ động, tích cực tham gia các cơ chế đa phương về quốc phòng, an ninh phù hợp với tư duy mới về bảo vệ Tổ quốc; tạo lập các quan hệ đối tác tin cậy, bền vững, cùng có lợi.

Giữ vững và tăng cường sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng; sự quản lý tập trung, thống nhất của Nhà nước đối với các lực lượng vũ trang nhân dân và sự nghiệp tăng cường quốc phòng, an ninh, bảo vệ Tổ quốc trong điều kiện mới.

(8) Về đối ngoại

Nhận thức rõ, sâu sắc các xu thế phát triển và biến động của thế giới và khu vực để có chủ trương, chính sách và giải pháp chủ động, tích cực ứng phó, thích nghi với tinh thần năng động, sáng tạo, hiệu quả. Kiên định và nhất quán thực hiện có hiệu quả đường lối đối ngoại "độc lập, tự chủ, đa phương hoá, đa dạng hoá" trong quan hệ đối ngoại; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; là bạn, đối tác tin cậy và thành viên có trách nhiệm của cộng đồng quốc tế, "hợp tác đi đôi với đấu tranh". Tập trung phát triển mạnh quan hệ với các nước lớn, các đối tác chiến lược, các nước láng giềng, các nước trong khối ASEAN theo nguyên tắc hợp tác bình đẳng, cùng có lợi; xây dựng các quan hệ đối tác chiến lược, đối tác toàn diện tin cậy, bền vững, cùng có lợi. Thúc đẩy tuân thủ Hiến chương Liên hợp quốc và

luật pháp quốc tế, góp phần tích cực vào những nỗ lực chung của cộng đồng quốc tế vì hoà bình, hợp tác và phát triển.

Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách hội nhập quốc tế để đáp ứng có hiệu quả cao với yêu cầu đưa quan hệ quốc tế, hội nhập quốc tế đi vào chiều sâu, toàn diện hơn, nhất là khi tham gia những hiệp định thế hệ mới như CPTPP, EVFTA để có thể tận dụng được các cơ hội, "hoá giải" được các thách thức, thực hiện có hiệu quả các hiệp định và cam kết quốc tế. Xây dựng cơ chế, chính sách để có thể chủ động điều chỉnh có hiệu quả chiến lược hợp tác và hội nhập quốc tế, vừa có tầm nhìn dài hạn, vừa thích ứng năng động trước những biến chuyển của tình hình, ứng phó kịp thời, giảm tác động tiêu cực của các biến động quốc tế và khu vực; có những đổi mới để bảo vệ lợi ích quốc gia, bảo vệ nền sản xuất trong nước khỏi những tác động tiêu cực. Đẩy mạnh tham gia vào các chuỗi sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

Chủ động đẩy mạnh tham gia vào đối ngoại đa phương, phát huy vai trò của Việt Nam tại các cơ chế đa phương. Đồng thời đẩy mạnh và làm sâu sắc hơn quan hệ hợp tác song phương, đặc biệt là với

các đối tác chiến lược, đối tác toàn diện, tạo đan xen lợi ích và tăng độ tin cậy, góp phần xây dựng trật tự chính trị, kinh tế quốc tế; bảo đảm môi trường hoà bình, ổn định để phát triển nhanh, bền vững đất nước.

Bảo đảm sự lãnh đạo thống nhất của Đảng, sự quản lý tập trung của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Tăng cường công tác nghiên cứu, dự báo chiến lược về đối ngoại; không để bị động, bất ngờ. Mở rộng, làm sâu sắc hơn và nâng cao hiệu quả quan hệ đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân. Tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và hội nhập quốc tế. Nâng cao vị thế, uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

(9) Về xây dựng Đảng, Nhà nước và hệ thống chính trị

Xây dựng, đổi mới, hoàn thiện đồng bộ hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, sáng tạo với cơ cấu tổ chức tinh gọn, phù hợp, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, tạo nền tảng chính trị và pháp lý vững chắc để đất nước phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn mới, tập trung vào các nội dung chính:

Về đổi mới và hoàn thiện thể chế chính trị, tập trung vào những nội dung chủ yếu sau:

Hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo Nhà nước và xã hội theo các nguyên tắc: Đảng lãnh đạo bằng Cương lĩnh, chiến lược, các định hướng về chính sách và chủ trương lớn; bằng công tác tuyên truyền, thuyết phục, vận động, tổ chức, kiểm tra, giám sát và bằng hành động gương mẫu của cán bộ, đảng viên. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan lãnh đạo của hệ thống chính trị. Đảng lãnh đạo thông qua tổ chức đảng và đảng viên hoạt động trong các tổ chức của hệ thống chính trị, tăng cường chế độ trách nhiệm cá nhân, nhất là người đứng đầu. Đảng thường xuyên nâng cao năng lực cầm quyền và hiệu quả lãnh đạo, đồng thời phát huy mạnh mẽ vai trò, tính chủ động, sáng tạo và trách nhiệm của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị. Đường lối, chủ trương của Đảng được thể chế hóa và tổ chức thực hiện bởi Nhà nước và thông qua Nhà nước. Nhà nước hoạt động theo pháp luật và quản lý phát triển xã hội

bằng pháp luật; hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước là sự thể hiện trực tiếp vai trò lãnh đạo của Đảng. Đổi mới, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, nhất là đối với Nhà nước. Xác định rõ nội dung và thể chế hoá rõ hơn cơ chế vận hành của hệ thống chính trị.

Nâng cao năng lực định hướng và hoạch định chiến lược, chính sách phát triển, năng lực dự báo và điều chỉnh chiến lược phát triển toàn diện các lĩnh vực; gắn kết hữu cơ các mục tiêu ngắn hạn với các mục tiêu trung và dài hạn, lấy mục tiêu dài hạn để chi phối quá trình phát triển.

Xây dựng và thực thi có hiệu quả hệ giá trị văn hoá của Đảng và Nhà nước, của cả hệ thống chính trị trở thành những giá trị tốt đẹp tiêu biểu cho sự phát triển của đất nước trong giai đoạn mới. Xác định, xây dựng, thực thi, bảo vệ và tôn vinh các giá trị con người, giá trị công dân, giá trị xã hội, giá trị cộng đồng, giá trị dân tộc, nhất là các giá trị dân chủ, sáng tạo, trách nhiệm xã hội, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Đây là động lực nội sinh cốt lõi của sự phát triển bền vững.

Về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa: Nhận thức sâu sắc và thực chất dân chủ vừa là mục tiêu, vừa là thể chế và động lực phát triển bền vững; dân chủ vừa là quyền, lợi ích, vừa là nghĩa vụ và trách nhiệm xã hội của mỗi người dân, tổ chức, đoàn thể và cộng đồng. Dân chủ và kỷ cương, tuân thủ pháp luật là bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, "là chìa khoá vạn năng để giải quyết mọi vấn đề".

Để xây dựng và thực thi nền dân chủ phải hoàn thiện đồng bộ pháp luật, trong đó chế định rõ quyền, quyền hạn, nghĩa vụ, trách nhiệm, lợi ích, trách nhiệm xã hội và trách nhiệm giải trình công khai, minh bạch của mỗi cá nhân, tổ chức, đoàn thể và đơn vị. Đặc biệt là chế định rõ và thực thi có hiệu quả các giá trị dân chủ trong Đảng, trong Nhà nước và trong hệ thống chính trị làm cơ sở để phát huy dân chủ trong toàn xã hội. Chế định rõ hệ thống các tiêu chí về dân chủ trong tất cả các lĩnh vực, gắn liền với đó là chế định rõ cơ chế để thực thi và giám sát xã hội.

Đảng lãnh đạo Nhà nước xây dựng luật pháp và quản lý thực thi các chính sách theo nguyên tắc

pháp quyền và dân chủ, phản ánh đầy đủ ý chí, nguyện vọng, lợi ích của nhân dân. Xây dựng và thực thi có hiệu quả cơ chế kiểm soát quyền lực của Đảng và Nhà nước từ phía nhân dân, xã hội. Xây dựng thể chế để thực thi có hiệu quả dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp; thực hiện có hiệu quả dân chủ ở cơ sở; bảo đảm có hiệu quả quyền tiếp cận thông tin; thể chế hoá và thực hiện tốt phương châm "Dân biết, dân bàn, dân quyết, dân làm, dân kiểm tra, dân thụ hưởng".

Hoàn thiện thể chế và bảo đảm các điều kiện để nhân dân tham gia ở tất cả các khâu của quá trình đưa ra những quyết định liên quan đến lợi ích, cuộc sống của nhân dân. Tổ chức thực hiện tốt hoạt động giám sát và phản biện xã hội, hoạt động góp ý xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội.

Phát huy dân chủ phải đi liền với tăng cường pháp chế, kỷ cương, đề cao trách nhiệm công dân. Coi trọng kỷ luật, kỷ cương, gắn quyền với trách nhiệm, nghĩa vụ và đề cao đạo đức xã hội. Xử lý nghiêm những hành vi lợi dụng dân chủ, nhân quyền để làm mất an ninh chính trị, trật tự, an

toàn xã hội và những hành vi vi phạm quyền dân chủ và làm chủ của nhân dân.

Về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa: Xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là nhiệm vụ trung tâm của đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng thể chế chính trị. Hoàn thiện đồng bộ các điều kiện, bảo đảm nhà nước phản ánh đúng bản chất "Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân", "tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân". Nâng cao đồng bộ chất lượng và hiệu lực, hiệu quả hoạt động lập pháp, hành pháp và tư pháp. Đè cao vai trò của tư pháp trong xây dựng nhà nước pháp quyền.

Đè cao nguyên tắc pháp quyền trong xây dựng Nhà nước, trong xây dựng và thực thi hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, trong mọi hoạt động của Nhà nước, trong tất cả các hoạt động của xã hội theo nguyên tắc "người dân được làm những gì mà pháp luật không cấm; còn các cơ quan nhà nước và cán bộ, công chức chỉ được làm những gì pháp luật cho phép".

Nâng cao năng lực quản lý, điều hành của Nhà nước, đáp ứng yêu cầu quản lý, quản trị đất nước

phát triển nhanh, bền vững trong giai đoạn mới, với phương châm "liêm chính, kỷ cương, hành động, sáng tạo, bứt phá và hiệu quả". Đẩy mạnh đổi mới và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và cơ chế vận hành của hệ thống nhà nước, nhất là hệ thống hành pháp đáp ứng yêu cầu của Nhà nước pháp quyền trong giai đoạn mới. Trên cơ sở nhất quán nguyên tắc quản lý nhà nước đa ngành, đa lĩnh vực, đồng thời thực hiện quản lý chuyên ngành thống nhất từ Trung ương xuống cơ sở, để xây dựng tổ chức bộ máy nền hành chính chuyên nghiệp, tinh gọn, ổn định, hiệu lực, hiệu quả. Nâng cao năng lực xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách, năng lực chỉ đạo tổ chức thực hiện, năng lực "phản ứng" chính sách trong bối cảnh phát triển nhanh của đất nước, biến đổi phức tạp và nhanh chóng của thế giới. Đề cao hơn nữa vai trò của hệ thống tư pháp, đẩy mạnh cải cách tư pháp, xây dựng nền tư pháp mạnh, trong sạch, công minh, hiện đại để bảo vệ Hiến pháp, pháp luật, bảo vệ nhân dân, các giá trị chế độ xã hội, đồng thời thực hiện có hiệu quả chức năng kiểm soát thực thi quyền lực nhà nước.

Đổi mới mạnh mẽ và hoàn thiện thể chế quyền lực nhà nước từ Trung ương xuống cơ sở với cơ chế phân cấp, phân công, phân quyền phù hợp và hiệu quả, theo các nguyên tắc: phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn giữa Trung ương và địa phương, vừa bảo đảm sự lãnh đạo tập trung thống nhất của Trung ương, vừa nâng cao tính tự chủ, tự quản, trách nhiệm giải trình, tính năng động, sáng tạo của địa phương, cơ sở. Nội dung phân cấp, phân quyền phải được chế định bằng luật pháp, gắn giữa quyền lực với trách nhiệm của cấp và cơ quan được phân cấp, phân quyền.

Hoàn thiện hệ thống chính quyền địa phương theo hướng xây dựng mô hình chính quyền phù hợp với khu vực nông thôn, thành thị, hải đảo... Tiếp tục đẩy mạnh quá trình sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp huyện (quận), xã (phường), các đơn vị, tổ chức trong hệ thống nhà nước phù hợp điều kiện và yêu cầu phát triển của giai đoạn mới. Trên cơ sở nghiên cứu lý luận, thực hiện thí điểm và tổng kết thực tiễn để sớm ban hành chế định pháp lý về xây dựng mô hình chính quyền các cấp địa phương (Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân và

các tổ chức khác liên quan) phù hợp với từng khu vực cụ thể.

Tiếp tục đẩy mạnh đổi mới và thực hiện hiệu quả cải cách hành chính, cải cách tư pháp; xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; xây dựng hệ thống đội ngũ cán bộ, công chức "thực đức, thực tài", nâng cao năng lực, trình độ, đạo đức công vụ và trách nhiệm giải trình. Đẩy mạnh xây dựng nhà nước kiến tạo và chính phủ điện tử, phục vụ hiệu quả cho phát triển kinh tế - xã hội ở trình độ cao.

Xây dựng và hoàn thiện đồng bộ thể chế, thiết chế, cơ chế bảo vệ Hiến pháp và luật pháp; kiểm soát chặt chẽ quyền lực nhà nước thông qua hệ thống pháp luật; phòng, chống có hiệu quả tình trạng tha hoá quyền lực, tham nhũng, lãng phí, quan liêu, cửa quyền, xa dân. Hoàn thiện chế tài để các cơ quan công quyền nhà nước, các cán bộ, công chức thực hiện nghiêm túc, công khai trách nhiệm giải trình trước xã hội và nhân dân.

Về xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân: Tiếp tục khẳng định và nâng cao vai trò rất quan trọng của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể

nhân dân trong xây dựng và phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, trong xây dựng Đảng và Nhà nước, trong thực hiện giám sát và phản biện xã hội.

Đẩy mạnh đổi mới chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức và cơ chế hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân theo hướng phân định rõ các chức năng, nhiệm vụ tham gia vào hệ thống chính trị và chức năng, nhiệm vụ mang tính đặc thù của từng tổ chức đối với các thành viên, để xây dựng tổ chức và cơ chế hoạt động phù hợp, hiệu quả, khắc phục tình trạng nhà nước hoá, hành chính hoá. Đặc biệt, cần đổi mới tổ chức và cơ chế hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp cơ sở, để các tổ chức này phải thực sự là người đại diện và bảo vệ lợi ích chính đáng của các thành viên của mình theo luật pháp.

Thể chế hoá và chế định rõ cơ chế lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước đối với Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân theo hướng bảo đảm định hướng chính trị, tuân thủ thượng tôn pháp luật, đề cao tính tự chủ, tự quản và trách nhiệm xã hội của các tổ chức. Ban hành đồng bộ

khung khổ pháp lý để Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân thực hiện có hiệu quả chức năng giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng Đảng và Nhà nước, chức năng tham gia giám sát thực thi quyền lực nhà nước, chức năng xây dựng và phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Về xây dựng tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả: Nghiên cứu cơ sở lý luận và tổng kết thực tiễn để tiếp tục đổi mới, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ của hệ thống chính trị và của từng tổ chức thành viên, trên cơ sở đó xây dựng mô hình tổng thể về tổ chức bộ máy hệ thống chính trị, gắn liền với đó là đổi mới và hoàn thiện cơ chế vận hành của hệ thống chính trị từ Trung ương xuống cơ sở, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động đáp ứng yêu cầu của giai đoạn mới.

Nghiên cứu xây dựng và hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của hệ thống chính trị các cấp. Lấy mục tiêu hiệu lực, hiệu quả sự vận hành đồng bộ của cả hệ thống chính trị cũng như của từng tổ chức để xác định tiêu chí, điều kiện sắp xếp, sáp nhập, tinh giản tổ chức bộ máy ở từng cấp; chế định rõ hơn mối quan

hệ về thẩm quyền và trách nhiệm giữa Trung ương và địa phương.

Về tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, chỉnh đốn Đảng: Xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức ngang tầm với đòi hỏi phát triển nhanh, bền vững đất nước, trong bối cảnh quốc tế diễn biến nhanh, phức tạp, sẽ đóng vai trò then chốt trong việc thực hiện vai trò lãnh đạo "tiên phong, dẫn đường" của Đảng trong giai đoạn mới.

Tập trung đổi mới, nâng cao năng lực lãnh đạo, cầm quyền, năng lực định hướng chiến lược phát triển; đổi mới nội dung, phương thức, cơ chế lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, nhất là phương thức lãnh đạo, cầm quyền chủ yếu bằng Nhà nước, thông qua Nhà nước. Bảo đảm Đảng thật sự là lực lượng tiêu biểu về trí tuệ, đạo đức, văn minh. Tiếp tục hoàn thiện thể chế dân chủ trong Đảng, thực hiện nghiêm túc chế độ tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, nhất là các cán bộ cao cấp, những người đứng đầu cấp uỷ và chính quyền. Dân chủ trong Đảng phải trở thành biểu tượng dân chủ trong hệ thống chính trị và trong xã hội. Đây là nhân tố quyết định trong

việc Đảng lãnh đạo đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng và thực thi có hiệu lực, hiệu quả thể chế phát triển nhanh, bền vững.

Hoàn thiện cơ chế Đảng lãnh đạo công tác tổ chức, cán bộ đối với hệ thống chính trị; lãnh đạo xây dựng và chế định rõ tiêu chuẩn, tiêu chí, cơ chế, quy trình công tác cán bộ một cách công khai, minh bạch; chế định rõ quyền hạn, trách nhiệm của từng cấp uỷ, từng tổ chức, đơn vị, nhất là những người đứng đầu trong công tác cán bộ. Xây dựng và thực thi cơ chế dân chủ trong công tác cán bộ, cơ chế để các tổ chức chính trị - xã hội và nhân dân tham gia giới thiệu và bày tỏ tín nhiệm đối với cán bộ, đảng viên. Đặc biệt quan tâm lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, nhất là đội ngũ cán bộ cấp chiến lược, thực sự là "công bộc của dân", gắn bó với nhân dân, đặt lợi ích của nhân dân, lợi ích quốc gia, dân tộc cao hơn lợi ích cá nhân, có đủ phẩm chất, năng lực và uy tín thực thi có hiệu quả nhiệm vụ được giao; loại bỏ những cán bộ, đảng viên thoái hoá, biến chất, cơ hội, tham nhũng, "lợi ích nhóm", quan liêu, yếu về năng lực, trình độ. Tăng cường công tác giáo dục cán bộ,

đảng viên; chế định rõ cơ chế để các tổ chức đảng, các cán bộ, đảng viên gắn bó máu thịt với nhân dân, thấu hiểu sâu sắc tâm tư, nguyện vọng và lợi ích chính đáng của người dân làm cơ sở cho xây dựng đường lối, chủ trương, chính sách phát triển và lãnh đạo tổ chức thực hiện hiệu quả.

Nghiên cứu hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, tổ chức bộ máy và cơ chế hoạt động của hệ thống kiểm tra đảng theo hướng tăng quyền hạn, trách nhiệm để thực thi đồng bộ kỷ luật đảng và nguyên tắc pháp quyền nhà nước.

Về hoàn thiện thể chế, cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ": Trên cơ sở nguyên tắc pháp quyền, bảo đảm và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và vai trò chủ thể của nhân dân, cần hoàn thiện và chế định rõ cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ" nhằm bảo đảm hiệu lực, hiệu quả vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước và vai trò làm chủ của nhân dân, trong đó thể hiện rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ lãnh đạo chính trị và trách nhiệm giải trình của từng tổ chức đảng, từng cấp uỷ

đối với các tổ chức nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội. Nhà nước hoạt động và quản lý phát triển xã hội theo nguyên tắc pháp quyền, thượng tôn pháp luật; cụ thể hoá, thể chế hoá đường lối, chủ trương, định hướng chính sách của Đảng, ban hành hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách, công cụ và các giải pháp quản lý nhà nước về tất cả các lĩnh vực. Vai trò làm chủ của nhân dân được chế định rõ ở quyền hạn và trách nhiệm tham gia giám sát, phản biện xã hội, đóng góp ý kiến xây dựng Đảng và Nhà nước; thể hiện sự tín nhiệm đối với sự lãnh đạo của các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên, đối với các cơ quan quản lý nhà nước các cấp và đội ngũ cán bộ, công chức; thể hiện ở việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ công dân theo nguyên tắc đã được hiến định trong Hiến pháp 2013.

Cơ chế "Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ" phải thể hiện sâu sắc nguyên lý cơ bản mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu: "... tất cả quyền lực trong nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đều thuộc về nhân dân", "địa vị cao nhất là dân, vì dân là chủ", "Nước ta là nước dân chủ. Bao nhiêu lợi ích đều vì dân. Bao nhiêu quyền hạn đều

của dân", "quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân", "Công việc đổi mới xây dựng là trách nhiệm của dân", vì vậy "việc gì có lợi cho dân phải hết sức làm, việc gì có hại cho dân phải hết sức tránh".

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
* <i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
I- BỐI CẢNH THỰC HIỆN CUỘNG LĨNH 2011	7
1. Bối cảnh quốc tế 2011 - 2020	7
2. Bối cảnh trong nước 2011 - 2020	10
II- NHẬN THỨC VÀ THỰC TIẾN 10 NĂM THỰC HIỆN CUỘNG LĨNH 2011, NHÌN LẠI 30 NĂM THỰC HIỆN CUỘNG LĨNH 1991	12
1. Những vấn đề chung về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta	12
2. Về phát triển kinh tế	18
3. Về văn hoá, xã hội và con người	34
4. Về quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế	68
5. Về xây dựng Đảng và hệ thống chính trị	81
6. Nhìn lại 30 năm thực hiện Cương lĩnh	109
III- NHỮNG ĐỀ XUẤT VÀ KIẾN NGHỊ	125
1. Dự báo bối cảnh quốc tế và trong nước	125

2. Đề xuất về tiếp tục bồi sung, phát triển nhận thức lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội 132
3. Đề xuất những định hướng lớn, giải pháp xây dựng, phát triển đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 142

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
PHẠM CHÍ THÀNH

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. ĐỖ QUANG DŨNG

Biên tập nội dung: ThS. PHẠM THỊ KIM HUẾ
ThS. NGUYỄN MINH HUỆ
ThS. HOÀNG THỊ THU HƯỜNG
ThS. NGUYỄN TRƯỜNG TAM
ThS. ĐÀO DUY NGHĨA
Trình bày bìa: ĐẶNG THU CHỈNH
Chế bản vi tính: LÂM THỊ HƯƠNG
Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
Đọc sách mẫu: BAN SÁCH KINH TẾ

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT, Số 6/86 Duy Tân, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: 080.49221, Fax: 080.49222, Email: suthat@nxbctqg.vn, Website: www.nxbctqg.vn**

TÌM ĐỌC SÁCH CỦA NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA SỰ THẬT

**HIẾN PHÁP VIỆT NAM QUA CÁC THỜI KỲ
(CÁC BẢN HIẾN PHÁP NĂM 1946, 1959, 1980, 1992, 2013)**

Nguyễn Phú Trọng

**XÂY DỰNG, CHỈNH ĐỔN ĐẢNG
LÀ NHIỆM VỤ THEN CHỐT ĐỂ PHÁT TRIỂN ĐẤT NƯỚC**

Ban Tuyên giáo Trung ương Đảng

**XÂY DỰNG Ý THỨC TÔN TRỌNG NHÂN DÂN,
PHÁT HUY DÂN CHỦ, CHĂM LO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN
THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC, PHONG CÁCH
HỒ CHÍ MINH**

ISBN 978-604-57-5623-2



8935279120963

SÁCH NHÀ NƯỚC ĐẶT HÀNG